

15 THÁNG 12 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

năm mười hai

TỪ TRI khủng hoảng đồng Phật lãng, một nguy cơ cho
hệ thống tiền tệ quốc tế * HIẾU đoàn ngũ hóa thiếu
nhi * NGUYỄN HIẾN IÊ thăm trạng nhược tiểu : chiến
tranh dầu lửa * LÊ VĂN KHẢI chúng ta học ngoại ngữ
* NGUYỄN TỬ QUÝ những giá-trị diêm tỵa của chủ-
nghĩa tư bản và chủ-nghĩa xã hội * LÊ HƯƠNG chợ
trời Tịnh-biên * TRỊNH KHẢ NGUYÊN những ngày còn
lại * N.A. KHƯƠNG những đoạn tình buồn * TRÙNG
DƯƠNG sương đọng trên cành * LÃNG NHÂN khâu
nghiệp * PHẠM THÁI tâm sự một sinh viên du học
* THỦY TRIỀU mùa thu em áo lụa qua cầu * HOÀNG
GỖ QUỶ huế • bên ni sông * CHU VƯƠNG MIỆN
tình ca * **SINH HOẠT** thời sự quốc tế *
thời sự khoa học : Lên
trăng * thời sự văn nghệ *
Hội diện ảnh Việt Mỹ

287





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I Đ A I

Số 287 ngày 15 - 12 - 1968

TỪ TRÌ <i>khủng hoảng đồng phật lãng, một nguy cơ cho hệ-thống tiền-tệ quốc-tế</i>	5
HIẾU <i>vấn đề đoàn-ngũ-hóa nhân dân : đoàn ngũ-hóa thiếu-nhi</i>	11
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>thảm trạng nhược tiểu : chiến tranh đầu lửa ; hợp rời chia, chia rồi hợp</i>	17
LÊ VĂN KHẢI <i>chúng ta học ngoại ngữ</i>	27
NGUYỄN TỬ QUÝ <i>những giá-trị diêm tỵ của chủ nghĩa tư-bản và chủ-nghĩa xã-hội</i>	30
LÊ HƯƠNG <i>những ngôi chợ trời dọc biên giới Việt - Miên : chợ trời Tịnh-Biên</i>	37
TRỊNH KHÃ NGUYỄN <i>những ngày còn lại (truyện ngắn)</i>	43
N. A. KHƯƠNG <i>những đoạn tình buồn (truyện ngắn)</i>	49
THỦY TRIỀU <i>mùa thu em áo lụa qua cầu (thơ)</i>	55
HOÀNG GỖ QUÝ <i>huế • bên ni sông • gửi tình qua thành nội (thơ)</i>	56
TRÙNG DƯƠNG <i>sương đọng trên cành (truyện ngắn)</i>	57
LÃNG NHÂN <i>khâu nghiệp (chuyện cà-kê)</i>	62
CHU VƯƠNG MIỆN <i>tình ca (thơ)</i>	68
PHẠM THÁI <i>tâm sự một sinh viên du học (Lá thư nước ngoài)</i>	69
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc-tế</i>	72
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học : Lên trăng</i>	75
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	78
L. T. Đ. <i>Hội điện ảnh Việt Mỹ</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

60, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở Giá gấp đôi :

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Cười** nguyên nhân và thực chất của Dương Tấn Tươi do cơ sở Phạm-Quang-Khai xuất bản và tác giả cùng nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 374 trang, thuộc tủ sách Nam-chi ; với ba mươi bốn lá thư tác giả giải đáp thắc mắc « cười là gì ? » trình bày và phê phán các triết-gia Tây-phương mà tác giả gọi là những tiểu lâm cao thủ, thu góp rất phong phú các chuyện cười kim cổ, Âu Á. Bản đặc biệt giá thường 320đ

— **Đồng bạc Việt Nam** và các vấn đề liên hệ của Nguyễn-bích-Huệ do cơ sở Phạm quang Khai xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 190 trang, gồm 2 phần lớn trình bày những ý-niệm căn-bản về tiền-tệ và lịch sử tiền-tệ cùng các vấn đề tiền tệ hiện đại của Việt-Nam giá 120đ.

— **Giai cấp xã hội** tập 1 Học thuyết Marx và Gurvitch của Bửu Lịch do nhà sách Việt Bằng (Kiến thức xã-hội) xuất bản gửi tặng. Sách dày ngót 200 trang gồm 2 phần : một phần trình bày quan niệm của K. Marx, một phần quan niệm của Gurvitch, mỗi phần đều có phê bình các quan niệm đó. Bản đặc biệt giá 120đ.

— **Nguồn gốc hát bội** của Thuận Phong, Ngô Văn Phát, trích lục trong niên-san Viện Đại Học Cần Thơ, do tác giả gửi tặng : Một công trình sưu-khảo

quan trọng về hát bội dày 8 trang mà tác giả là giảng viên Đại-Học Văn-Khoa.

— **Hiện sinh một nhân bản thuyết**, nguyên tác của J. P. Sartre bản dịch Thu-Nhân, do Thế Sự xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang in lần thứ ba, giá 80đ.

— **Chủ nghĩa hiện sinh**, nguyên tác P. Foulquié, bản dịch của Thu Nhân, do Thế-Sự xuất bản và gửi tặng. Sách 174 trang, in lần thứ 2, gồm 3 phần chính : Triết-học chủ-yếu-tính ; Triết-học hiện-sinh ; Thuyết hiên-sinh chủ-yếu-tính giá 120đ.

— **Đất nước** số 8 tháng 12-68 nguyệt-san do Ô. Nguyễn văn Trung làm chủ nhiệm số đặc biệt về Công giáo và Dân tộc, gồm những bài : Vấn đề dân tộc đặt cho người công giáo của Nguyễn Tử Lộc ; Công giáo và Cộng sản ở Việt Nam của Nguyễn Văn Trung ; nói chuyện ảo tưởng với « người anh em của tôi » Lm Nguyễn Quang Lâm của L.m. Nguyễn Ngọc Lan. Mỗi số dày 160 trang. Giá 50.

— **Tân văn** số 7 tháng 11-68, nguyệt san nghiên cứu phê bình văn học gồm những khảo luận và phê bình của : Trần Thiện Đạo, Nguyễn Văn Xuân, Đàm Quang Thiện, Tam Ích, Nguyễn Minh Hoàng, Trần Thái Đình, Lãng Nhân .. Mỗi số dày 110 trang. Giá 30đ.

— **Bĩ Vô** phóng sự tiểu-thuyết của Nguyên-Hồng do Đỗ Chiêu xuất bản gửi tặng. Tác phẩm liên chiến dày 246 trang, giá 140đ

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI

SỐ BÁCH-KHOA KỶ NIỆM 12 NĂM và SỐ TẾT KỶ DẬU sẽ xuất bản vào các ngày 15-1-69 và 1-2-69 Vậy những bài về các số đặc biệt trên đây, trân trọng xin quý bạn gửi đến trước ngày 25-12 1968 cho Tòa soạn kịp sắp xếp. Chân thành cảm tạ.

Khủng-hoảng đồng phật-lãng

một nguy cơ cho hệ-thống tiền-tệ quốc-tế

● TỪ - TRỊ

Pháp đang ở trong một tình trạng kinh tế vô cùng khó khăn. Thật vậy, sau vụ các sinh viên và thợ thuyền biểu tình, nền kinh-tế Pháp đã phải hứng chịu nhiều hậu-quả tai hại khiến cho giá-trị đồng phật-lãng bị lung lay. Những người đầu cơ đua nhau mua ngoại-tệ, nhất là đồng Mark của Đức, vì tin rằng đồng Phật-lãng thế nào cũng bị sụt giá và ngược lại đồng Mark sẽ được tăng giá. Đồi Phật-lãng lấy Mark là cơ hội làm giàu.

Người ta tung Phật-lãng ra thị-trường khiến loại tiền này đã xuống giá vì những khó khăn kinh-tế tại quốc nội lại càng xuống giá thêm vì số cung tăng mà số cầu giảm sút. Đối với đồng Mark của Đức lại xảy ra một hiện tượng ngược lại. Đồng Mark đã được thêm giá trị nhờ có nền kinh-tế trù phú của Đức nay lại cao giá vì khi đồ sộ mua loại tiền này, các con buôn đầu cơ đã gia-tăng số cầu và làm giảm bớt số cung.

Trước tình-trạng nguy ngập như vậy các nhà tài-chánh hữu-trách trên thế-giới đã họp nhau lại để tìm cách giải-quyết cuộc khủng-hoảng tiền-tệ này. Vì nếu tình trạng này cứ tiếp tục, toàn thể nền kinh-tế của thế-giới tư-bản sẽ bị sụp đổ.

Tại sao một hiện tượng xảy ra trong nội bộ Pháp quốc lại có thể có ảnh

hưởng tới toàn thể thế giới ? Để hiểu rõ vấn đề, chúng ta cần phải phân tích các cơ-cấu chi phó của nền thương mại trên thế giới.

Ngoài ra, trong tình-trạng hiện thời cuộc khủng hoảng tiền tệ lại còn có tính cách chính trị, vì vậy tìm được một giải pháp thích ứng cho cuộc khủng hoảng lúc này là một vấn đề khó khăn không nhỏ.

Theo lý-thuyết, hoạt-động kinh-tế là một nỗ lực chung của toàn thể một xã hội để giải quyết nạn khan hiếm. Vì vậy mà hoạt-động kinh tế của mỗi xã-hội dựa trên 3 yếu tố :

- 1 — sự phân công
- 2 — sự trao đổi
- 3 — và sự xử dụng tiền-tệ

Trước hết hoạt động kinh tế dựa trên sự phân công. Người sản xuất không có mục-đích là chỉ thỏa mãn cho nhu cầu của chính mình mà còn có mục đích tham dự vào một công trình sản xuất chung để thỏa mãn nhu cầu chung của toàn thể xã-hội. Trừ một vài trường hợp đặc biệt tự tiêu thụ sản phẩm của mình (auto-consommation) hầu hết các người sản xuất làm việc là để thỏa mãn nhu cầu của kẻ khác.

Về phương diện kỹ-thuật, sự phân công được thể-hiện bằng sự chuyên-môn

hóa các đơn-vị sản-xuất. Mỗi người, mỗi xí nghiệp chuyên sản-xuất một thứ hàng đặc biệt.

Vì có sự phân công và sự chuyên-môn-hóa nên người ta chỉ có thể phân phối các sản-phẩm qua hệ-thống trao đổi. Vì có sự trao đổi nên người ta phải xử dụng tiền tệ vì không có tiền-tệ thì người ta thiếu một đơn-vị đo lường. Có những trường-hợp đặc biệt người ta dùng hệ thống hoán-vật (tróc) để trao đổi sản phẩm bằng hiện-vật. Nhưng đây chỉ là những trường-hợp vô cùng đặc biệt. Hơn nữa trong hệ-thống hoán-vật người ta vấp phải nhiều khó khăn vì người ta không biết làm thế nào để ước lượng được giá trị của các đồ vật trao đổi. Một chiếc máy vô-tuyến truyền-hình thì có giá trị bằng bao nhiêu tạ gạo? Vì vậy người ta phải dùng tới sự trung gian của tiền-tệ.

Ngay tại các xã-hội sơ khai người ta đã dùng những vỏ hến, trà v...v. để làm tiền tệ. Sau đó người ta dần dần xử dụng vàng để làm phương tiện chi phó.

Nhưng số vàng chỉ có hạn, nếu người ta chỉ xử dụng có kim khí này thì các nhà kinh doanh sẽ thiếu phương tiện chi phó. Vì vậy dần dần người ta phải dùng tiền-tệ để thay vàng. Tiền tệ, nhất là tiền giấy, có lợi ích là chuyên chở dễ dàng hơn vàng. Lúc đầu tiên, các quốc gia chỉ phát hành tiền-tệ theo số vàng sở-hữu và dân chúng nếu không muốn giữ tiền có quyền đổi lấy vàng. Theo hệ-thống này, tiền giấy được vàng bảo đảm 100 0/0. Nhưng công dụng của tiền-tệ không phải chỉ có thế. Nếu Hoa-kỳ có 100 Mỹ-kim vàng mà chỉ phát hành có 100 Mỹ-kim giấy thì phương-tiện chi-phó vẫn bị số lượng vàng sở-hữu giới

hạn. Vì vậy người ta đã giảm tỷ-lệ bảo đảm tiền-tệ bằng vàng. Thay vì là lấy vàng ra bảo đảm 100 0/0 người ta chỉ lấy vàng để bảo đảm có 25 0/0 cho tiền giấy mà thôi. Như vậy với cùng một số vàng dự trữ người ta có thể phát hành gấp 4 lần số tiền giấy. Nhờ có sự gia tăng tiền giấy này mà một xã-hội có thêm phương tiện chi phó và vì vậy mà nền kinh tế thế giới được phát triển mạnh. Như vậy ta thấy rằng hệ thống tiền-tệ ngày nay dựa trên sự tin cậy của dân chúng. Nếu dân chúng tin cậy vào tiền tệ của nước mình, họ không đổi lấy vàng thì hệ thống tiền tệ được hoạt động điều hòa và mạnh mẽ, có lợi cho xã-hội. Nhưng nếu dân chúng không còn tin cậy vào tiền trong nước nữa, họ đòi đổi lấy vàng để có bảo-đảm hơn, thì hệ-thống tiền-tệ trong nước bị sụp đổ vì chính phủ không có đủ vàng mà đổi.

Nhưng trên đây chỉ là cơ-cấu chi phó tại nội bộ một quốc gia. Nếu quốc gia này muốn giao thương với một quốc gia khác thì người ta vẫn phải dùng vàng để thanh toán các món nợ. Thí dụ năm 1958 Việt-Nam bán cho Pháp một số hàng có giá trị tương đương với 500.000 Mỹ-kim và ngược lại Việt-Nam mua của Pháp một số hàng trị giá tương đương với 300.000 Mỹ kim. Như vậy cuối năm cán cân mậu-dịch giữa Pháp và Việt-Nam có một kết-số là 200.000 Mỹ kim và như vậy Pháp phải thanh toán số tiền này cho Việt-Nam bằng một số lượng vàng tương đương với giá trị của 200.000 Mỹ kim.

Nhưng chuyên chở một số vàng như vậy là một điều vô cùng bất tiện, vì vàng nặng nề lại còn có khi bị làm giả

mạo. Hơn nữa, thí dụ trên đây là một thí dụ giản dị giới hạn cho hai quốc-gia mà thôi. Trên thực tế, một quốc-gia còn phải giao-thương với nhiều quốc-gia khác, không lẽ người ta lại chở vàng đi khắp trên thế-giới. Vì vậy ngay từ thế kỷ thứ 19 người ta đã nghĩ tới việc sử dụng một loại tiền-tệ nào đó. Đồng bảng Anh đã được mọi quốc-gia lựa chọn làm phương-tiện chi phó trong nền thương mại quốc-tế. Sở dĩ đồng bảng Anh được chọn là vì vào thế kỷ trước, nền kinh-tế Anh phát triển nhất thế-giới, nên tiền Anh rất vững mạnh. Ngoài ra, người ta có thể tìm thấy tiền Anh trên khắp thế-giới, vì nước Anh vào thế kỷ thứ 19 là một đế-quốc thuộc-địa rất lớn nên các nhà ngân-hàng Anh ở rải rác khắp nơi.

Từ thế-kỷ thứ 19 tới đệ nhị thế chiến chấm dứt, người ta đều sử dụng đồng bảng Anh làm phương-tiện chi phó. Anh cũng cố gắng để bảo vệ tiền của mình bằng cách có một cán cân chi phó quân-bình để các quốc gia có thể vững lòng tin cậy.

Nhưng đến thế kỷ thứ 20, nhiều sự kiện đã xảy ra khiến cho địa-vị của Anh trong nền thương-mại quốc-tế bị lung lay. Bắt đầu từ năm 1917 khi quân đội Mỹ can thiệp vào đệ-nhất thế-chiến, Hoa-kỳ đột ngột xuất hiện trên trường quốc-tế với tư cách một đại cường quốc. Đồng Mỹ-kim cũng trở nên mạnh mẽ không kém đồng-bảng Anh. Trong khi đó đồng bảng Anh mất dần tính cách vững chắc vì Anh quốc đã gặp nhiều khó khăn kinh-tế. Và vì không còn được bảo đảm bằng vàng, đồng bảng Anh đã dần dần bị đồng Mỹ-kim thay thế.

Hiện thời cơ-cấu chi phó của nền thương-mại Quốc-tế được tổ chức như sau: Các quốc-gia trên thế giới dùng Mỹ-kim để định giá tiền-tệ của mình, và Mỹ-kim được định giá theo vàng, mỗi lượng vàng, (1 ounce hay 31,103g vàng) bằng 35 Mỹ-kim. Vì đồng Mỹ-kim được hoàn toàn bảo đảm bằng vàng nên dân chúng thế-giới hết sức tin tưởng vào giá trị của loại tiền này. Nếu không muốn giữ Mỹ-kim người ta có quyền đòi hỏi lấy vàng và Viện phát-hành Mỹ có bổn phận phải trả lại vàng. Nhưng từ khi đệ-nhất Thế-chiến chấm dứt tới những năm gần đây, Hoa-kỳ luôn luôn có một cán cân thương mại thặng dư nên không ai muốn đòi đổi vàng. Lợi dụng sự tin cậy của dân chúng, Hoa-kỳ đã phát hành rất nhiều tiền giấy trên mức vàng dự trữ và vì vậy mà nền kinh tế thế-giới đã đạt được một mức phồn thịnh chưa từng thấy.

Tổ-chức chi-phó này được hệ-thống-hóa bằng thoả-ước Bretton Wood năm 1944. thoả-ước Bretton Wood lập ra Quỹ tiền-tệ quốc-tế và bắt buộc các quốc-gia hội viên phải giữ vững bình-giá (parité) giữa tiền của mình với đồng Mỹ-kim. Mỗi quốc-gia chỉ được hạ giá tiền của mình khi được Quỹ tiền-tệ quốc-tế cho phép mà thôi. Hệ-thống Quỹ tiền-tệ quốc-tế này đã giúp nhiều cho các quốc-gia gặp khó khăn. Khi có cán cân chi-phó bị thiếu hụt, một quốc-gia có thể vay tiền của Quỹ tiền-tệ để thanh toán.

Hệ-thống thanh-quyết quốc-tế, (règlements internationaux) như vậy hoàn toàn dựa trên tinh thần hợp tác quốc-tế và sự tin tưởng vào hệ-thống

tiền tệ quốc-tế. Thiếu một trong hai yếu tố này có thể làm cho nền kinh-tế thế-giới sụp-đổ.

Tại Pháp, hiện thời hai yếu-tố này gần như không có. Thật vậy trong những năm gần đây tướng De Gaulle cho rằng Hoa-kỳ đã lợi dụng sức mạnh của đồng Mỹ-kim để thi hành một chính-sách đế-quốc kinh-tế (impérialisme économique). Ông cho rằng vì chẳng ai chịu đòi đòi Mỹ-kim lấy vàng nên Hoa-kỳ nhờ có sự tin tưởng này mà in thêm tiền giấy và dùng những phương-tiện chi-phó này để đầu tư tại Âu-châu nhằm dần dần đặt nền kinh-tế Âu-châu vào vòng lệ thuộc của họ. Vì vậy tướng De Gaulle đã đem gần hết số ngoại-tệ dự-trữ của Pháp đòi Hoa-kỳ đòi lấy vàng. Tuy có quyền làm như vậy, nhưng Tổng-thống De Gaulle đã gián tiếp làm xáo trộn hệ-thống tiền-tệ quốc-tế bằng một tinh-thần bất hợp-tác.

Ngoài ra, tướng De Gaulle còn chủ trương chỉ dùng vàng để thanh-toán trong nền thương mại quốc-tế mà thôi vì vàng là một phương-tiện có tính cách « vô tư », không làm lợi cho riêng một quốc-gia nào không như đồng Mỹ-kim làm lợi cho Hoa-kỳ chẳng hạn. Theo ông, « khuôn vàng thước ngọc » (règle d'or) của nền thương-mại quốc-tế là trở lại việc sử dụng loại kim quý này.

Thật ra tướng De Gaulle thừa hiểu rằng nếu hoàn toàn quay trở lại việc dùng vàng thì thế-giới sẽ thiếu phương-tiện chi phó vì hiện-thời tổng-cộng lại số lượng vàng hiện hữu trên thế giới chỉ có 66.000 tấn không đủ để các quốc-gia sử dụng. Nhưng chỉ vì muốn phá quyền bá-chủ kinh-tế của Mỹ nên tướng De Gaulle đã cố làm cho dân chúng mất tin tưởng vào đồng Mỹ kim.

Tuy nhiên do một sự khôi hài của số mệnh, chính dân Pháp lại mất tin tưởng vào đồng Phật-lăng trước. Từ 10 năm nay, dưới sự lãnh đạo của tướng De Gaulle, nước Pháp đã có một nền kinh-tế phồn thịnh, một cán-cân chi-phó luôn luôn thặng dư, vì vậy mà đồng Phật-lăng của Pháp trở thành một tiền-tệ lành mạnh. Sự vững chắc của đồng Phật-lăng luôn luôn làm Tổng-thống De Gaulle hãnh diện, nhất là khi ông so sánh tiền Pháp với đồng Anh-kim bấp-bênh.

Cuộc khủng-hoảng xã-hội và chính-trị vào tháng 5 và 6 1968 vừa qua đã có hậu quả là đem lại nhiều khó khăn cho nền kinh-tế Pháp. Thật vậy, sau nhiều tuần ngưng hoạt động sức sản xuất của Pháp năm 1968 đã giảm bớt khoảng 5%. Để thỏa mãn những đòi hỏi của thợ thuyền, chính phủ đã phải tăng lương cho họ khoảng 13%. Hơn nữa « chính-sách tham gia » (Politique de participation) của chính phủ còn dự trù cho phép nhân công được hưởng một phần lãi của xí-nghiệp. Sau hết, để thỏa mãn nhu cầu của sinh viên, nhà nước Pháp còn phải cải tổ các cơ-câu học-đường, tăng gia trang bị. Tất cả những biện pháp này đã tăng tiền chi tiêu mà chính phủ phải đài-thợ. Kết quả là tại nước Pháp người ta có tình-trạng lạm-phát. Dân chúng, nhất là giới con buôn đầu cơ, không còn tin tưởng vào sự vững chắc của đồng Phật-lăng nữa. Họ đua nhau đem tiền này đòi lấy đồng Mark của Đức. Họ yên trí rằng, để tái thiết lại quân-bình cho hệ-thống tiền-tệ quốc-tế thì Pháp phải hạ giá đồng Phật-lăng và Đức sẽ phải tăng giá đồng Mark. Đòi Phật-lăng lấy Mark, không những họ tránh được sự giảm giá của tài sản

họ khi đồng Phậ-lăng phá giá, mà họ còn có dịp để làm giàu nhờ sự tăng giá của đồng Mark. Trong có 3 ngày mà người ta mang vào Đức-quốc một số ngoại-tệ có trị giá tương đương với 1770 triệu Mỹ-kim, mà phần lớn là Phậ-lăng để đổi lấy Mark của Đức.

Chính phủ Pháp phải dùng vàng và ngoại tệ dự trữ ra để mua lại số Phậ-lăng, mà các con buôn đầu tư tung ra thị-trường, ngõ hầu làm tăng giá tiền này. Đức cũng tiếp tục bán đồng Mark, vì nếu không số cầu không thoả mãn sẽ làm tăng thêm giá đồng Mark. Thái độ của Pháp và Đức đều phù hợp với đường lối của Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế. Nhưng nếu phong-trào này cứ tiếp tục, cả hai quốc-gia đều không đủ sức để đối phó và kết quả là đồng Phậ-lăng sẽ bị sụp đổ.

Sau khi đồng Phậ-lăng sụp đổ. Các con buôn đầu cơ sẽ quay sang tấn công đồng bảng Anh bằng cách đem tiền này đi mua ngoại tệ. Nước Anh hiện có nhiều nợ lại có rất ít vàng và ngoại-tệ dự-trữ nên trong trường-hợp này đồng bảng Anh sẽ còn sụp đổ dễ hơn đồng Phậ-lăng. Sau đồng bảng Anh sẽ tới phiên đồng Mỹ-kim bị tấn công, dân chúng mất tin tưởng vào đồng Mỹ-kim sẽ đem Mỹ-kim đổi lấy vàng. Ta đã biết rằng hiện thời số Mỹ-kim lưu hành không được vàng bảo đảm 100% như vậy Mỹ-kim sẽ sụp đổ theo. Và ta có những hậu quả dây chuyền là thiếu thanh-khoản để thanh toán, mọi trao đổi quốc tế sẽ bị tê liệt, hàng hóa bị ứ đọng, nạn khủng-hoảng kinh-tế bùng nổ, nạn thất nghiệp sẽ lan tràn trên khắp thế-giới. Những cuộc khủng hoảng loại 1929 sẽ tái diễn.

Trước tình trạng nguy ngập như vậy, 10 quốc gia hội viên giàu mạnh

nhất của Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế đã nhóm họp tại Bonn, thủ đô Đức, để tìm cách giải quyết vấn đề. Sau 3 ngày phân tích tình-hình, hội-nghị đi tới kết-luận rằng cần phải phá giá đồng Phậ-lăng và đồng thời tăng giá đồng Mark của Đức. Nếu làm như vậy thì trên trường quốc-tế giá hàng của Pháp sẽ rẻ hơn, dễ bán hơn trên thị-trường thế-giới, do đó cán cân chi phó của Pháp sẽ giảm được sự thiếu hụt. Ngược lại tăng giá đồng Mark, thì giá hàng Đức sẽ tăng lên trên thị-trường quốc-tế, sẽ có ít người mua hơn, như vậy cán cân chi-phó của Đức sẽ bớt phần thặng-dư.

Đây là một biện-pháp hợp-lý nhằm tái thiết lại thế quân bình cho nền thương-mại quốc tế. Cả quốc-gia thặng dư lẫn quốc-gia thiếu hụt đều có bổn phận góp phần vào công cuộc tái lập quân-bình. Bởi vì sự thặng dư lẫn sự thiếu hụt, nếu quá mức, đều không có lợi cho hoạt động của nền thương-mại quốc tế.

Nhưng vì lý do chính trị cả Pháp lẫn Đức đều bác bỏ biện-pháp này. Đức hứa sẽ cho Pháp vay tiền để củng cố đồng Phậ-lăng nhưng từ chối không chịu tăng giá đồng Mark. Đức cho như vậy là vô lý cũng như « chữa bệnh cho một người ốm mà lại bắt người khoẻ mạnh phải uống thuốc ». Thật ra thì Đức không muốn làm giảm bớt sự thặng dư của cán cân chi phó vì như thế sẽ giảm bớt sự trù phú của Đức, trong khi chính phủ Đức hiện-hữu đang cần phải dùng sự trù phú này để đem lại thắng lợi trong cuộc bầu-cử Quốc-hội tháng 9 năm 1969 tới.

Về phía Pháp, tướng De Gaulle vì sợ mất uy tín nên quyết định không phá giá đồng Phậ-lăng mà từ 10 năm nay ông hằng kêu hãnh. Chính phủ Pháp chỉ dùng những biện pháp cò

điền để ngăn chặn không cho đồng Phật lãng xuống giá mà thôi.

Sau khi hội nghị các Tổng trưởng Tài chính nhóm họp ở Bonn, Pháp có sự lựa chọn giữa ba giải pháp: Giải pháp thứ nhất là không phá giá đồng Phật-lãng; Giải pháp thứ hai là phá giá đồng Phật-lãng khoảng 100/0; Và giải pháp thứ ba là phá giá đồng Phật lãng một tỷ lệ rất lớn.

Giải pháp thứ ba có nhiều hậu quả nguy hại nhất, vì nếu đồng Phật lãng hạ giá đến khoảng 200/0 thì hàng hóa Pháp trên thị trường quốc tế sẽ có một giá quá hạ để cạnh tranh mạnh mẽ với hàng hóa của các quốc gia khác, khiến cho các quốc gia này phải đồng loạt hạ giá tiền của mình. Và sau cùng đồng Mỹ-kim tất cũng phải phá giá theo. Lúc đó thì hệ-thống tiền-tệ quốc-tế cũng bị tan vỡ.

Giải pháp thứ hai phù hợp với lý thuyết trao đổi quốc-tế hơn cả vì trên thế giới chỉ có Pháp và Đức làm mất quân bình, Đức vì có cán cân chi phó quá thặng dư, Pháp thì có cán cân chi phó quá thiếu hụt, vì vậy hai nước đều cùng phải điều chỉnh tình-trạng của mình để sự thất quân-bình được giảm bớt.

Nhưng Pháp đã chọn giải pháp thứ nhất vì giải pháp này cũng có công dụng tái lập quân bình. Không phá giá đồng Phật-lãng, nhưng Pháp cắt ngân-sách khoảng 5 tỷ Phật-lãng, giảm tiêu-thụ, giảm nhập cảng, gia tăng xuất cảng. Khi Pháp trợ cấp cho xuất cảng thì biện pháp này cũng tương đương với một sự phá giá trá hình của tiền Pháp. Trong khi đó Đức cũng dùng những biện pháp tương đương với sự tăng giá trá hình của đồng Mark như tăng giá hàng xuất cảng, giảm thuế đánh vào các hàng nhập cảng.v.v..

Giải pháp trên được áp dụng có lợi là giữ trọn uy tín cho T.T. De Gaulle và có tác dụng là gây lại tin tưởng đối với đồng Phật lãng. Khi

nào sự tin tưởng của dân chúng được hoàn toàn vãn hồi, Pháp sẽ tái lập được quân bình vì khi đó tư-bản sau khi thoát ra ngoại quốc có thể sẽ trở lại Pháp. Giải pháp này vừa có tính cách tài chánh kinh tế vừa có tính cách tâm lý và chính trị. Hiện thời chính phủ Pháp đã thành công một phần nào trong việc củng cố tiền tệ của mình. Nhưng hành động của Pháp chỉ là những biện pháp có giá trị nhất thời. Một biện pháp cần phải được không những Pháp mà còn toàn thể các quốc gia trên thế giới áp dụng là cải tổ cơ cấu của thanh quyết quốc-tế ngõ hầu tìm được một căn bản vững chắc cho sự chi phó của nền thương mại quốc-tế. Các nhà hữu trách về tài chánh quốc-tế đã lưu ý nhiều tới việc cải tổ hệ thống Bretton Woods. Để thay thế cho hệ thống này người ta đã dự tính lập ra một quỹ đặc biệt tại Quỹ tiền tệ quốc tế với sự đóng góp của các quốc gia hội viên. Trong quỹ này, các hội viên có quyền vay đặc biệt một số tiền theo nhu cầu ngoại-tệ của mình. Tiền vay chỉ được dùng để thanh toán công nợ chứ không được dùng để mua hàng. Nhờ có quỹ này, các quốc-gia khiếm hụt không cần phải xử dụng vàng hay ngoại-tệ nữa.

oOo

Từ trước tới nay ta thấy rằng Pháp hoặc vô tình hoặc cố ý đã bộc lộ những sự sơ hở của hệ thống tiền-tệ quốc-tế. Đòi dự trữ ngoại tệ lấy vàng, đòi cải tổ hệ thống tiền tệ thế giới, tướng De Gaulle đã nhằm mục tiêu phá quyền bá chủ kinh tế Mỹ bằng cách cố ý nêu ra những nhược điểm của hệ thống Bretton Woods. Với những khó khăn tiền tệ đột ngột hiện thời Pháp đã vô tình làm thức tỉnh các quốc gia trên thế giới trước sự mong manh của hệ thống tiền tệ hiện thời. Như vậy dầu muốn dầu không, Pháp đã có một vai trò quan trọng và hữu ích trong việc cải tổ cơ cấu của thanh quyết quốc-tế và củng cố quân bình của nền thương mại thế giới.

TỪ TRÍ

Đoàn-ngũ-hóa thiếu-nhi

● HIỂU

Phân-hóa, tham-những là những tệ-trạng của xã-hội ta được ghi nhận từ lâu ; người ở ngoài chính-quyền thì chỉ-trích, dè-bĩu hoặc đề ra nguyên-tắc này, phương-pháp khác mong cải thiện tình trạng, kẻ nắm quyền hành thì áp dụng hết biện-pháp nọ đến đường lối kia, xoay-sở, sửa-chữa, vá-víu, tùy theo biến-chuyển của dư-luận hay tình-thế.

Khi báo-chí tố tham-những lộng-hành, họ kêu là giặc-tham-những, than quốc nhục, rồi thanh - lọc hàng - ngũ, thuyên-chuyển một lô giới-chức mang tiếng đề thay thế bằng một số khác (có khi cũng không kém tiếng tăm về phương-diện tham - những) ; đôi khi quyết-liệt hơn, cũng lôi một hai « đười tham-những » ra pháp-trường cắt làm vật tế - thần. Lúc thấy dân ấu - trĩ phân - hóa, họ lập mặt-trận, liên-minh, tạo các khối, lực lượng, đoàn-thề rồi học-tập, kiểm-thảo, đúc-kết. Nhưng cũng như ảnh-hưởng thời-tiết, mùa hạ gió nồm, mùa đông gió bắc, mỗi vấn-đề bột-phát sôi-nổi, gây không-khí rộn-ràng dăm ba tháng, sau đó lại kín-đáo rút lui khiêm-tốn nhường địa-vị thời-thượng lại cho một vấn-đề khác với hứa hẹn trở lại một thời-gian sau.

Đặc-tính chung của mọi cố-gắng tấ

phía chính-quyền là tính-cách bị-động : chính-quyền ta luôn luôn chạy theo mọi sự-việc, ít khi tiên-đoán các sự-kiện có thể xảy ra. Nếu như « cai-trị là tiên-liệu » thì trong chính-quyền ta không có nhà cai-trị, chỉ có các nhà khảo-sát : họ ghi nhận một đồ vỡ, quan-sát, xoay-ngang đặt ngược vấn-đề, tra-vấn rồi bóp trán ngẫm-nghi, suy-luận để tìm kiếm nguyên-do. Để tìm chân-lý ? Có thể. Để tìm cách sửa chữa ? Cũng có thể. Nhưng cũng chính là để phủ-nhận trách-nhiệm của họ và của chính-quyền nói chung : những nguyên-do thất-bại không nằm trong kinh sách cổ-điển và lại càng không nằm trong chương-trình của chính-phủ.

Thật thế, nếu ông Nhà Đền phải « trân-trọng bố-cáo cúp điện » là vì máy của ngoại-quốc chế-tạo hay hỏng — hoặc là chúng ta sử-dụng làm hỏng máy —, vì thủ tục hành - chính, kinh-tế trì-hoãn việc tu-bồ, vì tình-hình kém an-ninh ngăn-cản chuyên - viên ngoại-quốc tới sửa-chữa ; nhưng lỗi chính vẫn về phần giới sử-dụng — nghĩa là các người đóng-thuế và trả tiền điện. Chương-trình của chính-phủ từ đệ-nhất Cộng-hòa vẫn là đưa ánh-sáng văn-minh đô-thị về nông-thôn, nay nông-thôn lại đi ngược lại : bồng đầu nông-dân

đùn đùn khăn gói quả mướp kéo về Saigon sài điện phung-phí, khiến cho ánh-sáng đô-thành trở thành ánh tối tù-mù bữa có bữa cúp ! Cầu Bến-Lức bị phá-hoại, báo hại ông Kinh-tế phải họp báo tuyên-bố sự phá-hoại là một lý-do « ngoại kinh-tế » và thanh-minh chính-phủ không hề chủ-trương như thế. Nào có ai dám hõn-hào nghi-ngờ phá-hoại nằm trong chương-trình cứu dân của chính-phủ đâu, dân chỉ mong chính - quyền dự-liệu một biện-pháp phân-phối, tiếp-tế trong trường - hợp một khoảng đường nào trên các trục giao-thông bị gián-đoạn vì bất cứ một lý do nào.

Bộ máy chính-quyền luôn luôn ở trong thế bị động và ở trong tư-thế đó chỉ còn cách vá-víu níu-đỡ, chứ tuyệt-nhiên không có một kế-hoạch rộng lớn nằm trong một chương-trình liên-tục, kích-thước quốc-gia, vì thế mới có những cảnh tréo-căng-ngổng : thiếu điện ư ? dân chúng nên tự-túc với các máy phát-điện nhỏ, sài riêng hay chung cho năm ba nhà ; thật là tiện-lợi cho tất cả mọi người, kể cả các kỹ-nghệ gia Nhật-Bản. thị-trường V. N. tràn ngập xe gắn máy Honda rồi thì nay đến máy điện Honda ? Rau tiếp tế thiếu ư ? Hãy ăn thịt, thịt heo ướp đá, thịt gà đông lạnh. Thiếu thịt ư ? Hãy tự-túc nuôi gà, gà Mỹ ăn ít đẻ trứng nhiều, ông Tiếp-tế lại còn dễ dãi hứa cho vay cả chuồng gà lẫn gà con.

oOo

Công-tác đoàn-ngũ-hóa nhân-dân là một một thí-dụ điển-hình về tính-cách tùy hứng và giai-đoạn.

Những thí-nghiệm đầu tiên của đệ-nhất cộng-hòa là Phong-trào Cách-mạng

quốc gia. Không được nhân-dân hưởng ứng, chính-quyền đã áp-dụng cho các công-chức là thành-phần chính quyền kiểm soát được vì nắm giữ nôi cơm của họ. Thế là được thành lập tại mỗi sở một hệ-thống công-chức cách mạng quốc-gia bao gồm từ chủ sở đến anh lao công. Rồi cũng học tập hàng tuần, kiểm thảo, đúc kết. Người công-chức thiếu may mắn bị chỉ định làm thuyết-trình-viên đã không ngần ngại đọc nguyên-văn bản tài-liệu quay ronéo nhận được cho cử-tọa làm ra vẻ nghe. Từ đô-thị tới tỉnh và quận-ly đều có các buổi học tập hay tổ cộng với một người nghiêm-trang đọc một xấp tài-liệu trong khi vô-số người khác tụ-tập, vừa nghe vừa nói chuyện đùa rỡn và hình ảnh cổ-diễn của vài nữ công-chức có bầu, miệng ngậm quả ô-mai chua ngọt, tay uè-oải đan áo ấm cho đứa con đang đập trong bụng. Ý-kiến phát biểu hầu như không có và phần cảm-tưởng thường giống nhau : « đề-tài hợp thời, thuyết-trình-viên trình-bày mạch-lạc, chủ-tọa đoàn giải-đáp thỏa-đáng các thắc mắc.v.v. » Có những nơi người chủ tọa còn giản-lược phần hội-thảo : « Bài học-tập hôm nay thật rõ-ràng, chúng ta là công chức đương nhiên phải thấu-triệt đường lối của chính phủ, vậy chắc không còn chi đề thắc-mắc ? » Những kế-hoạch học-tập và đoàn-ngũ-hóa đại loại như thế, ai cũng biết nó thu-thập được kết quả như thế nào. Những đoàn-thề miễn-cưỡng chỉ chú-trọng đến hình thức và dựa vào sự bảo-trợ của chế-độ lễ dĩ nhiên cũng ngã theo chế-độ.

Song song với việc canh-tân quân-đội, những người cầm quyền hồi đó cũng muốn tạo một đoàn-thề võ trang khác để gây thế quân-bình với quân-đội : Đó

là các đoàn thanh niên và thanh nữ Cộng hòa. So với đoàn công chức CMQG thì hai đoàn thề sau này đáng được khuyến-khích hơn vì tập-hợp được những người trẻ trong một sinh-hoạt tập-thề có tổ-chức chặt chẽ và được huấn-luyện đầy đủ. Điều đáng tiếc là chính-quyền đương-thời chỉ muốn những công-cụ vũ-trang chứ không muốn có những công-dân có vũ-khí và ý thức được trách-nhiệm của họ. Thế nên khi nói chế-độ họ Ngô sụp đổ là vì kỳ thị tôn-giáo, độc-tài gia-đình trị hay vì ngoại-bang muốn thay đổi, hoặc vì nhiều lý-do khác, có người đã khẳng định rằng lý-do chính là trong chín năm trời họ Ngô đã không đào tạo nổi một đoàn-ngũ trẻ sẵn-sàng tiếp-tục và hoàn-tất công-trình cải-thiện-hóa xã-hội phân-hóa, tham-những và chậm-tiến.

Các chính-quyền kế tiếp lại tỏ ra lúng túng hơn nữa trong việc kết hợp nhân-dân. Nếu quý vị có một đứa con đang bị giết đi làm đường thì quý-vị phải kêu nó về con đường thẳng chứ sao lại giết nó ?

Lẽ ra phải tạo cho các toán Thanh-niên Cộng-hòa một sinh hoạt mới, thổi vào đó một luồng sinh-khí mới thì những nhà cầm-quyền sau cách-mạng tháng 11 đã chọn giải-pháp dễ dàng và lười biếng là bỏ phế TNCH. Mặc ai nấy sống, tự do lên phố, tự do xuống đường, tự do khiêu-vũ, tự do cá ngựa.

Tiếp au đó là một loạt biện-pháp tùy hứng vá víu, tùy theo biến chuyển của tình-hình. Khi chiến-cuộc bột phát, các toán phòng-vệ dân-sự được thai nghén vội-vã và thánh-hình gấp rút đề vờ sạ, như những trẻ sơ-sinh thiếu

tháng èo-ọt, hữu sinh vô dưỡng, tan rã gấp rút hơn.

Lúc các phi-vụ oanh-tạc miền Bắc mở màn, đề đề-phòng các cuộc không-tập trả đũa có thể có, chính-quyền lại sốt-sắng dồn xếp các công-dân vào những toán phòng-thủ thụ-động, phân chia nhóm này đi đào vôi vữa mấy cái hầm trú-àn, toán kia đi kẻ mấy dấu hồng-thập-tự lên mái nhà-thương, bệnh-xá ; không-khí rộn-ràng đợi chờ bom đạn chẳng bao lâu cũng lui dần vì chẳng có máy bay địch nào tới đề đề-cao cảnh-giác và nuôi-dưỡng tinh-thần đấu-tranh.

Lại phải đợi đến biển-cổ xuân Mậu-Thân mới thấy những người tập-sự trí thức nắm tay sát cánh trong bộ đồng-phục kaki tụ-hợp tại vườn Tao Đàn, yêu cầu được lập thành hàng ngũ, trang bị vũ-khí. Khí-thế đang lên, họ đòi được phục-vụ và chia nhau canh gác dọc bờ sông Saigon, bảo-vệ Thủ-đô. Không hiểu vì e ngại sự hăng say chiến đấu của các thư sinh tay súng tay bút hay sao mà chẳng thấy quân địch bén mảng tới thành-trị sinh-viên bảo-vệ thủ-đô. Chẳng bao lâu, sao đổi ngôi, người anh cả của sư-đoàn sinh-viên bảo-vệ thủ-đô bỗng nhiên được mời ra khỏi chính-quyền. Như rắn mất đầu các chàng trai anh-dũng lại xếp súng đạn theo việc bút-nghiên. Có tin đồn rằng họ đang noi gương các bậc đàn anh giáo-chức làm đơn xin được hoãn dịch.

Còn tồn-tại có lẽ là nhân-dân tự-vệ với sức chịu đựng dẻo dai hơn, thỉnh-thoảng lại xuất hiện trên báo-chí nhắc-nhở sự hiện-diện của mình một cách rầm rộ như huấn-luyện tác-xạ, cấp phát vũ-khí, hoặc đôi khi khiêm nhường hơn

như súng cướp cò, hay nhậu nhẹt say sưa cãi nhau inh ỏi. Nếu các đợt tấn công II và III của địch không còn cơ-hội thực-hiện, nếu chiến-cuộc lắng dịu dần, chẳng biết chương trình nhân-dân tự-vệ sẽ thọ hơn các đoàn-ngũ có trước nó được bao lâu?

oOo

Nếu chỉ trách chính-quyền đã không có được một chính-sách liên-tục trong nỗ-lực đoàn-ngũ hóa nhân-dân nên toàn để ra những đoàn-thể rời-rạc, rồi đem con bỏ chợ thì cũng quá nghiêm khắc. Có thể chính-quyền thất-bại vì những quyết-định tùy hứng và giai đoạn thật, nhưng nếu toàn dân ý-thức được trách-nhiệm công-dân và nếu các nhà lãnh đạo ở ngoài chính quyền thừa thiện-tâm thiện-chí, há chẳng tạo được các đoàn thể mạnh với tổ chức tinh-vi, kỹ-luật vững chắc sao? Những đoàn-thể nảy sinh từ nhân-dân lại chẳng hữu-hiệu hơn những tổ-chức do chính-quyền tạo nên sao? Nhưng ta đã không có.

Sự thực một phần lỗi do chúng ta; khi đưa trẻ hư hay tên học trò dốt, có thể trách-nhiệm do cha mẹ thiếu răn bảo hoặc ông thầy thiếu giậy dỗ, nhưng nếu những sinh-viên tự-nguyện đi bảo-vệ thủ-đô lại gác súng để đi đánh phé hay rút xi thì chớ trách người cán-bộ hướng-dẫn mà nên trách kẻ tập sự trí-thức thiếu ý-thức. Còn gì đáng thương hại bằng những chàng trai trẻ tuấn-tú miệng hô Bắc tiến, tổng-động-viên, tay thủ đơn xin hoãn-dịch, kè-kè mấy y-chúng năn-nỉ xin được đề xuất trình với các quân-y-sĩ giám-định sức khỏe.

Trách chi chính-quyền thất-bại trong các thí-nghiệm xóa bỏ giấc ngủ trưa,

« Từ khi bỏ giấc ngủ trưa tôi lại thấy trong người khoẻ khoắn hơn. » Ông Tướng nói ông Tướng nghe chứ giấc ngủ trưa nó đã ăn sâu vào nếp sống của người công chức từ những thế-hệ trước, thưở còn ông chủ Pháp bưng bự không thích ửng nổi với buổi trưa thuộc-địa nóng nực. Làm sao mà một sớm một chiều lớp người 45 hay 50 tuổi có thể sốt sắng rời bàn mặt-chợc, bỏ ly để, khô mực đề xung-phong lãnh nhiệm vụ? Hãy nên lấy làm bằng lòng nếu họ hy-sinh chấp nhận di-chuyển bàn mặt-chợc vuông vắn, ly rượu nồng-nàn đến trụ-sở nhân-dân tự-vệ trong khi túc-trực tại đó!

Cách đây vài năm, có người đã nói không thể trông-cậy vào lớp người trên 35 tuổi do thực-dân đào-tạo. Câu nói dĩ-nhiên là hàm-hồ, vợ đũa cả nắm, nhưng dưới một khía cạnh nào đó, nó cũng có chút giá-trị — dù là tương-đối — ai có thể ước-lượng trong bó đũa vợ cả nắm đó, còn có được bao nhiêu chiếc đũa tốt?

Thành thử việc đoàn-ngũ-hóa nhân-dân khó không chỉ vì nó cần một kế-hoạch liên tục, một chương-trình lâu dài mà còn vì nó đòi hỏi một trình-độ dân-trí cao, một tinh-thần giác-ngộ.

Một chế-độ kéo dài lê-thê 8, 9 năm mà không có nổi một chương-trình dài hạn thì trách chi mấy ông đi qua mấy bà đi lại ở ghế chính-quyền khoảng khắc vài ba tháng, một năm. Ngày nay ta đã có một chính-phủ bền-vững, hành-quyền trong một khung-cảnh nội-bộ ổn-định và hãy còn một khoảng thời-gian khá dài, mong rằng sẽ thấy hoạch-định một chương-trình liên-tục có sinh có dưỡng để đoàn-ngũ-hóa nhân-dân.

Về phía nhân-dân làm sao để có một sự hưởng-ứng nồng-nhiệt? Phải nâng cao dân trí, phải làm cho mọi công-dân ý-thức được trách-nhiệm và bồn-phận của họ. Với những phần tử đã quá quen với sự tự-do phóng-khoáng vô-ý-thức, lẽ dĩ-nhiên phải có những biện-pháp gò-bó, kỷ-luật nghiêm-ngặt, nhưng đó chỉ là hạ-sách. Khôn-ngoan hơn vẫn là cải-huấn các đầu-óc vô-trách-nhiệm sao cho họ sớm giác-ngộ. Nhưng như mọi người biết, phòng bệnh hơn là trị bệnh, thưng-sách vẫn là sửa soạn sao cho mỗi công-dân khỏi nhiễm bệnh vô-kỷ-luật, vô-trách-nhiệm. Nói một cách khác ta phải phòng ngừa để các thiếu-nhi khỏi đi theo dấu vết hư-hỏng của thể-hệ hiện-tại. Nói như vậy là đặt nặng vấn-đề giáo-dục và đoàn-ngũ-hóa thiếu-nhi.

oOo

Hãy khoan nói tới các em bé khốn-nạn vùng khói lửa, ngày ngày bới đất tìm rễ cây lót dạ, đêm đêm chui rúc dưới cầu hầm âm-thấp và chật-hẹp đào vùi ở góc nhà xiêu vẹo.

Chúng ta hãy hướng về các em nhỏ vùng tương-đối an-ninh. Một số các em quần vá áo rách mắt ngơ-ngác hết tinh-thần, lê-lết chỗ này chỗ nọ, né tránh mọi người; năm mười năm nữa, các em sẽ trở thành những nông dân đầu tắt mặt tối, làm ăn cực nhọc cố gắng sinh sống, nhẩn nhục ăn-thân, thủ-phận run-đế, còng-lưng-cúi-đầu trước lũ cường-hào ác-bá. Một số các em khác ngồ-ngáo bạo-dạn chạy theo các đoàn quân-xa hay tụ-tập quanh nơi đồn trú. quân-đội đồng-minh tranh nhau dành-dật điều-thuốc, mầu kẹo rồi cong môi chúm miệng phì phèo phun khói hoặc banh hàm phùng má nhá kẹo cao-

su trước những cặp mắt xanh thích thú và những hàng răng trắng xóa nhọn nhọn cười khoái trá. Những em bé may mắn hơn chui rúc trong những lớp học chật hẹp, lắng nghe tiếng đọc tiếng không, giọng nói uể oải thều-thào của mấy thầy giáo già, ngoài tuổi quân dịch, lẫn áp bởi những tiếng súng vang nổ gần xa. Những em bé thành-thị sau giờ tan học bâu quanh khung kính máy truyền-hình đặt tại máy nước công-cộng hay ngang bên hông chợ, chờ xem văn-nghệ tạp-lục, cải-lương hoặc những pha uỳnh-lộn đấm-đá, ma-quái múa nhảy động cõn. Các em cũng có thể giải-trí với tiểu-ngạo, hiệp-si mù, người dơi, người bịt mắt, quý ba đầu chín tai mười hai con mắt hay ma-cà-rồng chuyên-môn hút máu nằm la liệt mời chào trên các vỉa hè hay treo lủng-lẳng trong các sạp báo đầu ngõ.

Các em bé Việt-Nam sanh ra bình đẳng và bình quyền, hiến-pháp bảo-đảm cho các em sau này một đời sống tự-do với sinh-kế đầy-đủ, với quyền sử-dụng lá phiếu một cách độc-lập và trách-nhiệm; để sửa-soạn, chính-quyền đảm-bảo cho các em một nền học-vấn tối-thiểu miễn-phí và bó-buộc ở bậc tiểu-học; Nền giáo-dục nước nhà với những mỹ danh nhân-bản, khai-phóng đã thất-bại: đức dục sao-lãng, thể-dục không có, còn lại trí-dục thì nghèo-nàn rời-rạc, chương-trình vá-víu, thay đổi hàng năm khiến những ông giáo cũng không biết đường mà theo rồi.

Vì vậy mà đoàn-ngũ-hóa phải coi như là một phần bổ-túc cho nền giáo-dục thiếu-sót hiện-tại.

Trước hết là tập cho các em sinh-hoạt tập-thể, gây ý-niệm về đời sống

xã-hội : chúng ta không chỉ sống với cha mẹ anh em mà xung quanh ta còn có nhiều người khác, từ thầy giáo, bạn học tới các thiếu-nhi khác trong xóm. Gây những mối liên-lạc chân thật giữa các em cùng khu xóm để sau này khi lớn lên đỡ mắc phải những chia-rẽ Bắc - Nam - Trung, lương - giáo, giàu - nghèo, thầy thợ.

Trong sinh-hoạt tập-thể, các thiếu nhi được phân-chia công-tác không có cảnh ỷ-lại ngồi không chờ mọi người làm sẵn cỗ cho mà ăn. Những cuộc đi bộ, cắm trại, những công-tác tập-thể bỏ-khuyết cho phần thể-dục thiếu sót. Những trò giải-trí học-tập tập thể nên biết hướng-dẫn đề đề-cao tự-ái dân-tộc, gây ý-thức nhiệm-vụ công-dân.

Đoàn-ngũ-hóa thiếu-nhi sẽ ít gặp khó khăn trở-ngại vì các em bé chưa đặt nặng vấn-đề tự-do phóng-khoáng, lại

để hăng-say hưởng-ứng kỷ-luật tập-thể.

Nếu các em nhỏ từ mười, mười hai tuổi được hướng-dẫn trong các đoàn thiếu-nhi, luyện-tập thể-dục, trau-dồi đức-dục, phát huy nghĩa-vụ công-dân, rèn-luyện kỷ-luật tập thể thì sau bốn năm, sáu năm, các em sẽ chẳng ngại ngưng, bỏ-ngờ lúc đến tuổi gia-nhập nhân-dân tự-vệ rồi thi-hành quân-dịch. Các cảnh ruộng bố thanh - niên bắt-phục-tùng cũng có cơ được xóa bỏ. Trong niềm tự-kieu dân-tộc, ý-thức được quyền-lợi, bồn-phận và nghĩa-vụ công-dân, các em sẽ tạo nên một xã-hội hoàn-hảo hơn là những gì mà ta có thể làm được để cố-gắng cải-thiện xã-hội phân-hóa, tham nhũng và vọng-ngoại hiện tại.

Muốn như vậy, song song với việc tổ chức nhân-dân tự-vệ, chúng ta hãy gắng bắt tay vào công-việc đoàn-ngũ-hóa thiếu-nhi.

HIẾU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

THAM TRẠNG NHƯỢC TIÊU

TẠI BẾN ĐÀO A - RẬP

hợp rồi chia, chia rồi hợp

CHIẾN TRANH DẦU LỬA

● NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Từ 1961 đến 1966, tình hình các quốc gia Ả Rập cũng rất rối ren, hợp rồi chia, chia rồi hợp; cũng có mấy cuộc đảo chánh thành công ở Irak, Syrie, thất bại ở Jordanie nhưng đều không có hậu quả gì. Chỉ có chiến tranh dầu lửa đưa tới có sự độc lập của Koweet (1961) là đáng kể.

Ảnh hưởng Anh và Nga hơi lùi, mà ảnh hưởng củ Mỹ dưới thời Kennedy hơi tiến.

Đảo chánh và đảo chánh ! Tân Cộng hòa Ả-Rập.

Từ 1960 Kassem thắng được phe đối lập thống nhất rồi, muốn quay lại đàn áp đảng cộng sản, lại giao hảo với Nasser. Khi gặp cái thế chân vạc thì đó là chính sách muôn thuở, Trung hoa thời Tam Quốc như vậy mà Irak thế kỷ XX cũng vậy.

Ngày 28 tháng giêng năm 1961, nhân một hội nghị Liên minh Ả Rập ở Bagdad, Ai Cập và Syrie được mời tới dự và ngoại trưởng Ai Cập được hoan nghênh nhiệt liệt: mười ngàn người đi rước phái đoàn ở phi trường, tên Nasser được hoan hô vang

dội khắp châu thành. Dân chúng thành thật vui mừng vì thấy khối Ả rập được thống nhất. Có lẽ một phần cũng do tin loan ra mấy tuần trước rằng Israël đương chế tạo bom nguyên tử.

Lúc đó Nasser thấy mục đích thống nhất Ả rập của mình đã gần đạt được. Ông ta viết thư cho quốc vương Hussein, tỏ ý muốn được gặp. Tháng ba, ông họp hội nghị các dân tộc Phi Châu ở Le Caire, hai trăm đại biểu 27 quốc gia tới dự. Vua Saud loan tin tới tháng tư 1962, hết hạn, sẽ không cho Mỹ dùng căn cứ không quân Dahran nữa.

Ở trong nước Nasser xúc tiến việc cải cách xã hội: quốc hữu hóa các xí

nghiệp, các ngân hàng, hạn chế thêm diện tích ruộng của các điền chủ (rút xuống còn 42 héc ta), các điền chủ Syrie bất bình (vì Ai Cập và Syrie chung một chính phủ).

Nhưng tới tháng sáu 1961, có một sự nứt rạn đầu tiên : Kassem muốn sáp nhập Koweit, Nasser phản đối (coi đoạn sau), và tình thân thiện giữa hai nước giảm nhiều.

Tới tháng chín, thêm một sự đổ vỡ nữa : Nasser muốn hợp nhất quân đội Syrie và Ai Cập, nhiều tướng tá Syrie bất mãn, lại thêm giới địa chủ và thương gia cũng không ưa chánh sách kinh tế của Nasser ; loạn nổi lên, Nasser không dám đàn áp, một chính khách Syrie lật đổ nội các cũ, thành lập nội các mới, tách ra khỏi Ai Cập.

Thế là hợp không lâu thì đã tan. Nhưng tan cũng không lâu rồi lại hợp.

Tháng hai năm sau (1962), Kassem thất nhân tâm quá lại thất bại trong vụ đòi sáp nhập Koweit, trục xuất đại sứ Anh, Mỹ mà không nhờ cậy Nga được vì đã đàn áp đảng cộng sản nên hóa ra bơ vơ. Đảng xã hội Baath (chủ trương thống nhất Ả Rập) nổi dậy, hình như có bàn tay của Mỹ nhúng vào. Đại tá Makiki El'Hachemi đem một sư đoàn thiết giáp về Bagdad, chiếm dinh Tổng Thống, bắt được Kassem, xử bắn, chở thầy lại bài vô tuyến truyền hình quay phim cho quốc dân coi. Cũng đã man như cuộc cách mạng 1958.

Đại tá Arel, phó Tổng Thống sau ngày 14-7-1958, địch thủ của Kassem lên làm Tổng Thống, thực hiện ngay chủ trương cũ của ông : liên kết với Ai Cập (tháng hai năm 1963). Trước Kassem ân xá ông ta, bây giờ ông

ta không cứu Kassem, tình đồng chí cách mang thường như vậy !

Nhưng Tổng Thống Abdul Salem Aref (lúc đó đã là thống chế) chỉ cầm quyền được ba năm. Tháng năm năm 1966, chiếc trực thăng chở ông đang bay, thì không hiểu vì lý do gì nổ tan tành và ông ta tan tành. Ai cũng tưởng cái chết bi thảm và bí mật đó gây một cuộc nội loạn. Chính phủ Irak cũng sợ như vậy nên lập tức tuyên bố thiết quân luật, cho canh gác kỹ các cơ quan rồi hôm sau rồi mới báo tin đó cho quốc dân hay. Người anh cả của Tổng Thống, tướng Abdul Rahman Aref lúc đó đang cầm đầu một phái đoàn quân sự ở Nga lo ngại, đợi bốn mươi tám giờ sau, mới dám về Badad.

Để tránh cuộc nội loạn, chính quyền Irak nghe lời khuyên bảo của Ai Cập đề cử tướng Abdal Rahman Aref lên làm Tổng Thống : ông có óc bảo thủ, tư cách tầm thường. Hai người nữa có tài hơn, có thể được đề cử, nhưng một người có khuynh hướng thân tây phương, Ai Cập không chịu ; một người quân nhân quân đội không ủng hộ.

Thế là một lần nữa, quyền hành vẫn nằm trong tay quân nhân nhưng quân nhân Irak giống quân nhân, Việt Nam hơn là quân nhân Ai Cập : ít được lòng dân, bị các đảng phái chống đối, như đảng cộng sản và đảng Baath (chính hai đảng này cũng chống đối nhau nữa), do đó chính quyền nát bét, các tướng chỉ tính chuyện lật nhau, thanh toán nhau, mà dân chúng chỉ mong có một chính thể đại diện. Hậu quả là chính quyền càng ngày càng tham nhũng, dân chúng càng ngày càng điêu đứng.

Và ngày 17 tháng bảy vừa rồi (1968)

ba giờ sáng, mấy chiếc thiết giáp tiến về phía dinh Tổng Thống, bắn mấy phát súng bắt sống Abdul Rahman Aref, đưa qua Anb. Cuộc đảo chánh lần này "văn minh" hơn, không đổ một giọt máu, nhưng quyền hành dĩ nhiên cũng vào tay quân nhân: tướng Ahmed Hasan Badr, được các tướng tá không quân ủng hộ y như Việt Nam. Chưa rõ chính quyền Badr thân Nga hay thân Mỹ; nhưng có vẻ lơ là với Ai Cập và đã mạnh bạo thanh trừng một số tham nhũng. May ra thì có thể đứng vững được. Vì tương đối khá hơn các chính quyền trước.

Tình hình ở Irak như vậy. Còn Syrie tháng 3 năm 1963 cũng có một cuộc đảo chánh nữa cũng do đảng Baath tổ chức và cũng do quân đội thực hiện. Salali Bitar lên làm Tổng Thống, lại thân thiện với Ai Cập, thay đổi cứ như chong chóng.

Kết quả là ngày 17 tháng tư 1968 một nước Tân Cộng Hòa Ả Rập Thống Nhất thành lập, ba quốc gia Ai Cập Syrie Irak hợp làm một; Nasser làm Tổng Thống. Nước tân cộng hòa này khác nước cộng hòa năm 1958. Sự thực chỉ là một liên bang, mỗi tiểu bang vẫn giữ hiến pháp của mình miễn là đừng có gì trái với hiến pháp chung. Thành công như vậy có lẽ cũng do Nasser đã dùng một nhóm bác học Đức mà chế tạo được hỏa tiễn, như để đáp lại chương trình chế tạo bom nguyên tử của Israël. Hỏa tiễn Ai Cập bắn xa được vài trăm cây số; đáng kể là khí giới mạnh nhất ở Ả Rập và Châu Phi.

Trong số các đế quốc đương tranh nhau ảnh hưởng ở Ả Rập, Mỹ lúc này có nhiều cảm tình với Nasser vì tin

rằng Nasser không cộng sản (quả thực ông ta không cộng sản, thẳng tay diệt cộng ở trong nước, làm cho Nga không vui lòng, muốn lui ra) có thể thống nhất khối Ả Rập thành một lực lượng thứ ba chặn được Nga, Trung Cộng ở Tây Á và Phi Châu. Cho nên Mỹ tiếp tay Nasser, khuyên vua Hussein thoái vị mà đề Jordanie gia nhập Tân Cộng Hòa Ả Rập. Kennedy ngây thơ quá đỗi. Fayçal II đã chết, giòng vua Hachémite chỉ còn có Hussein mà bảo ông ta thoái vị! Ông ta vốn ghét Nasser mà bảo ông ta liên kết với Nasser để Nasser gắn thêm một ngôi sao xanh lá cây nữa lên lá cờ ba ngôi sao của Tân Cộng Hòa? ông ta mới cưới một thiếu nữ Anh sau khi li dị với người vợ trước gốc Ả Rập, tất là thân anh mà bảo ông ta đứng về phe Ai Cập? Ông ta đâu có chịu. Dân chúng Amman nổi dậy, ông ta cương quyết đàn áp liền, giải tán nội các, đưa một ông chú hay bác lên làm Thủ tướng và bọn quân lính tận trung với ông lại dẹp được bọn Palestine tản cư gây rối. Bọn này lại rút vào miền Naplouse, ở cách mạng, đề chờ một cơ hội khác.

Thấy vậy, Kennedy không can thiệp nữa, nhất là khi năm triệu dân Do Thái ở Mỹ oán ông là không nghĩ đến Israël. Ả Rập mà thống nhất thì Israël sẽ lâm nguy.

Ở Yemen. Nasser tưởng thành công mà rồi cuộc không tiến thêm một bước nào. Ngày 19-9-1962, quốc vương chết, con là Badr (chính vị Đông cung thái tử đã khuyên cha đứng về phe Ai Cập năm 1958) lên nối ngôi. Nasser mừng rỡ tin rằng vị tân vương này tất phải tân tiến mà tình thân nghị giữa hai nước sẽ chặt hơn. Không ngờ được cầm

quyền rồi (có kẻ xấu miệng bảo Badr đã ám sát cha), Badr lại còn độc đoán hơn cha, bỏ hết các tư tưởng duy tân, chỉ lo bảo vệ ngai vàng để sống một cuộc đời xa hoa, phóng túng, nhất hô bách nặc.

Đảng thân Nasser tức thì nổi dậy, ngày 27-9 đại tá El Sallal dội bom xuống hoàng cung, chiếm đài phát thanh, loan báo rằng Badr đã chết vì bom, không tìm thấy thây. Sự thực Badr đã trốn thoát, gom quân của các bộ lạc tấn công lại El Sallal. Ả Rập Séoudite và Jordanie tiếp sức Badr; Nasser tiếp sức El Sallal. Hai bên chiến đấu dữ dội, bắt phân thắng bại. Nhưng nếu chiến tranh kéo dài, sẽ hao mòn cho Ai Cập hơn là Ả Rập Séoudite vì Ai Cập nghèo. Kennedy nhảy vào can thiệp, khuyên nhủ Saud để Saud và Nasser đều rút quân ra khỏi Yemen. Sallal và Badr không có nước đàn anh tiếp tay nữa, vẫn đánh nhau, nhưng lẻ tẻ, và Sallal giữ được kinh đô. Kennedy lần này được cảm tình của khối Ả Rập chính vì ông ta đứng về phe các phần tử tấn bộ, dân chủ.

Vụ Yemen làm cho hoàng đế Fayçal của Ả Rập Séoudite mất cảm tình với Nasser; ông ta thấy Nasser có ý muốn diệt các quốc gia quân chủ ở Ả Rập. Nhất là Saud càng ghét Nasser, muốn nhân cơ hội đó, giành lại quyền đã trao cho Fayçal để triệt để chống Nasser.

Rốt cuộc Tân Cộng Hòa Ả Rập thống nhất không thành công hơn Cựu Cộng Hòa bao nhiêu: không tiến thêm ở Yemen, mất cảm tình của Ả Rập Séoudite, tuy liên kết được Irak nhưng rồi lại xích mích với Irak về vụ Koweit.

Chính vụ này mới là quan trọng nhất trong mấy năm 1960 — 1966.

oOo

Đảo chánh ở Thổ

Năm 1958, Anh mất " người con trung tín " nhất là Nouri Said, đành nuốt hận làm bộ vui vẻ thừa nhận chánh phủ Cộng Hòa Irak để giữ quyền lợi dầu lửa.

Tháng ba năm sau, Irak rút ra khỏi Hiệp ước Bagdad (tổ chức này từ đây đổi tên là C.E.N.T.O. Central Treaty Organisation : Liên minh Trung Đông) Lại năm sau nữa, ngày 27-5-1970, cách mạng phát ở ngay nước khởi xướng Hiệp ước Bagdad, tức Thổ :

Chúng ta đã phục tãi đắc dân tâm của Thủ tướng Thổ Menderes. Được nông dân làm hậu thuẫn, ông ta thắng được đảng cũ của Kémal. Đảng này còn ảnh hưởng mạnh trong quân đội và trong giới sinh viên. Ông ta đàn áp sinh viên. Sinh viên Thổ đã có kinh nghiệm về tranh đấu chánh trị, không chịu thua, tổ chức các cuộc xuống đường ở khắp các châu thành. Menderes biết lấy lòng nông dân mà không biết lấy lòng sinh viên — trái hẳn với Kassem — đóng cửa nhiều tờ báo và tất cả các trường đại học, tháng 4 năm 1960 gây sôi động khắp trong nước. Lúc đó ông ta mới chịu nhượng bộ, hứa sẽ bầu cử lại Quốc hội, nhưng đã trễ quá, quân đội sẽ nhất định hạ ông.

Ngày 27 tháng 5, tướng Grusel đảo chánh, được bầu làm Tổng thống, Menderes bị xử tử. Anh Mỹ đâm hoảng, chỉ sợ Tổ chức C.E.N.T.O. tan rã mà

cả khối họ gọi là Trung Đông sẽ trung lập mất. May thay, Grusel và nhóm si quan, sinh viên cách mạng không có ý đó mà vẫn theo chính sách cũ. Chỉ là đảo chánh thôi chứ không có cách mạng.

Chiến tranh dầu lửa

Vừa thoát được mối nguy đó thì bốn tháng sau (tháng 9 năm 1960) Anh lại phải đương đầu với Kassem. Khi cách mạng 14 7.1958 thành công, Kassem hứa tôn trọng quyền lợi của ngoại bang để họ khỏi phá mình, chứ ông ta đã có sẵn chủ trương: quyền lợi của Tây phương về dầu lửa quá lớn, bất kỳ nhà cách mạng Ả Rập nào cũng nghĩ tới chuyện giành lại cho quốc gia. Mà không có thiếu gì quốc gia tư bản giúp họ giành lại để chia bớt cái lợi của Anh, Mỹ.

Ngay từ năm 1953, Đức đã đánh đòn đầu tiên vào công ti Anh Mỹ. Một công ti Đức, công ti Delmann Bergbau, thương lượng với Yemen cho phép tìm mỏ dầu ở miền nam Yemen, nếu tìm được thì sẽ thành lập công ti Đức-Yemen và sẽ chia 75% số lời cho Yemen. Họ tìm không được, nhưng đề nghị đó cũng đã làm lung lay chính sách *fifty-fifty* (chia đôi) của Anh Mỹ.

Năm 1955, một người Ý, Enrico Mattei, cũng đề nghị với Ai Cập khai các mỏ dầu ở bán đảo Sinai. mỏ dầu ở đây rất nghèo, mà họ cũng chịu chia 49% phần lời cho Ai Cập, Anh thì cho không, vị tất đã nhận.

Năm 1957, Enrico Mattei đặt chân được vào Iran, được phép khai thác một miền, bề ngoài vẫn giữ chính sách *fifty-fifty* để khỏi bị các công ty Anh Mỹ phá nhưng bề trong thì chia cho Iran tới 75% số lời.

Tới phiên Nhật cũng nhảy vô Ả Rập Séoudite để chia phần, xin khai thác một khu ở phía nam Koweit và chịn nộp cho Saud 560/0 số lời.

Ngay các công ty Mỹ cũng cạnh tranh với nhau nữa. Năm 1958, công ty Pan American Oil thương lượng với Iran, điều kiện rất có lợi cho Iran: 750/0 số lời, lại để dành một số dầu bán rẻ cho dân Iran.

Chính công ty đó cạnh tranh cả với công ty Aramco ở Ả Rập Séoudite, khai thác một vùng ở ngoài khu vực của Aramco và ngoài số 75 0/0 lời, còn xin chia thêm lời về các sản phẩm phụ của dầu lửa, như khí đốt (gaz), dầu hắc (asphate)..

Ngay các nhà thống kê ở Liên Hiệp Quốc cũng phải lên tiếng công bố cho các quốc gia Ả Rập và Trung Đông thấy rằng từ 1912 tới 1950 họ bị bóc lột quá đỗi. Iran và Irak chỉ được chia một phần mười hay một phần chín số lời của các công ty; Koweit khá hơn, được chia một phần sáu; Ả Rập Séoudite năm 1958 cũng chỉ được chia một phần tư (1) Vậy thì đề nghị của Pan American Oil cũng chẳng có gì là rộng rãi: vẫn là chiếm 550/0 tổng số lời, mà chỉ chia cho Ả Rập Séoudite 450/0.

Kassem dĩ nhiên hiểu tình thế mới đó, nhưng đợi đến khi đã được Nga viện trợ tiền bạc, khí giới, đã dẹp xong hai phe đối lập (cộng sản và thống nhất) rồi mới quay lại nói chuyện với tư bản thực dân Anh.

(1) Nói là chia đôi: *fifty fifty*, nhưng chỉ chia đôi số lời về sản xuất dầu, còn số lời bán dầu, số lời về các sản phẩm phụ...thì công ty vẫn giữ hết, vì vậy mà thực sự Ả Rập Séoudite chỉ được hưởng 250/0 tổng số lợi của công ty.

Đúng ngày lễ quốc khánh 14-7-1961, sau ba năm cầm quyền, Kassem thả hết các nhà cách mạng chống đối ông mà là kẻ thù cũ của Anh, rồi theo chiến thuật của Nasser trong vụ Kinh Suez, trước quần chúng Bagdad, đồng đạc tuyên bố:

— Chúng ta tuyên chiến với người Anh, sẽ thẳng tay diệt bọn Anh vì chúng dùng mọi thủ đoạn để làm hại chủ quyền của chúng ta, chiếm phứ nguyên của chúng ta chẳng đếm xỉa gì tới quyền lợi thiêng liêng của chúng ta. Chúng ta sẽ không nhường cho chúng một mảnh đất nào để chúng xây dựng những căn cứ chống phong trào giải phóng của dân tộc ta. Chúng ta cũng không cho phép ngoại nhân cướp bóc tài sản của dân chúng Irak, của toàn thể dân tộc Ả-Rập,

Sứ thần Anh còn nhớ chẳng lời của mình ba năm trước : « Cuộc cách mạng Irak có lợi cho Anh... »

Và Kassem tấn công liền trên hai mặt trận : ở trong nước và ở Koweit. Ở trong nước ông yêu cầu công ty Irak Petraleum chia thêm lời. Số lời Irak được chia từ 1953 tới 1960 đã tăng lên gần gấp đôi từ 51 triệu Anh tăng lên 95 triệu vì sức sản xuất tăng từ 28 triệu lên 47 triệu tấn dầu ; nhưng công ty Anh vẫn gian lận, bẩy nhiều chỉ vào khoảng một phần tư số lời, ba phần tư kia, Anh vẫn ôm lấy hết.

Tháng 9 năm đó Irak họp một hội nghị các quốc gia sản xuất dầu, mời Iran Ả-Rập Séoudite, Koweit, Katar, cả Vénézuela ở Nam Mỹ nữa lại Bagdad để thống nhất chính sách dầu lửa.

Các công ty dầu chịu chia lời 75 0/0, nhưng Irak còn đòi :

— Công ty dùng người Irak trong hội đồng quản lý,

— Công ty để chính quyền Irak kiểm soát chi phí,

— Dùng tàu dầu Irak để chở dầu.

— (Và điều này mới chớ nhất) phải trả bù cho Irak tất cả những « thiệt hại » do những kế ước trước gây ra.

Những tài liệu chúng tôi tìm được về chiến tranh dầu lửa này đều xuất bản năm 1963 và 1962, không cho biết Anh đã phải nhượng bộ tới mức nào, vì nhất định phải nhượng bộ rồi.

oOo

Koweit, thánh địa của Đế quốc Dầu lửa.

Nhưng ở mặt trận Koweit, Kassem thua.

Koweit ! Đây mới là Thánh địa của Đế quốc dầu lửa như La Mecque là Thánh địa của Đế quốc Hồi giáo, và các nhà kinh tài Tây phương sùng bái dầu lửa còn hơn người Ả rập sùng bái Mohamed, chỉ người thấy mùi dầu lửa là họ mê man xuất thần y như bị vía Cô vía Bà nhập vậy.

Đây là cái huyết hiểm nhất của thế giới. Chỉ một trái bom nguyên tử thả xuống cái khu dài 100 cây số, rộng 80 cây số này là cả châu Âu, châu Á, châu Phi sẽ chết giắc tức thì, vì không có dầu xăng thì mọi hoạt động ngưng trệ hết. Cái nền văn minh của chúng ta thực là mong manh, tùy thuộc giọt dầu, mà sức tàn phá của khoa học lại kinh khủng.

Ở đây có cái đập xây trên biển lớn nhất thế giới: chín trăm năm chục thước chiều dài, ba chục thước chiều ngang, với ba ngàn tám trăm cột sắt để chống đỡ. Đứng trên đập đó là đứng ở trung tâm đế quốc dầu lửa. Lúc nào cũng có mười chiếc tàu dầu (có chiếc chở được chín chục ngàn tấn) treo cờ Anh, Mỹ, Hòa Lan, Đức, Na Uy, Hi Lạp... xếp hàng ở bên đập để hứng dầu từ tám ống dẫn dầu đưa tới, cun cấp mỗi giờ được 6400 tấn dầu.

Nằm ở phía Nam Irak, ở ngã tư hai con đường từ Ba Tư lại La Mecque và từ Địa Trung Hải tới Bassorah, Koweit hồi xưa là chỗ ghé chân của các thương nhân, lại đây mua vàng và ngọc trai (vì biển có ngọc trai). Nó cũng là cái ồ chứa bọn cướp biển và buôn lậu. Ngày nay nó vẫn còn là nơi buôn lậu vàng; có những xưởng tiểu công nghệ coi tồi tàn, tồi tằm, dơ dáy như các tiệm ba tàu trong các ngõ hẻm. Chợ lớn mà chứa mười bốn tấn vàng đúc, thành thỏi, mỗi thỏi 12 ki-lô, chất cao lên tới nóc, chiếu ra một ánh sáng huyền ảo kì dị, không sao tả nổi. Chẳng cần phải có lính canh gác, như các ngân hàng ở Londres, New York, cũng chẳng cần phải khóa kỹ nữa mà không hề mất mát. Cái luật bắt thành văn của bọn hảo hớn buôn lậu Ả Rập này được tôn trọng nhất thế giới, hơn cả luật của Đức, của Nga, của Vua Ibn-Séoud. Vào đó ta mất hết cả ý thức về không gian và thời gian, tưởng đâu như sống cái thời Sindbad Le Marin trong truyện « Nghìn lẻ một đêm », hoặc lạc vào cái thế giới của bọn thuật sĩ luyện kim điên khùng.

Miếng đất đó, Allah tặng cho dân

Ả Rập, chứa những suối dầu phong phú nhất thế giới, còn quý gấp trăm những suối sữa suối mật đất Canaan Jahvé tặng cho Do Thái. Mà con cháu Allah không biết giữ, để cho Bồ Đào Nha, Hòa Lan, rồi Thờ Anh chiếm mất. Nó thành thuộc địa của Anh từ 1903. Vua Koweit Abdallak Al Sabbagh cam kết với Anh không được liên kết với nước nào khác mà không được Anh thỏa thuận, phải gửi tiền ở ngân hàng Anh, phải để cho sĩ quan Anh tổ chức giùm quân đội, ngoài ra hoàn toàn tự do! Thế là Anh chỉ cần phái lại đó năm công chức và mỗi năm thu về ba trăm tỉ quan, chia cho quốc vương mỗi ngày một tỉ quan.

Sức sản xuất của công ty Koweit Oil (từ 1950, một nửa cổ phần về Mỹ) cứ mỗi ngày một tăng: năm 1950, 344.000 thùng; năm 1954, 952.000 thùng; năm 1955, 1.097.000 thùng; năm 1956, 1.144.000 thùng vượt cả Công ty Aramco ở Ả Rập Séoudite. Thành thử lợi tức của Vua Koweit cũng ngang với lợi tức của Saud, mà thần dân của Saud là chín triệu, còn thần dân của Vua Koweit chỉ có 210.000 (90.000 thổ dân và 120.000 di cư tới).

Nếu chia đều lợi tức của Koweit cho mọi người dân thì mỗi người mỗi ngày được 4.265 quan cũ, trên 1000đ Việt-Nam theo hồi suất chính thức bây giờ!

Dân Koweit thật sung sướng nhất thế giới. Họ không phải đóng thuế. Trẻ con được « trả lương » để đi học, lương nhiều ít tùy theo tuổi, nhiều nhất là 45.000 quan, tức 11.000đ V.N mỗi tháng để tiêu vặt vì chính phủ lo thức ăn chỗ ở cho rồi. Nếu còn cha mẹ già phải nuôi thì chính phủ cung cấp thêm cho cha mẹ nữa.

Chỉ có 210.000 dân mà có 85 trường tiểu học, một trường trung học, một trường Đại học, ba đường đường đều miễn phí.

Đường phố tối tân, nhưng chỗ nào cũng kẹt xe hơi vì năm 1958 có tới 53.000 chiếc xe hơi, tính ra bốn người dân có một chiếc, dĩ nhiên có gia đình có cả chục chiếc. Đa số xe hơi ở Koweit chỉ dùng trong một năm thôi. Một ông lớn ngón tay đeo một hạt xoàn vĩ đại phàn nàn rằng 14 chiếc tàu chở đầy xe Cadillac sao mà chưa thấy tới. Một người ngoại quốc hỏi:

— Dân chúng dư xe rồi, xe vô thì bán cho ai. Đường phố chật cả rồi.

Ông lớn đó đáp:

— Hỏi gì mà kỳ cục! Có xe kiểu 58 thì ai mà còn chịu lái kiểu 57 nữa!

Mấy ông lớn đó chỉ hận rằng hãng Chanel và Christian Dior không bán những thùng dầu thơm 10 lít một, để cho gia nhân của họ cứ phải vẩy cả trăm ve dầu thơm vào hồ tắm, mất thì giờ mà phí sức.

Chỉ tội một nỗi ở xứ đó có giếng dầu mà không có giếng nước. Phải cất nước biển như ta cất rượu, để có nước ngọt, cho nên nước ngọt còn đắt hơn dầu xăng. Cũng không có ống dẫn nước nữa vì các ống dẫn dầu chiếm hết chỗ rồi; phải dùng xe cam nhông chở nước đi phân phát cho từng nhà.

Nước đất như vậy muốn chơi vườn thì phí tiền kinh khủng; một vị thân vương tiêu ba triệu quan mỗi tháng vào việc tưới vườn.

Cái mỏ vàng gần như ở trong thần thoại đó nằm ngay dưới chân Irak,

làm sao mà Irak không ham, Irak đã được hít hơi dầu lửa, cho nên lại càng ham. Nhất là xưa kia, dưới trào Thổ, Koweit thuộc tỉnh Bassorah của Irak, mà hiệp ước Anh bảo hộ Koweit, chính phủ Irak không bao giờ thừa nhận cả. Anh đã cướp giạt đất đó của Irak.

Với lại, nhìn trên bản đồ độc giả sẽ thấy Koweit là cái lỗ mũi của Irak. Bờ biển Irak hẹp quá, lại cạn, không thể xây hải cảng được, Irak phải dùng tạm gang cảng Bassorah ở trong nội địa, thực bất tiện. Phải chiếm cho được Koweit rồi thương mại mới phát triển mà Irak thành một cường quốc ở Tây Á.

Ngay từ hồi sinh tiền, Nouri Said cũng đã nghĩ đến vấn đề đó, nhỏ nhẹ năn nỉ Anh: « Mẫu quốc để cho Irak thu hồi Koweit, không thiệt gì đâu mà còn có lợi nhiều mặt là khác: mẫu quốc làm uy danh của giòng Hachémite tăng lên nhiều, như vậy mát mặt cho cả mẫu quốc; Koweit về Irak rồi thì Nasser không còn lý do gì để dòm ngó xứ đó, khỏi quấy rối mẫu quốc, sau cùng Irak sẽ xin tặng mẫu quốc nhiều quyền lợi chính trị, quân sự. Nhất cử mà tam tứ tiện, xin mẫu quốc nghĩ coi.»

Anh đã xiêu xiêu, hai bên đương thương lượng với nhau, thì Nouri Said bị giết. Cách mạng lên, Anh tính nước cờ cao, biết khó giữ được tình trạng cũ, ngày 19-6-1961 tuyên bố trả độc lập cho Koweit, như vậy Koweit sẽ mang ơn, quyền lợi của Anh không mất mà Irak không còn lý do gì để gây sự nữa.

Irak hiểu ngón gian của Anh tuyên bố rằng sự trả độc lập đó vô hiệu, coi như không có, yêu cầu Anh rút ra

khỏi Koweit vì Koweit thuộc địa phận Itak. Anh tức thì cho đổ bộ 5000 quân lên Koweit. Miếng mồi qui như vậy Anh khi nào chịu nhả và đã phải dùng sức mạnh thì Anh luôn luôn cương quyết.

Lần này Nga không lên tiếng, Trung Cộng, Nhật Bản, Mỹ, Liban, cả Ai Cập, Syrie, Jordanie đều nhìn nhận tân quốc gia Koweit. Thế của Irak yếu. Kassem chịu thua rút ra khỏi liên minh Ả Rập, mời sứ thần Liban, Mỹ về nước và tẩy chay Ai Cập. Đầu năm 1961, chương mục của vua Koweit tại các

ngân hàng Londtes lên tới gần một tỉ Anh bảng. Kassem tiếc ngơ tiếc ngẩn. Các quốc gia Ả Rập đều trách Kassem có tinh thần đế quốc, muốn thôn tính một nước anh em. Sự thực họ cũng có chút ghen tỵ không muốn cho Irak thành nước phú cường nhất trong khối. Riêng Nasser vẫn tự cho mình có thiên chức lãnh đạo dân tộc Ả Rập, càng chỉ trích mạnh Kassem.

Thần dầu lửa đã chia rẽ các quốc gia Ả Rập; đề hàn gắn lại, họ phải nhờ đến tinh thần Hồi giáo. Bây giờ họ mới nhớ tới kẻ thù chung là Israël.

NGUYỄN HIỂN LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12

LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Chúng ta học ngoại ngữ

Thời kỳ mới đặt chân lên nước ta, muốn tiếp xúc dễ dàng với dân chúng Việt-Nam người Pháp đã mở một trường gọi là trường Thông-ngôn (Collège des interprètes) để đào tạo những người làm trung gian giữa họ và chính-quyền hay dân-chúng Việt-nam. Vì ban đầu nhiều người còn thờ ơ với việc học tiếng Pháp và ít người ưa cái nghề này nên nhà cầm-quyền Pháp phải chiều chuộng đủ điều, nào cấp sách vở, học bổng... trong nhóm học viên này một số lớn trở thành những người "sáng vác ô đi tối vác về", một số rất ít trở nên những quan đại-thần và một số nhỏ nữa trở nên những học-giả. Lần lần những trường Trung-học rồi đến Đại-học được mở ra cho thanh niên Việt-nam có tiếng là hiếu học. Mặc dầu mục đích của nền học vấn thời bấy giờ là đào tạo những người thừa hành trong mọi lãnh vực, từ viên y-sĩ đến vị giáo-sư, từ ông thông, ông ký đến ông phủ, ông cò... Nhưng dù bị gò bó trong cái khuôn khổ chật hẹp ấy, một số khá đông cũng đã thoát ly ra ngoài cái vỏ đó để trở thành những người thực sự học để học và để hành cho đất nước quê-hương. Về học giả uyên bác ta phải kể đến những Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vinh, Nguyễn-văn-Tổ..., về bác học ta phải kể đến Hoàng-xuân-Hãn, Bửu-Hội..., về luật-gia ta phải kể đến Lê-văn-Kim, Nguyễn-quốc-Định và còn nhiều nữa kể sao cho xiết...

Từ ngày người Mỹ hiện diện tại miền Nam nước Việt, phong trào học Anh-ngữ cũng rất sôi nổi : các trường tư thực chuyên dạy Anh-ngữ mọc lên như nấm. Tại các trường công Anh-ngữ là môn sinh ngữ được nhiều học sinh chọn lựa. Ngoài ra, một số đông sinh-viên lại được các nước bạn cấp những học-bổng để du-học và đã trở thành những người không những thông thạo về Anh-ngữ mà còn là những chuyên viên giỏi. Anh-ngữ sở dĩ được nhiều người ưa học không những vì lợi ích thiết thực của nó mà lại còn vì dễ học : văn-pháp và cú-pháp ít phức tạp hơn các tiếng khác, danh-từ lại không có giống. Ngoài ra, Anh-ngữ mặc dầu là một thứ tiếng ở trong khối ngôn-ngữ-học Nhật-nhĩ-man nhưng hơn phân nửa ngữ-số Anh-ngữ lại có gốc la-tinh, một phần vì người Normands đô-hộ Anh-quốc trong một thời gian, một phần vì mượn ở các tiếng khác như Pháp-ngữ, Tây-ban-nha... nên những người đã biết Pháp-ngữ học Anh-ngữ cũng dễ. Tiếng Anh thông-dụng rất dễ học : chỉ cần khởi đầu độ 1000 chữ với vài nguyên-tắc là có thể nói được đề dưng trong các cuộc đàm thoại thông-thường hằng ngày rồi. Cho nên Anh-ngữ hiện nay là thứ tiếng quốc-tế dùng trong việc thương-mại, ngoại-giao, khoa-học và bác-học, là thứ tiếng thông dụng nhất hoàn cầu : hiện

có hơn 300 triệu (một phần mười dân số hoàn cầu) là dân nói tiếng Anh và 300 triệu người khác nói và hiểu đôi chút Anh-ngữ. Tại Liên-hiệp-quốc có 53 quốc-gia xin những biên bản các cuộc họp bằng Anh-ngữ và 27 quốc-gia xin biên bản bằng tiếng Pháp, số còn lại xin những biên bản bằng tiếng Tây-ban-Nha hay tiếng Nga. Nhưng tiếng Pháp mặc dầu mất địa vị đàn anh trên trường ngoại-giao quốc tế, vẫn còn hơn 100 triệu người trên thế-giới nói được và vẫn được các nhà thượng-lưu trí thức dùng đến.

Ngoài nước Pháp ra, Pháp-ngữ vẫn được dùng ở một phần Gia-nã-đại nhiều nước ở Phi-châu và Á-châu. Sau Pháp-ngữ là tiếng Tây-ban-nha được dùng tại tất cả các nước Châu Mỹ ngoại trừ Hoa-kỳ, Gia-nã-đại và Ba-tây. Hiện có hơn 100 triệu người trên thế-giới nói được tiếng này.

Mỗi người nên học bao nhiêu ngoại ngữ và những ngoại ngữ nào? Nếu tôi nhớ không lầm thời cách đây hơn 10 năm giáo sư Bửu-Hội đã khuyên thanh niên Việt-Nam nên biết 3 ngoại ngữ. Lúc đó tôi cho là hơi nhiều và khó thực hiện được nhưng nay tôi thấy giáo sư Bửu-Hội có lý để khuyên ta như vậy: trông trên bản đồ thế-giới ta thấy Việt-nam ở ngay ngã ba đường quốc-tế. Với những phương tiện chuyên chở mau chóng hiện nay bằng những phản-lực cơ bay hơn 800 cây số một giờ, những đường bay dài từ 8 ngàn tới 10 ngàn cây số như Saigon Balê, Saigon-San-Francisco, Nữ ưóc-Moscou chỉ cần từ 11 tiếng tới 13 tiếng. Trong vài năm nữa với những máy bay siêu-thanh như Boeing SST, Concorde... có thể bay hơn 2000 cây số

một giờ, những đường dài như trên chỉ cần 4 hay 6 tiếng là có thể tới được rồi. Với những phi-trường được Mỹ quốc giúp đỡ tối-tân-hóa như phi-trường Tân-sơn-nhất, Đà-nẵng, Nha-trang, Cam-ranh... những phản-lực-cơ siêu-thanh sẽ đưa tới Việt-nam các du-khách viếng thăm những thắng cảnh như Đalat, Huế... những bãi biển như Ô-Cấp, Nha-Trang... đi săn tại vùng Cao-nguyên, hay đi săn dưới biển tại Nha-trang chúng ta sẽ có dịp gặp người ở khắp nơi trên thế-giới, nói đủ thứ tiếng ở ngay trên đất nước này. Bạn nào có dịp qua Thụy - sĩ cũng nhận thấy là nhiều người nước ấy nói được nhiều thứ tiếng, hoặc Anh, Pháp, Đức hay Anh-Pháp-Ý.. và ngành du lịch rất mở mang đem lại một nguồn lợi rất lớn. Ngoài ra với sự giao dịch quốc-tế càng ngày càng nhiều trên mọi lãnh vực, văn-hóa, xã-hội, giáo-dục, chính-trị, khoa-học.. chúng ta sẽ có nhiều dịp gặp người ngoại-quốc ở trong nước họ hay ở ngay trên đất nước ta và lúc đó ta sẽ thấy là biết ngoại-ngữ có lợi biết chừng nào và việc học ngoại ngữ không phải là thừa vậy.

Tại các hội-nghị của Liên-hiệp-quốc như tại Tổ-chức Y-tế quốc-tế 4 thứ tiếng được dùng và đồng thời được dịch ngay là Anh-ngữ, Pháp-ngữ, Tây-ban-Nha và Nga-ngữ. Nếu một phái-đoàn nào chỉ biết có một thứ tiếng thôi mặc dầu vẫn thảo-luận được nhưng việc tranh đấu ở hậu-trường hay việc giao-thiệp gây cảm-tình kém phần hữu hiệu nhất là nếu thứ tiếng đó không phải là tiếng được đa số các phái-đoàn dùng. Tôi nhớ trong một kỳ họp của Tổ-chức Y-tế quốc-tế, Ý-đại-lợi đã gửi đến một phái-đoàn gồm toàn những

người không những giỏi về chuyên-môn mà người nào cũng nói được 2 ngoại-ngữ, nhất là ông trưởng phái-đoàn nói Anh-ngữ và Pháp-ngữ rất hay. Quả nhiên năm đó Ý-đại-Lợi được bầu làm chủ-tịch khóa họp. Hiện nay Việt-nam đã có những chuyên-viên người thì giỏi Pháp-ngữ, người thì giỏi Anh-ngữ, có người lại giỏi cả hai thứ tiếng, nếu gửi những phái-đoàn đi dự các hội-nghị quốc-tế, ngoài tài-năng chuyên-môn mà gồm những người biết ít ra hai ngoại-ngữ (một thông thạo đề thảo-luận, một vừa đủ dùng cho việc giao-thiệp ngoài lề) thời rất có lợi và sẽ được các phái-đoàn khác kính nể và gây được cảm - tình mau chóng trong những cuộc vận-động hậu - trường, vì đa số các phái đoàn chỉ nói một thứ tiếng. Như trên tôi đã trình bày phái-viên phải biết thông-thạo một ngoại ngữ đề thảo luận chính-thức nếu không thời hoặc không thảo luận được hoặc nếu có thảo luận thời không có kết quả hoặc sẽ gây những sự hiểu lầm rất đáng tiếc.

Đi nước ngoài mà biết được tiếng nước đó thời không những tiện trong việc mua sắm, thuê phòng, ăn uống, đi du ngoạn... mà lại còn dễ gây cảm tình. Ngoài ra biết nhiều ngoại ngữ rất có lợi kể cả khi về già vì đọc những sách viết bằng ngoại-ngữ sẽ biết được mỗi nước có một nền văn-học riêng, tư-tưởng khác nhau và diễn tả cũng không giống nhau nữa. Tôi có một ông bạn biết thông thạo Pháp-ngữ, biết khá thông thạo Anh-ngữ và biết vừa phải tiếng Tây-ban-Nha. Ngoài ra ông ta cũng biết chút ít tiếng Quảng-đông và bắt đầu học Hán-tự. Một ông bạn nữa biết thông thạo Pháp-ngữ, Đức-ngữ và biết ít nhiều Anh ngữ. Sinh-viên Việt-nam ngày nay phải biết cả Anh-ngữ và Pháp-ngữ để có thể tham khảo các sách

khoa-học hay văn-học của hai nước đó cho nên việc học thêm một hai ngoại ngữ nữa sau khi đã ra trường không phải là một việc không thể thực hiện được nếu có chí và quyết tâm.

Theo thiên ý của tôi, nếu người Việt-nam biết được ba ngoại-ngữ, một thông thạo và hai khá, thí dụ như Anh ngữ, Pháp ngữ và một ngoại ngữ phương Đông như Nhật ngữ hay Hoa-ngữ thời rất hay. Về Hoa-ngữ tiếng Quảng-đông đã có nhiều người Việt-nam nói được đề dùng trong thương-trường nhưng tiếng phổ-thông là tiếng dạy trong các trường ở Trung-hoa Quốc-gia và là tiếng ngoại giao chính thức, cho nên việc chọn một trong hai thứ tiếng đó tùy ở sự lợi ích cho mỗi người. Ngoài ra việc học Hán-văn là một việc rất nên khuyến khích không những cho phép ta bút-đàm được với người Trung-hoa mà cả với người Nhật và người Đại-hàn nếu ta chưa nói được tiếng của họ, mà còn giúp ta trở nên giỏi Việt-văn nữa.

Học một ngoại-ngữ thông-dụng không phải là một việc khó lắm : chỉ cần học mỗi ngày một giờ trong một năm thời có kết quả rồi. Sau một năm, việc đọc sách, báo ngoại-ngữ tra thêm ở tự-điền vừa là một phương-pháp tự-học vừa là một sự tiêu khiển rất có lợi.

ĐỀ KẾT LUẬN :

Như trên tôi đã trình bày những lợi ích thiết thực cùng những du khoái về tinh thần nếu người Việt-nam biết hai ngoại ngữ Tây-phương và một ngoại ngữ Đông-phương ngoài ra lại thông thạo Hán-tự. Vậy các bạn còn đợi gì mà không thực hiện lần lần, nếu các bạn đồng ý với tôi, việc học ngoại-ngữ đề kỳ vọng một nước Việt-nam thống-nhất và độc-lập có nhiều người biết nhiều ngoại-ngữ nhất hoàn cầu có thể trở thành sự thật.

Bác-sĩ LÊ-VĂN-KHÁ

Những giá trị diêm tựa

của chủ-nghĩa Tư-bản và chủ-nghĩa Xã-hội

Đất nước ta phải được chuyển lên một địa vị mới trên trường quốc-tế, chiếm một chỗ đứng xứng đáng tại hội-nghị các dân tộc. Giang sơn ta không lớn nhưng không thể để người khác bỏ quên. Dân tộc ta bé nhưng không bao giờ chịu nhận sự đồ hộ, khinh thị, coi thường của các nước lớn. Người Việt Nam phải chuyển đất nước tiến lên địa vị mới.

Xã hội ta đang đòi hỏi chuyển mình sang một giai-đoạn mới, chấm dứt nghèo khó để trở nên phồn thịnh, mỗi ngày mỗi phồn thịnh, và phân chia lợi tức quốc gia một cách công bình cho mọi phần tử được an vui. Không thể chấp nhận tình trạng thiếu thốn của nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền, nền thương mại bán thuộc địa và sự chia sẻ hạnh-phúc một cách quá bất công giữa những người trong thành-thị và giữa thành-thị với nông thôn. Xã hội của người VN phải bước sang giai đoạn phồn vinh, sung túc, công-bình, căn bản vật chất làm nền tảng cho một thời đại văn hóa mới của Dân-tộc.

Đó là ước vọng chung, rất tha-thiết, có từ nhiều năm rồi, nhưng chưa thể hiện được. Ai cũng muốn chuyển bày đất nước và xã-hội của chúng ta tiến sang giai-đoạn mới, nhưng dụng cụ để

di chuyển là diêm tựa và đòn bầy thì ở đâu ? đã có chưa ?

Bất cứ một cuộc vận động lịch sử lớn nào cũng đòi hỏi một loại diêm tựa và đòn bầy thích hợp. Cuộc cách mạng 1789 dùng tư-tưởng tự-do, bình-đẳng, huynh đệ và chủ-nghĩa tư bản kinh-tế làm diêm tựa, còn đòn bầy là giới tư sản và trí-thức mới. Diêm tựa của công cuộc duy tân Minh-Trị là lòng ái-quốc và chủ-nghĩa tư-bản mới học được của Tây Phương, và đòn bầy là tầng lớp tư sản, trí-thức mới và những người võ sĩ đạo mới. Từ 1917, người Nga dùng những giá trị mới chứa đựng trong chủ nghĩa xã-hội khoa-học làm diêm-tựa và đảng Cộng-sản làm đòn bầy. Nước Việt-Nam từ ngày dành quyền tự chủ đầu thế kỷ thứ mười đã coi lớp sĩ phu là đòn bầy, làm xương sống cho quốc-gia xã-hội Đại-Việt, và các giá trị cổ-truyền của Dân-tộc và Nho học làm diêm tựa. Trong thời-đại mới, đất nước ta và xã-hội ta cần diêm tựa mới và đòn bầy mới, nghĩa là cần những giá trị mới và một tập-thể tiên-phong thực hiện những giá trị đó. Ở Bắc Việt, từ trước 1954, nhà cầm quyền đã áp dụng phương-pháp Nga Sô-viết, thực hành những giá trị mới của chủ nghĩa xã-hội khoa-học, và

dành quyền lãnh đạo cho một tập thể những người mới, đó là đảng Lao động Việt Nam. Còn tại Miền Nam, trong 9 năm từ 1954 đến 1963, giới cai trị đã đề ra chủ nghĩa nhân-vị với đảng Cần-lao làm nòng cốt, nhưng sức mạnh của chúng đã sụp đổ cùng với sự sụp đổ của quyền lực và nguồn tài chánh của chính phủ Ngô Đình Diệm. Từ 1963 đến nay xã hội Nam Việt-Nam tan rã hơn vì không được hướng dẫn theo một triết lý chính trị xã hội nào, cũng chẳng có một tầng lớp nào đáng gọi là cột trụ. Sức mạnh của người Cộng-sản Việt Nam và người tư bản Hoa Kỳ đã đảo lộn toàn diện. Những con người hưởng quyền lợi, ở trong cũng như ngoài chính quyền, kể cả những quân nhân có bằng cấp, những trí thức, những chính trị gia, đã không biết, không thực hành những giá trị của hai chủ nghĩa quan trọng nhất của thời đại là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Cho nên, đối mặt với người tư bản và người cộng sản, họ đã bị coi là những con người cũ, thực hành những giá trị cũ, và bất lực trước những biến chuyển của bánh xe lịch sử. Và đến nay, sự bất lực đó không ai là không biết.

Phải thay thế giá trị cũ

Không thể tựa trên những giá trị cũ, cũng không thể trông cậy vào giới lãnh đạo bất lực để có thể thành công trong thời đại mới. Mỗi thời đại có một hệ thống giá trị thích hợp và một tập thể nòng cốt, sống những giá trị đó, làm xương sống của quốc gia xã hội. Không phải tất cả những giá trị cũ đều phải loại bỏ đi vì có những giá trị truyền thống không thể không phát huy

như lòng ái quốc, tình yêu thương đồng bào, tinh thần bất khuất lịch sử của Dân-tộc. Nhưng nội dung của triết lý chính trị của một xã hội trong thời đại này phải bao gồm những giá trị mới, những lý tưởng mới. Muốn đạt được những tiến bộ khoa học của thời đại, một xã hội nặng óc dị đoan, tư chương và thiếu óc lô-gich sẽ bất lực. Để thực hiện những công trình chế ngự thiên nhiên như đắp đập, ngăn sông, xẻ núi, khẩn hoang Cao nguyên, khai mỏ, lập nhà máy, thì những trí thức ưa nhàn lạc, ham hưởng thụ hơn làm việc, không thể làm nổi.

Đây là thời đại của nền kinh tế công kỹ nghệ và nông nghiệp cơ giới, của một xã hội trong đó hạnh phúc vật chất được chia sẻ công bình cho mọi người, và một đời sống chính trị dân chủ cho đa số. Những sĩ phu đặt đạo đức luân lý cổ truyền và văn chương chữ nghĩa ở bậc thang giá trị cao nhất, không thể có chỗ đứng trong thời này. Hiện đại, người ta coi tiến bộ vật chất và sự chia sẻ hạnh phúc vật chất một cách công bình là chính yếu, vì ngày nay, người ta tin theo một quan niệm khác, nói nôm na là « phú quý sinh lễ nghĩa », tin rằng khi con người có những tiến bộ vật chất, tất nhiên sẽ có những tiến bộ về văn hóa giáo dục. Họ tin rằng với một nền kinh tế công kỹ nghệ và nông nghiệp cơ giới thì mọi người dân sẽ có một đời sống vật chất, sung túc để du lịch, mua sách báo đọc, xem các phòng triển lãm, dự những buổi trình diễn văn nghệ và đi học thêm. Các con cái họ đều có trường đi học. Trường công thiếu thì họ đủ tiền cho con học tư thục, và sẽ có rất nhiều người lao động trí thức dư ăn

đều tham gia các công trình khảo cứu và sáng tác thuộc mọi ngành. Không thể phủ nhận những ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa giáo dục, nhưng phải nhận rằng, muốn dân đi học thì dân phải dư ăn. Đòi sống vật chất là yếu tố lớn nhất quyết định chiều rộng và chiều sâu của một nền văn hóa.. Phải phát triển văn hóa giáo dục, nhưng chủ yếu, phải phát triển cái gốc của văn hóa là sự tiến bộ vật chất. Phải luôn luôn nhắc nhở ngoại bang tôn trọng chủ quyền của mình nhưng thiết yếu nhất là sau những lời cảnh cáo, có sức mạnh vật chất gì để người ta nể sợ không. Cần cõ võ mạnh mẽ cho sự bình đẳng giữa các dân tộc, nhưng điều chủ yếu là nếu bị đối xử bất bình đẳng, bị khinh miệt, thì có gì đe dọa hay trả đũa không. Cho nên không thể không thực hiện những giá trị thời đại để tạo tiến bộ vật chất, sức mạnh vật chất. Và những người còn tin tưởng, còn thực hành những giá trị cũ đều vô dụng vì thời đại cũ đã qua rồi và thời đại mới có những giá trị mới, đòi hỏi một lớp người mới thực hiện để lãnh đạo hữu hiệu.

Thay thế lớp người cũ

Vì thế chúng ta không lấy làm lạ khi có những người cấp tiến, đòi hỏi từ nhiều năm nay là phải có một lớp người mới, một tập-thể lãnh đạo mới Đó là những người mất hết tin tưởng vào giới lãnh đạo đương thời, tiên đoán sẽ xảy ra những thất bại khác nữa. Họ thấy những người đó không thể thành công được. Cần một tập-thể lãnh đạo mới thích hợp với thời nay như tầng lớp sĩ phu rất thiết yếu cho thời xưa. Nhiều người trẻ tuổi khác bày tỏ sự thiết yếu một cuộc cách mạng văn hóa

cho giai đoạn này như Phong trào Đông-kinh nghĩa-thực, Tự-lực văn-đoàn... của giai đoạn trước kia khả dĩ vạch ra những giá trị mới những tín điều mới, ngõ hầu đào tạo nên một lớp người mới. Nhưng họ chưa vạch ra được hệ-thống tin-điều đó là gì, những giá trị mới đó là gì! Họ khẳng định là miền Nam Việt-Nam phải thực hiện được một cuộc cách mạng xã hội toàn diện, nhưng nội dung đầy đủ của cuộc cách mạng đó có những gì thì họ chưa rõ. Họ vạch ra những chương trình chấp nối dài, nhưng chưa phân biệt điểm nào là chủ yếu, điểm nào là phụ thuộc, thù là ai, bạn là ai. Rất nhiều cá nhân tụ họp thành từng nhóm nhỏ với tham vọng trở nên tập-thể lãnh đạo mới, một đảng cách mạng lớn mạnh. Nhưng tiêu chuẩn kết nạp đảng viên của họ vẫn chứa đựng một cách chủ yếu những giá trị cũ như thành tín, trong sạch, không tham nhũng, có thiện chí, còn tinh thần cách mạng là một giá trị mới thì vẫn đại cương, mập mờ. Họ chưa xác định chọn lựa làm cách mạng chuyên nghiệp hay vẫn làm cách mạng tài tử, cách mạng lao-động-nhiều — làm việc nhiều để chinh phục giới công nông — hay vẫn vừa cách-mạng vừa sống như giới phản cách mạng, chưa dứt khoát đi theo con đường duy-tân theo chủ nghĩa tư bản như Nhật-bản hoặc con đường xã-hội chủ - nghĩa. Họ không muốn thành người tư bản chủ nghĩa, cũng không muốn thành người cộng sản. Họ muốn thành loại người cách mạng khác, nhưng lại chưa định nghĩa được loại người cách mạng đó có đặc tính gì. Người tư bản có đặc tính riêng vì thực hành những giá trị chứa đựng trong chủ nghĩa tư bản. Và người cộng sản

thực hành những giá-trị vạch ra trong ý-thức, hệ xã-hội chủ nghĩa. Còn họ, vì chưa có lý thuyết, chưa chọn lựa đề tồng hợp thành một hệ thống giá trị mới, nên chưa xác định được con người gọi là cách mạng của họ có những đặc tính gì, thực hiện những giá trị tiêu biểu nào. Do đó chưa thể có một lớp người mới, tập thể lãnh đạo mới. Chỉ có những cá nhân có lòng và những tụ họp rời rạc. Làm sao có lớp người quân tử nếu không có một quan niệm về người quân tử được nhiều người chấp nhận. Và làm thế nào mà giới quân tử được xã hội tôn là giới lãnh đạo nếu họ không thực hiện những giá trị tiêu biểu nhất của Á Đông xưa,

Những giá trị tiêu biểu của thời nay

Một lớp người mới phải gồm những người cùng tôn trọng và thực hành không lệch lạc những giá trị mới, những giá trị tiêu biểu nhất của thời đại. Ở Việt Nam, trong thời hiện đại, những giá trị nào được coi là tiêu biểu nhất. Chúng ta chú trọng đến những giá trị tiêu biểu nhất vì khi thể hiện, chúng tạo nên những tiến bộ để dân tộc có thể sinh tồn và phát triển. Có những giá trị khác như các thuần phong mỹ tục, những giá trị khác nhau mà các tôn giáo đề cao, nhưng đó không phải là những giá trị có tính cách chiến lược và quyết định mà chỉ làm phong phú thêm nền văn hóa của Dân-tộc. Ở hậu bán thế kỷ 19 nếu ta có huỷ bỏ hay tăng thêm một số thuần phong mỹ tục thì quân lực Việt Nam thời đó vẫn bại trận trước lực lượng xâm lăng Pháp, dù binh sĩ ta rất can đảm, rất yêu nước. Và trước đó ít năm, dù tỷ số người không Công

giáo tại Trung Hoa lớn hơn tại Việt-Nam thì Trung Hoa vẫn phải chịu nhận sự đô hộ và xâu xé của Tây Phương. Bởi vì một giá trị tiêu biểu của thời đại mới mà Tây Phương đem theo quân đội xâm lược của họ là khoa học và kỹ thuật đã vũ trang cho họ những vũ khí hiện đại có một khả năng tiêu diệt ghê gớm. Nhật-bản đã thoát nạn làm một quốc gia thuộc địa và vượt tiến kịp Tây Phương vì đã thực hiện với bất cứ giá nào những giá trị mới, thực hiện gấp rút cuộc cách mạng những phương tiện sản xuất mà chính yếu là cuộc cách mạng kỹ nghệ.

Mỗi thời đại coi một số giá trị là tiêu biểu. Dân tộc nào thể hiện những giá trị tiêu biểu đó mới có thể sinh tồn và phát triển được. Bằng không sẽ bị đào thải hoặc bị đàn áp theo luật đấu tranh sinh tồn, luật mạnh được yếu thua, một thứ luật rất ít nhân đạo nếu không nói là vô nhân đạo, nhưng đến nay vẫn còn được coi là rất tự nhiên. Mặt khác, giữa các phần tử của một cộng đồng, một khi đã coi những giá trị nào là tiêu biểu mà nhà cầm quyền không tôn trọng, không thực hiện thì xã hội đó sẽ rối loạn, sẽ nổi ra những vụ nổi dậy đòi hỏi thực hiện những giá trị tiêu biểu đó.

Như ở nước ta, trong suốt thời kỳ tự chủ xưa kéo dài non mười thế kỷ, người Việt Nam đã chấp nhận và thực hành những giá trị cổ truyền của Dân tộc, nhưng tiêu biểu nhất là những giá trị đã được đề ra trong lý thuyết đạo Nho. Những vị vua nào, những triều đại nào tôn trọng và thực hành những giá trị đó thì xã hội ổn định, muôn dân hạnh phúc, có đủ sức mạnh vật chất và sự đoàn kết keo sơn đ

đánh bại ngoại xâm, như các đời Lý, Trần, Lê... Ngược lại thì nhân dân rời rạc, không sát cánh với nhà cầm quyền nên thất bại trước quân xâm lược như thời nhà Hồ, và trong lòng xã hội có nhiều giặc giã, nổ ra nhiều vụ nổi loạn như thời Trịnh, thời Tự Đức. Những giá trị Nho học đã được coi như những giá trị tiêu biểu của thời đại đó. Đó là những giá trị của thời đại văn minh nông nghiệp. So với thời kỳ phong kiến Lạc hầu Lạc tướng thì đó là những giá trị mới của nền văn minh thời đại bấy giờ. Và chính vì đồng hóa và thực hành những giá trị thời đại của nền văn minh nông nghiệp mà dân tộc ta đã tạo đủ sức mạnh để đánh bại mọi cuộc xâm lăng lớn nhỏ từ bên ngoài, để sinh tồn phát triển về phương Nam.

Nhưng đến cuối thế kỷ 19, sau khi thua trận Tây Phương và bị đô hộ thì những giá trị của thời đại xưa bắt đầu bị thay thế. Nền văn minh dựa trên nông nghiệp cổ truyền bị tràn ngập bởi sức mạnh của nền văn minh công nghệ. Và những giá trị của nền văn minh mới này đặt những bước xâm lăng đầu tiên tại Việt Nam đẩy dần dần những giá trị cũ vào bóng tối. Những nhà ái quốc trong các phong trào chống xâm lăng Pháp, từ Bắc chí Nam, nhận thấy rằng các chiến sĩ Việt Nam không hề thua quân xâm lăng về lòng dũng cảm, mưu lược, và tinh thần yêu nước, nhưng đã thất trận vì vũ khí lạc hậu. Phong trào Hoàng-Hoa-Thám sống nhiều năm hơn vì đã biết dùng một vài loại vũ khí Tây phương. Nhưng vũ khí mới chỉ là sản phẩm của một nền văn minh tôn thờ những giá trị mới. Và Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du, Duy Tân chính là những bước đầu chấp nhận và

phổ biến những giá trị mới. Cần tìm ra bí quyết của sự lớn mạnh của Nhật Bản, của Tây phương. Dần dần các giá trị mới của Tây phương được du nhập thêm và phổ biến rộng rãi hơn. Cho đến những năm 1928-30, phong trào VNQDD đã chấp nhận và thực hành nhiều giá trị mới của Âu Mỹ, như tổ chức theo phương pháp khoa học, áp dụng kỹ thuật mới, chế tạo bom, mua vũ khí Tây phương, nên đã có một sức mạnh to lớn khiến bọn thực dân bị một phen kinh hoàng. Nhưng phải đợi 15 năm sau, cuộc vận động lịch sử lớn lao của Dân tộc nhằm thực hiện cùng một lúc hai cuộc cách mạng, cách mạng dân tộc giành độc lập và cách mạng xã hội để xây dựng một xã hội tiến bộ, mới thành công. Cuộc cách mạng mùa thu năm 1945, đồng thời với việc phát huy và thực hiện cao độ những giá trị truyền thống của Dân-tộc như lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống ngoại bang thống trị, đã áp dụng hầu hết những giá trị mới của thời đại, chứa đựng trong hai lý thuyết chính là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khoa học. Những giá trị chứa đựng trong chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là những giá trị tiêu biểu của thế kỷ hai mươi. Đó là điểm tựa của những chuyển động mới của xã hội. Và những tập thể thực hiện và truyền bá những giá trị đó là những đòn bẩy để quốc gia xã hội tiến lên. Cuộc cách mạng năm 1945 đã dùng điểm tựa và đòn bẩy của thời đại. Và thực dân Pháp đã bại trận.

Chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện từ thế kỷ 16 và phát triển cao độ vào hậu bán thế kỷ 19 ở Tây phương. Hướng tiến chủ yếu của nó là thực hiện một cuộc cách mạng những

phương tiện sản xuất, cuộc cách mạng kỹ nghệ. Kết quả là một nền kinh tế rời rạc hàng hóa và thực phẩm chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Chủ nghĩa tư bản triệt để khai thác giá trị của sức lao động. Hầu hết mọi người phải *lao động*, nhà tư bản làm việc hùng hục để kiếm thật nhiều lời, các công nhân thuộc mọi lớp tuổi, đàn ông cũng như đàn bà đều bị bắt buộc phải lao động hết sức. Lao động cật lực để sản xuất nhiều hàng hóa, nhưng lại hưởng thật ít để có số tư bản tích lũy thật to mà đầu tư vào những nhà máy lớn hơn để sản xuất nhiều hàng hóa hơn nữa. Chủ nghĩa tư bản còn tận lực khai thác khả năng của *khoa học và kỹ thuật* để tăng năng suất của lao động, tạo nên những máy móc sản xuất hàng hóa nhiều hơn sức người gấp trăm nghìn lần. Chủ nghĩa tư bản triệt để thực hành những giá trị mới: lao động, khoa học và kỹ thuật để tạo nên sự giàu có phồn thịnh.

Nhưng khi xã hội tư-bản đã giàu có, tràn đầy hàng hóa mà chỉ có thiểu số là những nhà tư bản được hưởng còn những công nhân đông đảo đã góp phần tạo ra sự giàu có ấy vẫn chịu cảnh bóc lột và quẫn quại trong những cuộc khủng hoảng kinh-tế vì quá nhiều hàng hóa, mà lương của công nhân thì quá ít để mua, nên một phong trào mới đã nổi lên đòi hỏi sự chia sẻ của cải và hạnh phúc vật chất một cách công bằng. Hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất. Chấm dứt mọi hình thức người bóc lột người. Nhà tư bản được hưởng thì công nhân cũng phải được hưởng. Phải giảm số giờ làm việc từ 14 xuống 10 giờ một ngày. Công nhân toàn thế giới hãy đoàn kết lại! Đó là những

tiếng kêu, là những khẩu hiệu tranh đấu của giai cấp công nhân vì lý tưởng công bằng bình đẳng. Công bình là khẩu hiệu số một của chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã-hội khoa-học chủ trương đòi hỏi sự *công bình về của cải vật chất, hạnh phúc vật chất*, kết án những lời cam kết thực hiện bình đẳng trên pháp lý, trên tư tưởng là giả dối, và tin rằng chỉ có bình đẳng thực sự khi có bình đẳng về của cải vật chất. Nếu những nước tư bản rời rạc hàng hóa, thực phẩm, thì không thể chỉ dành cho một thiểu số mà phải chia sẻ cho mọi người cùng hưởng. Và tại những nước chưa mở mang, nền kinh tế còn lạc hậu, quốc gia còn nghèo thì mọi người, người cai trị cũng như người bị trị, phải cùng chung chia sẻ sự nghèo thiếu đó. Dân sống khổ thì những người cai trị dân, công bộc của dân, không có quyền sống thừa thãi, xa xỉ. Người lãnh đạo đích thực không bao giờ là những người ích kỷ, chỉ lo mình và gia đình riêng của mình được sung sướng, đầy đủ, mặc cho dân nghèo khổ lầm than. Chỉ có những kẻ chần chừ chiên giả mới sống trên sự đau khổ của dân, hưởng thụ thừa mứa một cách nhẫn tâm giữa đám dân thiếu thốn mọi đàng và lo lắng ngày đêm... Còn Chúa chiên thật chia sẻ sự nghèo khó uất ức của dân, cùng với dân gắng sức tiết kiệm, làm việc vất vả cho một tương lai rục rờ "cùng nhau vui cười". Giá trị thời đại đề cao trong chủ nghĩa xã hội là công bình. *Công bình trong lao động vất vả, công bình trong nỗ lực để tiến lên, và công bình trong hưởng thụ*. Giá trị đó đã lan tràn khắp thế giới, và mỗi ngày mỗi thấm sâu xuống mọi tầng lớp dân chúng. Cho nên tập

thề của bộ máy cầm quyền nào sung sướng, sống phí phạm giữa biển nhân dân dốt nát, bần cùng, thì không thể yên trị, không thể vững bền. Chế độ nào chỉ dành sự sung túc vật chất cho một thiểu số sẽ bị lật đổ vì càng ngày lý tưởng công bình về vật chất càng lan tràn và có những lực lượng nhân dân càng lớn nổi lên đòi hỏi. Và giữa các quốc gia, chính phủ ngoại bang nào ngăn chặn nước khác thực hiện cuộc cách mạng kỹ nghệ để trở nên giàu mạnh, để được đối xử bình đẳng thật sự, sẽ bị thù ghét, bị đánh đuổi không trước thì sau. Đây là thời đại của công bình, công bình giữa mọi người trong xã hội và công bình giữa các quốc gia trên thế giới. Không phải chỉ công bình trên phương diện pháp lý, ý thức, mà chủ yếu là trên phương diện vật chất.

Hiện nay, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khoa học là hai chủ nghĩa quan trọng nhất trên thế giới. Chủ nghĩa tư bản chủ yếu thực hiện những tiến bộ vật chất to lớn, và chủ nghĩa xã hội thực hiện sự công bình vật chất giữa con người trong xã hội và giữa các dân tộc trên thế giới. Các giá trị tiêu biểu được đề cao trong chủ nghĩa tư bản là lao động, khoa học và kỹ thuật, và trong chủ nghĩa xã hội là sự chia sẻ một cách công bình hạnh phúc vật chất.

Ước vọng tha thiết nhất của các dân tộc cấp tiến là trở nên giàu mạnh và thực hiện công bình trong hạnh phúc vật chất. Thỏa được ước vọng đó thì xã hội ổn định và quốc gia được đối xử bình đẳng thật sự. Cho nên các dân tộc đó đã quyết tâm thực hành triệt để những giá trị mới của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Họ sẵn sàng

trả bất cứ giá nào vì chúng là chìa khóa của nền văn minh mới, là điềm tựa không thể thay đổi được mà những chiến sĩ cách mạng sẵn sàng làm đòn bầy để bầy quốc gia xã hội tiến lên. Họ sẵn sàng chấp nhận một chính sách lao động cật lực để sản xuất thật nhiều hàng hóa và thực phẩm và tạo nên một số tư bản độc lập nhờ biết tiết kiệm hầu tự túc tự cường, triệt để áp dụng những phát minh khoa học và kỹ thuật hiện đại để gia tăng năng suất, tăng gia tổng sản lượng quốc gia, sẵn sàng chia sẻ sự thiếu thốn và khổ cực vật chất với toàn thể dân chúng, chia sẻ sự thất lưng buộc bụng để đổi lấy niềm vui ở tương lai, ở giai đoạn mà giấc mơ một dân tộc vẻ vang, một quốc gia giàu mạnh, một xã hội sung túc và công bình trở thành sự thật.

Lao động, khoa học kỹ thuật, và sự công bình vật chất là những giá trị tiêu biểu nhất, là điềm tựa của thời đại. Những tập thể nào thực hành triệt để những điềm tựa đó sẽ là đòn bầy để bầy quốc gia xã hội tiến lên. Thiếu những điềm tựa đó sự tiến bộ sẽ vô cùng trì trệ và hậu quả thảm khốc là đất nước nghèo mãi, lệ thuộc mãi, luôn luôn loạn lạc và bị khinh rẻ.

NGUYỄN TỬ QUÝ

Nhà xuất bản SÁNG TẠO đã cho phát hành tại các hiệu sách :

BẢO THỜI ĐẠI

vở kịch dài 3 màn 1 cảnh
của Trần-Lê-Nguyễn
tựa Nguyễn-Sỹ-Tế

Chợ Trời Tịnh Biên

(Xin xem B K. T.Đ. từ số 286)

Những món hàng sống : Bò, Cá, Heo, Gà...

Dù không có Chợ Trời, không cần đến Chợ Trời, không phải vào Chợ Trời để bán, một số đồng bào ở Tịnh-Biên chuyên mua một loại hàng sống của người Miên đưa sang : bò. Nghề này đã có từ thời... cổ xưa khi dân Việt, dân Miên biết xài tiền và phát triển mạnh nhất trong thời Thực dân Pháp cai trị Đông dương. Tại Vùng biên giới này bên Miên cũng như bên Việt có rất nhiều đồng ruộng bát ngát và rừng núi dày đặc tạo thành một địa thế vô cùng thuận lợi cho kẻ mua, người bán trâu bò không có giấy tờ. Ở Việt Nam mỗi con vật có một cái thẻ nhận dạng ghi màu lông, số tuổi, số xoáy và tên (không có họ). Đồng bào ta quen gán thẻ này cho con vật khác miễn là nó giống na ná những điểm ghi trong giấy tờ. Phương pháp này được áp dụng gần một thế kỷ và hình như bây giờ vẫn còn tồn tại. Nói gì đến cái sự người chủ con vật tự nhiên xin cái thẻ và nộp thuế mà không xuất trình đủ lý do về nguyên gốc của nó ở đâu mà ra ? Xưa kia, Việt-Nam Cao Miên còn sống dưới một chế độ mà những nạn nhân

của bọn trộm trâu, bò còn khó thể truy tầm được bọn chúng hướng chi ngày nay, cái gì lọt qua khỏi biên giới thì kể như tiêu ra khỏi cho xong. Mỗi tháng 3 lần ngày 10, 20, và 30 Tỉnh Châu đốc có mở chợ phiên trâu, bò dưới chân núi Sam, người nào biết rõ vấn đề này nhìn bầy thú không khỏi nghi ngờ biết đâu trong ấy có một số « chạy lạc » từ bên Cao Miên sang ! Người trong giới kể lại rằng ngoài những lối mở làm chuồng, dắt làm trâu bò kẻ khác, các ông Miên cũng hóm hỉnh ra trò khi dùng lối « lừa lừa » ! Hàng năm nước sông Cửu long dâng cao, đồng bào tỉnh Châu đốc, An-giang phải cất chuồng bằng sàn cao cho trâu, bò ở suốt mấy tháng nước. Mỗi ngày người ta cắt cỏ, để rơm cho chúng ăn. Nhiều người không tiện săn sóc bằng lối ấy phải dắt chúng lên Cao Miên gọi cho người Miên chăn giúp mấy tháng. Trong tỉnh Takeo, dọc theo biên giới có một số nông dân Miên chuyên làm nghề này ăn công bằng một số tiền. Khi nước rút cạn, người gởi trâu, bò phải thân đến nơi dắt về, nhưng có ông lợi dụng bầy thú đông đảo này mà tổ chức một buổi tiền đưa để kèm theo

một số cửa đồng bào họ mà các ông cố tình lừa lăm! Đoàn người và thú qua khỏi lẫn ranh rồi thì của ai nấy nhận và chia tay nhau, phần của ông Trưởng đoàn thì ông đưa về nơi hẹn trước với các bạn đồng nghiệp Việt-Nam! Nghề làm ăn xem ra dễ dàng làm sao!

Dưới thời ông Diệm, quý vị Quận trưởng ở biên giới có cấp cho đồng bào buôn bán bò một giấy *chứng thư nguyên xứ* nghĩa là xác nhận con vật ấy là của người dân... Annam nuôi từ thuở nó mới mở mắt chào đời! Năm được lá bùa này các ông lái tha hồ mua bò Cao Miên lừa sang. Trước 2, 3, ngày mở cửa chợ phiên người ta thấy nhiều bầy bò từ phía bên kia lẫn mức đũng đỉnh nhập cảnh Việt Nam giống như bầy bò Texas trên màn ảnh cao bồi. Mỗi bầy có từ 50 đến 70 con, toàn là bò mập ú, cao nhông. Đó là loại bò người Miên nuôi trong rừng, núi cho ăn cỏ rừng và chỉ để bán thịt nên không có con nào biết kéo cày. Nông gia Việt Nam đi chợ phiên Núi Sam thấy bò lớn, mạnh và rẻ tiền vội mua về bắt ách vào thì chúng nằm lẩn ra. Ép chúng đi thì chúng té lên té xuống! Người ta phân biệt chúng với loại bò biết kéo cày, kéo xe ở cái cồ không bị chai vì mang ách. Các ông lái bò lừa bò vào chợ phiên trình giấy *chứng thư nguyên xứ* sẽ được nhân viên làm giấy xác nhận chủ nhân ông của con vật, đóng dấu sắt nung đỏ vào mõng bò mà không cần hỏi xuất xứ ở nơi mô, nơi tê nào cả! Hễ bò vào đất Việt rồi là của người Việt. Người mua chở về lò thịt Saigon tha hồ chọn lựa, trả tiền và lừa lên xe. Dân ở Saigon ăn thịt bò hằng ngày khen ngon ăm ỉ. Tuy nhiên có đạo Chánh quyền địa phương bắt

buộc trâu, bò được đóng dấu rồi phải chờ một ngày để người nào bị mất cấp nhận diện. Ví như chợ ngày 10 thì chờ ngày 11, ngày 12 mới chở bò đi. Nhưng lệnh này chỉ áp dụng có vài tuần rồi đâu cũng vào đấy, đóng dấu con vật xong là cho chở đi ngay.

Phương pháp cấp *chứng thư nguyên xứ* được áp dụng luôn cho ngành bán cá tươi. Hồi còn thời Pháp thuộc, cá ở Biên-hồ Cao Miên được bán cho dân Việt Nam một phần lớn. Khi Cao Miên độc lập và kết thân với Trung Cộng thì bao nhiêu cá đánh được bị bắt buộc phải cung cấp cho chú Ba, lẽ cố nhiên là với giá rẻ. Người Miên, không dám chống đối ra mặt chỉ ngấm ngấm đem một số ra Chợ Trời và ở dọc biên giới bán cho người Việt. Do đấy, cá đen ở Việt Nam có theo mùa, mà dân Việt lại được ăn quanh năm. nhất là đồng bào ở tỉnh Châu-đốc, Kiến-phong. Giá cá bán tại chợ Châu-đốc, Hồng-ngự, Tân-châu, Long-xuyên rẻ hơn ở Saigon nhiều. Các xe chở cá, tàu thủy chở cá xuống Saigon đều là cá ở Biên-hồ Cao Miên «nhảy» sang biên giới. Trước ngày Cách-mạng, quý vị Quận Trưởng ở biên cương thường cấp cho thân nhân *chứng thư nguyên xứ* mỗi lần vài ngàn ký lô cá đen, nghĩa là người cầm giấy ấy đã «câu» được ngàn ấy cá trong xứ Việt-nam và được quyền chở đi Saigon bán. Người có giấy lại không có một ký cá nào và cũng không có một đồng xu nào, mới đem «nhường» lại cho các ông, các bà lái cá. Kể có công người có của, cái vòng lẫn quần cứ loanh quanh mãi, đồng bào nhờ đó được có các loại cá đen trong buổi cơm hằng ngày giữa lúc ngay ở nước nhà ngư phủ chưa câu được.

Vấn đề mua heo Cao-Miên có nhiều đặc điểm đặc biệt hơn mua bò và cá. Trong phần trước, quý bạn đã thấy ở mục ngã đường Khánh-Bình-Bình-Di có ghi rằng phần đất đối diện với xã Khánh Bình bên tả ngạn Hậu giang là lãnh thổ Miên, chạy dài xuống đến Baknam. Như thế, phân nửa mặt sông bên này là của ta, phân nửa bên kia là của họ. Ghe, xuống xâm nhập qua khỏi thủy phận thì bị thủy lôi ngay. Tàu hai bên chạy lên, chạy xuống hoai hoai. Ở đầu xã Khánh-bình cạnh bờ sông Bình-di là ranh giới có chợ Long-Bình, một chợ xã nhưng nhộn nhịp và sầm uất không thua chợ quận. Đó là nhờ việc mua bán hàng hóa Cao-Miên sang và hàng Việt Nam đưa qua đất Miên. Đối diện với chợ Long Bình là đồng ruộng Cao Miên dọc theo bờ Hậu giang. Bên ấy người Miên nuôi heo rất nhiều, ăn không hết phải lén chở qua Việt Nam bán bớt. Từ trong xóm, ấp xa, họ chở ra bờ sông bán cho một người đầu nậu. Người này làm một cái chuồng vĩ đại để chứa và sắn ghe, xuống sẵn sàng chở qua chợ Long Bình. Nói như thế nghe dễ dàng như là một nghề làm ăn lương thiện, sự thật thì khác hẳn. Heo bán trong xóm thì không sao chứ chở đi về hướng « bờ sông » thì y như rằng các quan chặn lại xét hỏi giấy tờ. Người bán heo phải « biết điều » mới mong đi trôi chảy. Nhưng không phải vấn đề biết điều này dễ dàng áp dụng luôn luôn đâu, nguyên do vì Chánh-phủ Miên cấm tuyệt không cho xuất cảng heo sống sang Việt-Nam bằng cách phạt vạ một số tiền gấp 4, gấp 5 lần tiền bán con vật; và mỗi lần phạt như thế, nhân viên thừa hành phạt sự được hưởng một số hoa hồng từ 40 đến 45 phần

trăm. Người bán có lo tiền hối lộ cũng chưa chắc trả đủ số của các quan được Chánh-phủ tặng thưởng, như vậy, quan có ngong gì thò tay nhận để chịu thiệt thòi đủ thứ, vừa về tiền mặt, vừa về phần tương-lệ để thăng chức, vừa sợ bị lộ tẩy mất chén cơm ! Nếu người bán chịu trả đủ số tiền quan đòi thì tốt hơn tặng luôn con heo cho quan xơi còn hơn là chở sang Việt Nam, rồi phải chở về Cao Miên vì có ai dám mua với giá quá cao ! Vì lẽ đó, người bán phải dùng mưu thần, chước quỷ « cho » các quan bắt một người chở hai hay ba con trên xuống bởi dùng đỉnh trước mũi tàu tuần. Quan vờ lấy đất đem về văn-phòng làm thủ tục phạt tiền. Trong lúc ấy, hàng chục xuống nắp kín tuôn ra, bay qua bờ bên kia, chở từ hai đến ba trăm con. Bán xong, các chủ heo chia nhau trả số tiền phạt cho người đã dùng kế « Điều hổ ly sơn » dụ khị các quan, kèm thêm tiền lời coi như đã bán được hai hay ba con heo ấy. Nhờ, đó hai tỉnh Châu đốc, Long xuyên, mới có dư heo cung cấp cho Đô Thành Saigon và được ban khen là sốt sắng, nhanh nhẹn phục vụ cho đồng bào Thủ đô có đầy đủ thịt heo tươi ăn mỗi ngày.

Tại nơi chứa cũng vậy, người đầu nậu phải nhanh mắt, nhanh tay khi thấy bóng tàu tuần vừa khuất dạng thì lập tức cho heo xuống ghe, xuống chèo bay qua mặt sông. Rủi có chậm đôi chút mà qua khỏi phân nửa sông cũng kè như thoát. Heo Miên đã thành heo Việt rồi, không có luật pháp nào biến đổi chúng trở lại nguyên gốc được. Chủ heo bán cho một tay đầu nậu thứ nhì ở chợ Long Bình, người này bán lại cho người mua đem xuống Saigon. Từ

chợ Long Bình ông lái heo phải dùng ghe gắn máy chở xuống chợ Ba Tiệm phía dưới chợ Châu đốc, cạnh quốc lộ số 2. Tại đây, heo lên xe hơi về lò heo Chánh Hưng.

Người Miên cung cấp heo theo lối ấy quanh năm, nhưng nhiều nhất là trong mấy tháng nước ngập, họ chở heo bằng xuồng dễ dàng di chuyển, chở được nhiều và trốn tránh các quan cũng tiện. Mùa nắng ráo họ phải chở bằng xe bò. Số heo sụt xuống rất ít; mỗi ngày người đầu nậu chỉ đem qua sông từ 10 đến 20 con, có ngày không có con nào. Trong tháng nước dâng, mỗi ngày có từ 200 đến 300 con!

Các ông lái heo ở Long xuyên và Châu đốc thích mua heo Cao Miên không phải vì giá rẻ hơn heo Việt Nam, nhưng vì heo Miên ngày nào cũng có sẵn và hễ có là phải bán liền chứ không lẽ mang trở về! Vì thế, ảnh hưởng của giá cả ở Saigon có bị sụt chút ít vì heo đông lạnh cũng không gây thiệt thòi cho giới buôn heo Miên. Ở trong tỉnh nhà mỗi khi nghe tin heo lên giá thì không ai chịu bán cho lái! Người có heo muốn giữ lại để chờ giá lên cao hơn nữa, còn người bán heo Miên thì đã ăn chịu trước với lái, mỗi con 200đ nhất định, không lên, không xuống. Có người muốn giữ phần chắc đặt tiền trước cho một người Miên hay Việt-kiều đi vào sóc Miên đặt cọc mua sẵn heo cho mình. Những vị đại diện này làm ăn thật thà vài chuyến từ vài mươi con heo để lấy uy tín và được tăng lần đến vài trăm con. Rồi một ngày tốt trời các ông ôm gói bạc bên bờ đất Việt xuống ghe sang Hậu giang vừa ngâm câu «tráng sĩ nhất khứ...» của người hùng Kinh-

Kha khi vào đất Tầm. Người mất tiền đành đứng ủ rũ bên bờ sông nhìn qua lãnh thổ Miên mà vắng nhiều câu chữ thề độc nhất.

Nhiều ông lái bò ở Tỉnh Biên. Châu đốc cũng xài phương pháp này và cũng gặp hoàn cảnh này. Người lãnh tiền ôm gói tếch sang Nan-Vang lập nghiệp, sống phè phỡn với vợ con. Luật pháp nào kết tội kẻ phản trắc ấy được? Vào cuối năm 1962, một tay trung gian Việt gốc Miên cuôm năm số tiền cọc của năm ông lái bò ở Châu-đốc lên Thủ-đô Cao-Miên định làm giàu lớn. Nhưng chưa kịp trở tài, hấn mon men ra hóng gió ở núi Bokor (ta gọi là núi Tà-lơn) thuộc tỉnh Kampot. Tại đây, Chánh phủ Cao Miên có mở một sòng cờ bạc vĩ đại để dạy cho dân Miên biết những lối giỡn tiền theo người Văn minh. Tền ăn cắp tưởng rằng có thể ăn bạc triệu dễ dàng nên dốc túi ra thử thời vận. Và đúng theo lời Thánh-Hiền răn dạy từ ngàn xưa, của phi nghĩa sang tay kẻ khác trong chớp mắt. Minh trần, khổ trụ, bơ vơ ở đất Miên, hấn không dám trở về Việt Nam và sợ bị ăn đòn đến chết hoặc mang bệnh suốt đời, đành ở lại Nam Vang sống với nghề... đập xích lô.

Đối với nhà cầm quyền địa phương, việc kiểm soát heo cũng giống như xét giấy bò ở chợ phiên Núi Sam và cá đen trái mùa ở dọc biên giới. Một ông lái phát ngôn rằng:

— Heo Miên đâu có giấy thuế thân làm sao biết nó sanh đẻ ở xứ nào mà quý thầy làm khó dễ bà con? Hà hà!

oOo

Gà Cao Miên « bay » sang Việt Nam hàng... trăm năm nay rồi. Đồng ruộng

Cao Miên rộng, lúa Cao Miên thừa thãi, người Miên nuôi gà hàng trăm con, mỗi gia đình, ăn làm sao hết kịp? Xưa kia ở tỉnh Svay Riêng có nhiều xe hàng, xe đồ chuyên môn chở gà hàng ngày xuống Saigon. Từ ngày có chợ Trời, xe hết thông thương, người Miên quen lệ gánh gà đến biên giới bán cho người Việt. Chánh quyền có ngăn chặn thì họ gánh đi vòng ngoài ruộng cách trạm kiểm soát lối một cây số, rồi cũng đem vào đất Việt. Nhân viên nhà nước ngó thấy rõ ràng và biết rõ ràng nhưng không lẽ bắt chết một công dân về tội bán vài mươi con gà hay sao? Cấm đoán không được, người ta cho tự do. Chợ Trời có một món hàng sống đặc biệt. Người bán phải chịu thuế "xuất cảng" người mua cũng chịu thuế "nhập cảng" và "nhập thị". Như thế thì cả hai Chánh phủ đều có lời hết cả hai chứ sao! Ở ngay Chợ Trời Tịnh Biên và dọc theo biên giới, từ bến đó dài ra cửa kinh Vĩnh tế phía trên chợ Châu đốc, cái sự gà Miên bay sang Việt nam là một sự kiện có thật hằng ngày. Chánh quyền địa phương không buồn ký giấy Chứng thư nguyên xứ làm chi cho một vài gà Cao Miên có khác gà Việt Nam chút nào đâu? Và lại người Việt không biết nuôi gà hay sao, đất Việt không có giống gà ấy hay sao? Bởi thế cho nên ngay trong những tháng 8, 9, 10, nước sông Cửu Long dâng lên cao, gà thường hay trúng gió chết toi, hoặc không có chỗ đi đứng, người Việt không có nuôi mà ở Châu đốc, Long xuyên đồng bào vẫn tha hồ ăn gà với giá rất rẻ.

Tình trạng biến thiên

Ngày xưa, con đồ Tịnh biện bận rộn

vì những chiếc xe Saigon, Châu đốc đi Hà tiên và Nam Vang hằng ngày. Qua cơn khói lửa, người Việt có quốc lộ số 17 từ Rạch giá đi Hà Tiên nên đường số 2 bớt xe rất nhiều, mỗi ngày chỉ có một chuyến xe Tân Việt từ Vĩnh Bình đi Nam Vang và hôm sau trở về mà thôi. Trục giao thông này biến thành nơi chạy hàng lậu giữa hai quốc gia mà Chợ Trời cũng dự một phần lớn. Khi xe này đổi đường khác, bến Tịnh biên hầu như không còn xe nào qua lại nữa. Họa hoằn mới có một chiếc, xe nhà mà chủ nhân cao hứng đi chơi biên giới, hoặc có việc khẩn cấp phải sang đất bạn với đủ giấy tờ hợp lệ, ngoài ra thì con đồ kéo bằng giấy và chống bằng sào chỉ chở bạn hàng Chợ Trời, chở xe lô ba bánh mà thôi.

Nhóm người tự xưng là tị nạn chánh trị ít khi dùng ngã này để thoát sang Cao Miên vì từ Saigon đến quận lỵ Tịnh biên xa gấp 5 lần đến quận Gò dầu hạ. Hơn nữa, vấn đề lên lút trà trộn với đồng bào sang đồ không thể áp dụng vì số thân chủ của Chợ Trời không bao nhiêu lại quen mặt với các viên chức kiểm soát như sống trong một nhà, kẻ lạ mặt bị nhận diện ngay tức khắc. Ví như kẻ mạo hiểm dùng các nẻo tắt vượt ngang kinh Vĩnh tế, bằng đường ruộng qua lằn ranh chỉ tổ làm mồi cho nhóm Việt cộng trú đóng thường trực trên đất Miên, hoặc vô phước gặp một toán tuần tiễu Cao Miên thì đi đời. Ngã này đối với các bố không mấy gì ngon xoi.

Ảnh hưởng của tình hình chánh trị ở Cao Miên gây tai hại cho đồng bào ta ở Chợ Trời không ít. Đó là nạn thu thuế của Việt Cộng. Lúc hai quốc gia còn thân mật giao hảo, bọn chúng không

dám hó hé gì cả, đồng bào tự do buôn bán không bị ai cướp giật đồng nào, nhưng sau ngày đoạn giao, chánh phủ Miên nhận Đại sứ Bắc Việt và Đại diện Mặt Trận giải phóng miền Nam thì bọn Việt Cộng ra mặt đóng binh ở dọc theo biên giới để tiến sang khuấy rối ta rồi rút về an toàn. Chợ Trời trở thành một vú sữa cho chúng mua sắm các món vật dụng và thu thuế bạn hàng. Người nào không đóng thì chúng lấy cái chết ra đe dọa, hoặc xúi lính Miên bắt cóc đòi thân nhân chuộc tiền. Chúng theo sát từng người một, đánh thuế nhiều ít tùy theo số vốn của nạn nhân. Người nào tải hàng theo lối tắt thì được chúng đề nghị đi theo bảo đảm một số tiền to hơn số thuế. Bảo đảm đây là che chở cho chuyển hàng an toàn đến bờ Kinh, không bị lính Miên cướp giật. Người nào từ chối thì y như rằng có ngay toán lính Miên chặn đường vét sạch sành sanh, không khác nào chúng dùng điện thoại báo tin cho người anh em Miên biết trước vậy.

Tình cảnh trên búa dưới đe này làm hao hụt ngân sách gia đình của đồng

bào buôn bán Chợ Trời mà không có phương pháp nào giải quyết. Vì chén cơm manh áo, đồng bào lỡ đâm lao phải theo lao nên trải qua nhiều nỗi đắng cay, Chợ trời vẫn còn tồn tại để thi gan cùng... tuế nguyệt.

Ngoài số tiền phải mất cho bọn cướp công khai, các thân chủ Chợ trời Tỉnh Biên còn phải nghe hằng ngày những lời tuyên truyền của Mặt trận, nào là giết nhiều lính Mỹ, đặt mìn, phá cầu, đào đường vân vân, ngàn ấy thứ tạo thành một bản nhạc quen tai đến thuộc lòng. Chúng trà trộn trong chợ, nhìn mặt người lạ để theo dõi xem có phải là mật báo viên Chánh phủ Việt Nam chăng? Người nào bị chúng nghi ngờ thì khó mong về nhà. Nếu chúng không bắt được thì chúng nhờ lính Miên xét giấy tờ và kê súng vào lưng kẻ đi! Gần đây, chúng bắt cóc thanh niên buộc phải đi lính. Cậu trai tơ nào lãng vãng vào Chợ Trời là vào tay chúng không sai. Những vụ lính Miên vượt biên giới bắt nông dân Việt có khi cũng thuộc vào phương pháp này, báo hại một số đồng bào phải bỏ đất không dám cày cấy để tránh vạ gió, tai bay.

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701, THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Những ngày còn lại

Ông Đại úy nhìn tôi từ đầu đến chân, xong đọc thật kỹ cái Sự vụ lệnh tôi vừa trao, rồi ông ta ngẩn lại nhìn tôi một lần nữa và hỏi :

— Anh mới ra trường ?

— Vâng ạ.

— Thế bây giờ khả năng của anh có thể làm được những gì ?

Câu hỏi thật bất ngờ, tôi không kịp tìm câu trả lời dứt khoát, tôi thoáng biết rằng ông ta không phải là một tay vừa. Vừa nhìn vào cặp kính trắng trên bộ mặt hơi sạm của ông ta, để dò phản ứng, tôi trả lời lấp lửng :

— Thưa Đại úy, tôi mới ra trường chắc không có khả năng mấy và cũng không kinh nghiệm gì...

— Thôi được, anh làm ở Ban Năm Chi khu đi.

Ông ta vừa lật ngược tờ Sự-vụ-lệnh của tôi viết đại khái mấy chữ đề tôi làm ở ban Năm. Còn tôi, tôi vẫn đứng nguyên trước bàn giấy của ông ta. Tôi lại biết thêm rằng những câu hỏi vừa rồi của ông ta như để xem tôi trả lời ra sao, chứ không cốt ý như vấn đáp. Viết xong vào Sự vụ lệnh, ông ta vẫn chưa đưa trả lại tôi. Tôi được chỉ một cái ghế cạnh bàn giấy của ông ta để ngồi. Ông bắt đầu nói cho

tôi rõ về sự sinh hoạt tại đây, sự làm việc tại đây và nhất là cách làm việc với ông ta. Tôi chú ý như một tên học trò ngoan nhất lớp, thỉnh thoảng xen vào một vài tiếng "vâng ạ" để tỏ rằng tôi đang có mặt, và cũng cho ông ta biết rằng tôi đang nghe :

— Làm việc với tôi không khó mà cũng không dễ, khi cần thì làm hết mình, khi rỗi có thể nghỉ. Nhưng ai trái ý tôi, mà không chịu nghe lời, tôi sẽ thẳng tay trừng trị. Bởi làm việc phải có sự chỉ huy chung, chứ không thể mỗi người một kiểu, tôi nhất định không chịu kiểu đó, tôi không chịu được.

Ông ta vừa lặp lại hai lần câu "tôi không chịu được" vừa lắc đầu như chừng sự làm việc không có chỉ huy chung là một điều tệ hại và ông ta đang thất vọng về cách thức đó. Xong ông châm một điếu thuốc đưa trả cái Sự vụ lệnh lại tôi và dặn thêm ;

— Anh đưa qua ban Một họ làm "Sự vụ lệnh" mới nhé :

— Vâng ạ.

Tôi chào và bước ra. Tôi chưa biết Ban Một nằm ở chỗ nào nên đi lòng vòng một hồi lâu. Vài người lính nhìn tôi, ít người đi ngược chiều đưa tay chào tôi theo kiểu nhà binh, tôi chào lại và

1
 ăng lạng bước đi. Có một người lính chỉ hướng cho tôi.

— Chuẩn-Ủy đi theo đường này, ban Một ở trong nhà « tôn » đó.

Mọi thủ tục giấy tờ tại đây đã xong xuôi nhưng vẫn còn sớm, mới 10 giờ 30. Tôi trở về nhà. Con đường chạy qua một khu định cư, gồm hầu hết là nhà vợ lính, rồi đến quận lỵ Hành chánh, phi trường và chợ. Cơn nắng hè làm cho tất cả sáng rõ lên, và đặc biệt ở đây hiện ra một vẻ nghèo nàn nóng bỏng. Khu định cư san sát, thùm thụp nằm sát lộ, những mái tôn phản chiếu ánh mặt trời sáng chói, lấp lánh như muốn bốc lửa. Những đừa trẻ lằng vằng ngoài khu đất, dùng làm sân, chẳng một đừa nào có dép nón. Con đường phía trước lờm chờm sỏi đất, vài chiếc xe đạp lộc cộc đi qua, phần nhiều là xe sườn đàn ông gọn gàng dùng để chở đồ mướn.

Qua khỏi khu nhà định cư và quận Hành chánh, tôi dừng lại nhìn cái sân bay phẳng phiu, giải đất trắng mờ dài hơn nửa cây số, rộng gần trăm thước, chung quanh được rào bằng một lớp kẽm gai mỏng. Trên vùng đất khô cằn này, một nhóm đàn bà, trẻ nhỏ đầu tóc vàng khè, mặt mày lem luốc, vì bụi và nắng đang chờ chực hốt gạo đồ từ những chuyến máy bay tiếp tế.

Từ ngày đường bộ nối Quận lỵ đến tỉnh bị cắt đứt, khu quận chênh vênh thành một chiếc đảo giữa núi rừng. Hột gạo, chiếc đinh, viên thuốc, ve dầu đều do máy bay mang tới. Phi trường được lập ra từ đó, và tôi cũng đến đây bằng chuyến Caribou, chở đồ tiếp tế chiều hôm trước. Khi chiếc máy bay thả tôi xuống, nhìn chung quanh toàn là núi rừng trùng điệp, tôi bàng hoàng không

biết rồi đến đây sẽ như thế nào, làm những việc gì. Trên sân bay lúc ấy, và có lẽ lúc nào cũng vậy, một đám người léo xéo chờ xin lên máy bay về tỉnh, thường thì họ chầu chực đông và lâu nhưng chỉ một số ít được cho đi thôi.

Tôi chưa kịp thu dọn mấy chiếc xách tay thì máy bay lại cất cánh, bụi và] gió bay ngược lại phía sau, làm đám đông chao đảo, nón mũ bay phất phới. Khi tiếng động của máy bay nhỏ lại tôi mới nghe rõ tiếng quát tháo của mấy người lính đứng giữ mấy bao gạo nằm trườn trên sân bay. Họ là mấy người đàn bà, trẻ nit len vào moi móc mấy bao gạo. « Đ...m... mấy con khỉ này lì quá ta, bắn bễ đầu hết, nghe không ». Nhưng chẳng một câu nào đáp lại, từ những người kia. Còn một số khác im lặng hơn ngồi quét những hột gạo đồ trên nền đất hốt vào rổ.

Một người đàn bà hỏi nhỏ tôi : « Có gì bán không ». Tôi lắc đầu và giải thích thêm : « tôi là lính mà », thì bà ta lại bảo : « lính mới có đồ bán chứ ». Tôi chưa hiểu bà ta định nói gì câu vừa rồi thì một người lính đứng cạnh tôi xen vào :

— Ne dép Nhật mấy một đôi ?

— Một trăm rưỡi.

— Còn Ruby ?

— Sáu trăm.

— Sao lại rẻ thế ? !

— Rẻ gì nữa, cũng như mọi hôm đấy chứ.

Mẫu đối thoại vẫn dứt, người lính mở chiếc ba-lô lôi ra đủ thứ : thuốc iá, xà phòng, dép Nhật, dầu Khuynh-diệp, đếm xong trao lại cho người đàn bà. Rồi anh ta quay sang phía tôi nói :

« Có lẽ anh mới đến chưa hiểu, ở đây mỗi khi đi phép lên, ai cũng mang theo một ít đồ để bán cả. Mang lên được thứ gì cũng có lời hết. Thường thì lính hay đem lên nhiều ». Anh ta còn hỏi thêm tôi lên làm ở Chi-khu hay Đại-đội, tôi bảo là lên Chi-khu, thì anh ta cho biết rằng như vậy sướng hơn, Tôi chẳng hiểu sướng về cái gì, nhưng cũng thấy mừng. Có thể sướng vì ít việc, có thể sướng vì đi buôn được nhiều tiền. Té ra ở đây vẫn còn chỗ người ta mơ ước, tôi cũng lọt được vào chỗ sướng. Tôi mỉm cười rút thuốc ra hút, chìa bao thuốc qua phía người lính, anh ta đập đập vào túi áo và nói cảm ơn. Rồi anh ta cũng lôi ra một bao Pall Mall còn mới nguyên.

Tôi quàng chiếc xách lên vai và vác đi, một thằng nhỏ chạy theo nói: « Đem em vác cho, anh cho em ít gạo ». Tôi đáp: « Anh không có gạo chỉ có tiền thôi ». Đứa nhỏ cũng đồng ý: « Được anh về đâu? », tôi chỉ hướng cho hắn: « Đường kia, xóm nhà đó », « Chỗ chợ ấy phải không ». Tôi sang bắt cho hắn một chiếc xách và đi bên cạnh hắn. Trông hắn thoăn thoắt và mạnh bạo lắm.

Khu chợ cũng nằm dọc theo con đường từ quận lỵ chạy xuống, hai dãy nhà lợp ngói, đường như là chỗ để họp nhưng trước đây, nhưng bây giờ không còn chợ nữa, Mái nhà và tường bị rách nát vì đạn bắn thủng, tôi đoán thế, rác rưởi phủ đầy nền. Phía trước, một tấm vải trắng căng ngang đề mấy chữ: Ban Tuyên mộ Địa-phương-quân », những vách tường còn lại đầy những khẩu hiệu viết bằng sơn xanh đỏ, xen lẫn với những câu tục tằn vô nghĩa, nguệch ngoạc bằng than be bét. Khu hàng quán

đều là nhà tranh lợp xúp bán một tí đồ cần thiết: muối, nước mắm, xì dầu, xà phòng, thuốc lá. Tất cả bày biện trên những chiếc bàn hay những chiếc chõng tre ngay trước mặt nhà, sát lộ. Về sau tôi biết thêm rằng dân cư ở đây là từ những vùng bất an về tạm trú, còn những người tại đây thì sau cơn lụt lớn, một số chết, một số bỏ đi phương xa làm ăn, nhà cửa họ bị hủy hoại hết. Có điều con gái ở đây trông cũng ngộ lắm, một sự giải thích, khí hậu ở đây là khí ẩm, cho nên thích hợp với đàn bà, con gái. Tôi nhận như vậy và lâu nay tôi cũng tin rằng như vậy là đúng.

Công việc của tôi ở đây được phân định, tôi nhận làm một cách cần mẫn: lập những hồ-sơ tử-tuất, mai táng, tổ chức những buổi phát thanh, lo phân phát những tặng phẩm, và dần dần cũng như họ ở đây, tôi cũng mỗi mòn trông những chuyển tiếp tế. Mỗi khi có đồ cứu trợ cho những gia đình tử-sĩ, tôi lại lảng xảng giữa những bao bột mì, bột bắp, những mớ quần áo cũ, những thùng dầu xà-lách. Cứ mỗi lần như vậy, sân quận lỵ lại đông đặc người: cha già, mẹ yếu, vợ góa con cô. Họ ngồi rải rác trên những bậc thềm, gốc cây, kẻ kéo ra người kéo vào, mặc dù máy phóng thanh vẫn kêu gọi họ có hàng ngũ để chờ ông Quận đến. Mặt trời càng lúc càng đốt dữ hơn, không lần nào sự phân chia lại chấm dứt trước mười hai giờ trưa, sau khi họ được nghe những lời hiền-thị của chính quyền. Và lần nào thì tôi cũng đứng về phía họ để cảm tạ sự chiếu cố của Chính quyền, đã giúp đỡ họ một vài lon đậu Mỹ, vài chiếc áo đầm sắc sỡ từ những thị trấn, thị xã nào xa xôi gửi tới. Công việc bận rộn nhất là vào

những ngày như vậy, còn thì tiếp nhận, trả lời những công điện từ tỉnh gửi về. Hay định kỳ tổ-chức những buổi phát thanh lưu-động, nhai đi nhai lại những tin chiến thắng ở những vùng đất nào, xa lạ mà người ta chưa kịp làm quen đã quên mất. Nhưng có lẽ công việc tuyên truyền ở đây hơi thừa, bởi người ta chỉ ngóng ngóng nghe thử bao giờ có tiếp tế, bao giờ có tặng-phẩm, chứ còn đầu óc nào nghe những chuyện này chuyện nọ. Cái gì cũng thành ra quý, nhất là cái ăn : Gạo và muối thôi. Khi chưa đến, tôi tưởng là người ta nói quá, nhưng kỳ thật là vậy. Trước đây thì nơi này cũng lắm nhà giàu có. Tôi đã thấy nhưng chiếc nhà rường nhà ngói những chiếc nhà « tam gian tứ vị » đồ nát và buồn thiu giữa những đám vườn um tùm cây lá. Nhiều gia-đình « danh gia vọng-tộc » nay phiêu bạt mỗi người một ngã. Những người còn lại chỉ ôm một mớ giấy tờ ruộng đất, những câu đối sơn son thiếp vàng được dùng làm ván kê nằm.

Từ hồi chiến tranh Việt-Pháp thì ở đây cũng cảnh đầu rơi máu đổ rất nhiều. Thường ngày những chiếc máy bay khu trục quần thảo trên đầu, rồi thì người chết, nhà cháy. Cho đến bây giờ cảnh ấy còn diễn lại kỹ hơn thế nữa. Làng xóm đã thay hình đổi dạng. Nhiều người chỉ còn biết ngậm ngùi than thở. Những ông Lý, ông Hương thường hay nhắc lại thời xưa, nhớ lại ngôi nhà, đám ruộng, khu vườn với nhiều vẻ mỹ miều tươi đẹp nay còn lại đó như là những di-tích của thời cuộc tang thương, lòng của ông như cũng muốn héo hon theo từng vật.

oOo

Ngày hai buổi tôi từ nhà trọ tới Ban Năm, qua một đoạn đường với chừng

ấy bộ mặt nhất định : khu chợ, hàng quán lụp xụp, phi-trường, quận hành-chánh, khu định cư. Sự sinh hoạt thu hẹp lại như chừng đang bị bỏ vào trong một cái bị, người ta nhoi nhúc nhau, trong ấy.

Những binh lính, sắc phục khác màu đi lẻ tẻ trên đường với những chiếc máy thu thanh chạy Pin lúc nào cũng nghe mở rè rè.

Tôi vẫn lầm lũi với cái hành trình nhất-định đó, dần dần thấy mình trở thành quen và như cảm như điếc trước những cảnh mè nheo.

Một tin báo lính tử-thương tôi cũng biết đứng đưng đi, làm phận sự : đóng hòm, mua vải lo liệm. Tôi không thể tưởng tượng có một người nào ở một thê khác đang tin rằng có một sự sống như thế này. Thế nhưng ở đây vẫn sống và làm việc.

Lâu lắm tôi không thê nào nhận được thư từ, tin-tức và cũng chẳng viết cho ai cả, ngay đến mẹ tôi. Ban ngày đi làm, ban đêm vào đồn treo võng trong những chiếc hầm đất ngủ. Nằm trên võng lao chao như trên thuyền, tôi lại thấy mình cách biệt và xa xuôi quá. Những câu văn tục, những lời nói đùa dí dỏm của những người lính nằm xung quanh nghe quen dần và cũng thấy vui vui, hơn những chương trình phát thanh của mấy em gái hậu phương nữa. Một lần một đứa nằm cạnh tôi nói : « lính tráng mà còn nằm được như thế này cũng còn sướng lắm ». Quả trong tình cảnh chung của toàn quân thì thế này cũng còn sướng. Thế tại đây cũng còn kẻ hơn người kém. Câu nói làm tôi nhớ lại lời của anh lính tại phi-trường hôm tôi mới lên,

Và tôi cũng nhớ lại những lần đi công tác phát thanh tại những tiền đồn, tôi đã thức một đêm chờ sáng, phải dẹp bỏ chương trình phát thanh để cho lính gác có được sự yên tĩnh mà nghe ngóng động tịnh. Có lần Viên Trưởng đồn trở cho tôi những địa thế xung quanh, tôi nhìn xuống những chòm cây xanh thấp bên dưới đồi, thấy lơ thơ mấy sợi khói mỏng, hắt cắt nghĩa :

— Đấy, khói là bọn họ nấu ăn đó, thường thì ít khi như vậy, bọn hắn chỉ nấu dưới hầm vì sợ máy bay và Canon.

Tôi hỏi lại :

— Cũng có dân trong ấy chứ ?

— Vâng có, độ 10, 11 giờ nghe tụi hắn đánh trống, đánh mõ báo động. Mình lại bắn súng cối vào. Đêm nào cũng chơi cái trò Û-tím đó.

Tôi không thể nào tìm ra dưới những chòm cây xanh thấp đó vết tích

của xóm làng.

Chiếc máy C/10 đang làm việc phát ra những âm thanh rè rè, âm thoại viên đang báo cáo về Bộ Chỉ-huy tình hình trong ngày. Một viên đạn súng cối vọt khỏi nòng nổ ở mé đồi bên kia, âm thanh len vào trong rừng cây nghe xào xào một hồi lâu. Tôi đứng im để người trưởng đồn nói về tình hình chung quanh, hẳn kể rõ từng địa danh nhưng tôi cũng không hề lật bản đồ ra đối chiếu.

Buổi chiều thật tĩnh, nền trời đã sẫm, sao một vài cái lưa thưa. Lính tráng đã vô hầm, mấy bếp lửa nấu nước dập tắt cả, nhìn những người lính nằm trong những chiếc hố gác cạnh rào như những con thú rình mồi ban đêm. Bên trong những chiếc hầm một vài chiếc máy thu-thanh chạy những bản tân-nhạc nghe quen tai.

TRỊNH KHẢ NGUYÊN

'ASPRO'



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT



Nhức đầu

Không

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCDP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐANG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại.

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

● N.A. KHƯƠNG

NHỮNG ĐOẠN TÌNH BUỒN

1. Mùa hạ nồng với những tia nắng rực lửa tự trời cao thả xuống như muốn thiêu rụi thân xác tôi thành tro than. Tôi cúi gằm mặt đi qua những con phố lỏm chòm đá nhọn đất nâu. Qua Ty tiểu-học, tôi ghé lại tìm thư nhà. Tôi bắt gặp nét chữ quen thuộc của ba tôi. Vào quán nước, tôi gọi ly cà-phê đá, xé thư ra đọc, mới hay nội tôi vừa qua đời.

Con,

Nội con vừa mất cách đây vài hôm. Ba phải nghĩ việc về quê lo chôn cất cho nội con. Ba không báo tin cho con hay vì con ở xa quá. Cả An nữa, ba cũng không thư cho nó bởi ba nghĩ nó đang bận học thi. Ở nhà có em Hoàng đề tang thay cho hai con. Thế là từ nay mỗi lần về quê con không còn gặp mặt nội con nữa...

Từng giọt cà-phê từ chiếc muống nhôm rỏ xuống lạnh như nước mắt. Nội buồn chảy lặn tẩn trong linh hồn theo từng con sóng nhỏ. Nội già rồi nên nội phải chết. Làm thế nào nội có thể sống đời đời với lũ cháu lũ con. Nội cũng biết vậy nên mua chiếc hòm về dựng sẵn trước nhà, bất chấp lời can ngăn của ba tôi. Những cơn ho dài và những búp máu thoát khỏi lồng ngực khiến người nội còm cõi dần. Tinh huyết của nội đã hao hụt và nội đóng đưa phần số mình như ngọn đèn lu trước gió. Lâu lắm rồi tôi không gặp mặt nội tôi ngoại trừ ngày Tết. Về đây chỉ đề buồn bởi bốn người chú của tôi thường lợi dụng cơ hội hân-hữu đề bàn-bạc chuyện chia đất chia vườn. Không ai còn muốn ở lại miền quê, chẳng phải vì nội này chiến tranh càng ngày càng trở nên khốc-liệt mà vì các chú nghĩ rằng thành phố dễ nuôi sống mình hơn. Bao giờ thì câu chuyện cũng được kết thúc bằng một cuộc cãi vã. Và nếu nội tôi không đập bàn quát tháo thì câu chuyện có thể còn đi xa hơn. Hồng hết, con cháu đời nay hồng hết. Nếu tao chết sớm chắc là tụi bây vui lắm hả. Từ rày đừng về đây nhìn mặt tao. Cứ đề mặc tao rủ xác nơi này. Sau cơn giận dữ, nội gập mình xuống, thở khò-khè trong cuống họng. Trông nội thật thảm thương. Lâu rồi, tôi vẫn tin lời nội nói đúng. Lũ con lũ cháu bây giờ sống hoang dại như bầy thú ghìm nhau, kẻ nào yếu tức khắc sẽ quy xuống. Phần tôi, tôi phải tự gắng sức bươn đi bằng những dấu chân mềm rũ của loài sâu hèn mọn. Dù vậy, đôi lần kiệt sức, tâm hồn chìm trong

trạng-thái mê sảng, tôi chạy băng băng và suýt tuột mình rơi vào hố thẳm.

Tôi bỏ quán nước đi ra, mang theo hình ảnh ngôi mộ vừa mới đắp và những ngọn lá ô môi khô rơi xuống âm-thầm phủ ngập. Thời-gian rồi sẽ đẩy đưa khuôn mặt nội tôi về quá khứ. Sau này, nếu tình cờ có dịp nhắc nhở về nội, chắc tôi sẽ thốt lên bằng giọng bình-thản như người đang gọi món ăn trong quán. Lúc qua ngang trường nam thị xã Quán-Long, trống vừa báo giờ tan học. Đám học trò lao-xao xếp hàng ra về. Một vài đứa đã lén chui ra khỏi cổng, quăng cặp trên bãi cát, bắt đầu cuộc đánh đáo. Những đồng tiền kẽm kêu leng keng nghe thật dịu-dàng, thoải-mái. Tôi nghĩ lũ trẻ cũng giống tôi. Đi làm, mỗi đầu tháng cầm vài ngàn bạc tôi cảm thấy khoái-lạc như vừa nhấp xong cốc rượu mạnh. Thấy tôi, lũ trẻ có vẻ e-dè nhưng rồi lại tiếp-tục cuộc chơi. Những cánh tay đen khăng khiu cố sức ném mạnh đồng tiền vào bờ tường mang nhiều dấu thủng. Bây giờ một đứa đứng dưới sợi kẽm chằng quần áo, ngắm nghĩa đồng tiền ở đằng xa thật kỹ. Rồi đồng tiền từ tay nó vút đi. Tiếng kim-khí chạm nhau làm đứa bé kêu lên sáng-khoái. Nó chạy vội đến lượm đồng bạc cho vào chiếc túi bần.

Về đến nhà, tôi định viết ngay một lá thư thật dài cho ba tôi. Nhưng khi ngồi vào bàn viết đầu óc tôi trống rỗng một cách lạ thường. Trang giấy trắng để trước mặt chỉ ghi được vài giòng chữ viết thảo. Không thể tiếp-tục, tôi ngã mình trên chiếc ghế bố tìm giấc ngủ. Trong cơn mê, nội tôi hiện ra gầy-guộc, lẳng-khẳng như người đứng dưới lớp nước đang rung. Nội mặc áo sô rộng thùng-thình. Tôi hỏi nội đề tang cho ai. Nội nói bây giờ tốt nhất là mình tự đề tang cho mình. Đâu ai còn đủ nước mắt để khóc một người chết vì đời đã tàn-tạ. Rồi tôi lại thấy ba tôi và đứa em gái chết hết sức kỳ-lạ. Tôi trở về muộn màng. Mẹ tôi ra đón. Hai mẹ con ôm nhau mà khóc. Tôi hỏi sao mẹ không báo tin cho con. Chờ đợi mãi vẫn không thấy mẹ tôi trả lời. Tôi nhủ thầm rồi mình cũng phải cố sống bằng cách thức của một người mà gia-đình vừa ly-tan đau-đớn. Tỉnh dậy, tôi bắc ghế ra hiên nhà ngồi nghĩ miên-man. Bạn bè nhiều đứa bỏ Cà-Mau mà đi không gì giữ lại được. Nghĩ đến một ngày nào mình cũng phải rời bỏ nơi này tôi nghe hồn thoảng chút buồn. Hai năm về trước tôi khởi hành về đây bằng chuyến đi đầu được coi như là định mệnh. Ngày nhận được sự-vụ-lệnh gần kề tôi vẫn chưa biết mình sẽ trôi dạt phương nào. Tôi nói với Don Cohon, người bạn Mỹ vừa mới quen, rằng tôi sẽ phải dạy trong một ngôi trường ở vùng quê hương hẻo lánh. Cái gì làm tôi miễn anh có lẽ tâm-hồn rất gần-gũi với người Á-Đông của anh. Bằng tuổi tôi, Don Cohon mang vóc dáng cao lớn, khỏe mạnh như quê-hương. Trước tôi, anh có vẻ như con hổ dữ đang rình mồi. Vậy mà lần chơi bóng-bàn nào anh cũng bị khuất-phục. Thua, anh chỉ cười, gỏ vọt xuống mặt bàn báo hiệu một ván khác sắp sửa bắt đầu. Ngày tôi biết mình về Cà Mau thì anh đã khẩn gọi lên đường ra Vũng Tàu dạy tại một trường trung-học ở đấy. Hai năm trôi qua và Cà Mau bây giờ bỗng thân ái như người tình. Tôi chợt hiểu vì sao Chăm và Trí có thể vui đùa trong sóng biển Côn-Son.

Đường dẫn lên mộ Nguyễn-An-Ninh có nhiều mảnh xương trắng hếu dưới chân cứ ngỡ là những viên sỏi. Ra đây mới thấy đời vô nghĩa và hận-thù như bọt bèo. Thương cho những người lên rừng đốn sảng. Thương cho những người trong vòng lao lý. Thương cho mình con mắt đui mù...

Lời thư của Chăm từ Côn-Sơn gửi về nghe như nặng một mối sầu. Có thể là hôm-qua-hay-hôm-kia tôi đã chợt nhìn cọng cỏ khô thật chăm chú và cũng đã nghĩ đời mình nào khác chi thứ cỏ khô bênh-bồng trôi qua sông ra biển. Nước lũ và mưa bão từ nghìn xưa đã vỗ về đời ta. Đôi khi nước mắt khôn ngăn, tuôn theo dòng lệ nếu là vì trông thấy đứa con, người cha tách rời nguồn xuôi về miền bình an vĩnh-cửu. Có ngờ đâu chất mặn còn sót lại một nơi nào đó trên cơ-thể hay phần hồn đã vô tình biến thành muối bề xát lên đời nun ý-chí thêm bền vững. Từ đó ta mới học nổi tánh khí : ăn-nhân đợi chờ nẻo về lúc còn đang giữa lộ-trình tâm-tối. Hỡi thần-linh, một dân-tộc miền ven biển phía Nam đã trưởng thành bằng trăm vết chém trên da trên thịt. Trái cây đau khổ đã chín đầy nên sẽ rụng. Phải rụng một lần dù sớm mai mùa đông hay buổi chiều lửa hạ. Hy-vọng sẽ mọc mầm tốt tươi cho đàn trẻ tương-lai đưa cánh tay hồng ra hái.

2.— Thưa thầy con đi

Lại một lần nữa bé Việt vòng tay, cúi đầu chào tôi trong lớp học. Người đàn-bà đứng chờ ngoài cửa lau vội đôi mắt. Viên đạn đã xuyên qua nơi nào trên thân-thể người vừa nằm xuống ?

Các em có biết vì sao em Việt vắng mặt ? Tôi đã lập đi lập lại nhiều lần câu hỏi từ khi đứa học-trò bé bỏng thân-yêu không ôm vở vào trường. Vắng trán thên-thang, đáng ngồi thui thủi và những bài làm mang điểm số tối-đa đã làm tôi chú-ý đến Việt sau hơn một tuần-lễ đảm-nhận lớp học thứ hai do Lộc giao lại trước khi lên đường nhập-ngũ. Bây giờ em không còn ngồi chỗ đó. Ngày mưa bão ngõ-ngang dội xuống con đường vàng tươi ánh nắng. Lăn mực đỏ vừa chảy ngang qua tên em, chảy ngang qua những con số tám chín mười tội-nghiệp.

— Con về với ngoại. Má vẫn nói ba con làm lính con còn đi học.

Ba chết rồi là lăn trong một góc đời tối-tăm ngủ muộn, trả bàn ghế cho bạn-bè trả sách vở cho thầy học.

Mùa hạ đã thực sự trở về trên những chất liệu vừa tìm thấy cho Trương viết kịch. Hai mươi bảy tuổi, một chiếc xe đạp ọc-ạch ngày mấy buổi đi về, một căn nhà thuê rẻ xa tít vùng ngoại-ô với những tờ cáo-phó dán đầy mặt vách gỗ, ngần ấy thứ trộn lẫn biến Trương thành một trường hợp lãng-mạn bất-thường. Những đêm mùa hạ là những đêm Trương chọn lựa đề gặp mình viết kịch. Hạnh-phúc của Trương là được tự giết mình để hồi-sinh ở đằng sau sân-khấu, cử động không phải là một cái bóng mà bằng đủ ngũ-quan thường nhật. Đi đứng, nói cười trong một khoảng thời-gian vừa đủ để nhận ra mình vẫn

đang ôm ấp những giáo-điều đã cũ. Không có thì thay đổi đảng sau một lớp kịch, dù là kịch buồn rơi được nước mắt.

— Anh Du, giúp cho việc này.

Xấp phong thư vàng úa và những trang giấy quy ronéo mang những lời lẽ trang-trọng, lịch sự như người quý-phái : Quà tặng của quý-vị sẽ là phần-thưởng tinh-thần lớn lao giúp các em cố-gắng học-hành thêm nữa...

Ông hiệu-trưởng đã bỏ sang lớp bên cạnh. Niên học nào cũng tàn trong nỗi khổ tâm của thầy giáo, nỗi khổ-tâm phải xin xỏ chút tiền nong của đám học-trò đáng lẽ cần phải được tiếp-trợ. Có nhiều đứa can-đảm không chịu nhận phong thư : Thừa thầy, gia đình em ở trong trại ty nạn cộng-sản, mỗi ngày chỉ được phát mấy lon gạo và bảy đồng bạc. Câu trả lời bất ngờ của đứa học-trò khiến tôi liên-tưởng đến khu tạm cư ngoại thành với những ngôi nhà nhỏ xíu được dựng lên vội-vã. Vậy mà người vẫn qua đây như qua cõi u-minh, đậu lại hàng năm tháng dài để ngày thả đi lêu bêu kiếm ăn, đêm cuộn mình như loài cuốn chiếu. Tôi biết nói gì với những em bé du-mục, với những em bé vừa mới hôm trước ban phát cho chút manh quần tấm áo để ngày hôm sau nhận lại của em năm mười đồng bạc ? Thôi đành để cho đám đứa học-trò siêng năng, ngoan-ngoãn ôm số phần-thưởng nhẹ hững ra về, số phần-thưởng tạp nhạp thu-nhận được của phụ-huynh học-sinh mang họ Tăng, họ Khổng. Rồi, trong ngàn ấy khuôn mặt khô-ngô, tuấn-tú sẽ còn lại bao nhiêu khuôn mặt diêm-phúc được trở lại nhìn ngôi-trường thân yêu ? Hay, vừa xong bậc-tiểu là bị đẩy vào thế-giới xôn-xao tìm một chút cơm ăn để sống ? Má vẫn nói ba còn đi lính con còn đi học. Việt ơi, cầu mong cho em lần về với ngoại này không phải bươn đòi chân nhỏ trên cánh đồng nhật từng cọng lúa rơi. Hỡi lá cò, ngọn nến và chiếc hòm sơn đỏ hãy phù-hộ cho Việt.

Giữa trưa, có người đến báo tin cho tôi là Trương đã chết. Bằng cách nào ? Một tai-nạn trên đường đi. Không-khi khô-khan, đặc sệt bỗng thổi tấp vào mặt ngọn gió bám cát. Con mắt nghe cay cay, xốn-xang. Phải vục mặt vào chậu nước lạnh cho tỉnh ngủ để còn đi làm. Tôi choàng dậy tìm hộp kem để đánh răng. Nhờ ra một bãi nước bọt, tôi thấy máu mình lẫn trong đó. Máu chảy ra từ chiếc răng nào ? Sự sống mong manh như thủy-tinh. Khuôn kính che đầu xe vỡ ra, rơi xuống từng mảnh nhỏ. Trương vỡ ra, rơi xuống từng giọt nhỏ. Hãy lãng quên, đánh răng, chải tóc và đi làm. Hãy lãng quên ! Âm-thanh bị nghiền nát một cách tàn-nhẫn và tôi hiểu rõ hơn ai hết sự hèn yếu của mình sự hèn yếu của kẻ không dám đương đầu với nỗi ghê rợn của phút chia lìa giữa đời sống và thịt xương. Không còn gì hết đảng sau thân xác co rúm ? Như vậy, cái chết phải chăng là một huyền-nhiệm không ngờ giải-thích được sự giao-thoa giữa một con chó và một con mèo hay hơn thế nữa. Thôi hãy quét dọn lại con đường vắng vãi những thịt xương. Vết máu còn bám trên mặt nhựa sẽ có cơn mưa xóa tan dấu-tích.

3.— Quảng đường trước mặt có nhiều mù sương. Tôi ngồi co ro trong

chiếc xe lambretta ba bánh về Tân-Thành. Lần trở về này như một cuộc kiếm tìm lại những kỷ-niệm ngày cũ. Những người hội-ngộ trên cùng một chuyến xe thật tình cờ. Sao tôi gặp họ mà không bao giờ nghĩ rằng mình sẽ gặp? Khoảng đường mờ mờ thăm thẳm xa. Nếu tôi được ngồi hoai hoai trên một chuyến xe và trôi đi nó sẽ về đâu và tôi sẽ về đâu? Tôi bây giờ là thứ động vật đã bị phân-hóa. Những ý nghĩ vụn vặt cứ lữ-lướt trôi qua đầu. Ích gì thứ phấn son che chở cho mấy nếp nhăn của cô gái đã về chiều. Nếu tôi ném nó đi được thì... Đồ khốn, đồ khốn, nó giết con tôi còn đâm nát ngực. Người đàn bà ngồi trên xe khóc hu hu kể chuyện đứa con trai bị tình địch đâm chết bỏ thây ngoài bờ sậy phi tang. Ác nhân ác báo. Rồi có ngày nó cũng bị thằng khác đâm lòi ruột cho coi. Người con gái có con mắt mù vẫn giữ vẻ thản nhiên. Hình như cô ta không có cuộc tình gì để nhớ. Tội nghiệp. Tội nghiệp. Một vài tiếng suýt soa làm như thấy người chết đang nằm trong xe. Cô gái mù xoay nghiêng một chút. Tôi nhìn mái tóc dài đen đổ xuống nghĩ nếu cô ta không bị tàn-tật chắc cũng có nhiều người dám banh thây lòi ruột vì cô. Banh thây. Lòi ruột. Banh thây. Loài ruột. Đầu óc xoay xoay như chiếc chong chóng. Bầy cây số vút qua mau. Cô gái mù tình cờ ghé lại Tân-Thành. Khoảng đường trũng nước ngập lầy-lội. Tôi gọi chuyện:

— Về đây chắc là buồn phải không cô?

— Tôi về đây tìm một người bà con. Quê tôi hồi đó ở đây. Vậy mà bây giờ tôi không còn nhớ được gì.

— Tôi tin là cô tự lừa dối mình. Ít ra cô cũng còn giữ được một thứ gì trước khi ra đi, căn nhà chẳng hạn. Sách vở vẫn ghi rằng ta không quên được thời thơ-ấu.

— Tôi không có thời thơ-ấu. Hay đúng ra thời thơ ấu ấy ngắn ngủi và buồn rầu nên tôi không muốn nhớ. Năm nay tôi mười tám tuổi và chợt mù.

— Cô còn đi học không?

— Ông trông tôi giống một nữ sinh sao?

— Không, tôi thấy cô còn trẻ nên tôi nghĩ vậy. Bằng tuổi cô tôi hãy còn ôm vở đến trường. Ở đấy đời sống thật vui.

— Hồi đó tôi cũng có đi học nhưng bây giờ thì không. Tôi mù rồi còn đi học làm gì.

— Cô có vẻ chán đời quá vậy. Dù sao mình cũng không nên quá chú tâm đến con mắt mù.

— Thưa ông, tôi phải làm gì cho một đời sống kẻ như vô vọng? Mười hay hai mươi năm sau có thay đổi được gì? Hồi đó, khi con mắt còn lành, nhìn vật gì tôi cũng tin mình nhìn đúng. Bây giờ muốn trông rõ tôi phải xoay nghiêng về một phía nên cách nhìn trở nên khó-khăn nhọc mệt.

Cô gái mù đột nhiên nín thính, lơ-đăng nhìn ra xa :

— Thôi, xin giả-từ ông.

— Cô đã đến nơi rồi hả ? Tôi còn phải qua một đoạn cầu.

Ngôi nhà anh Quận mở ra trên một giong sông nước chảy lững-lờ. Gió thổi làm xôn-xao lông cánh lũ quạ đen vẫn thỉnh thoảng bay về đậu trên những nhánh cành trơ-trụi, thả tiếng kêu quạ quạ giữa trưa hè êm vắng nghe buồn như vừa cất xong một đám tang. Kỷ-niệm trôi bèo bồng trong trí nhớ. Nguyễn khua đôi nạng gỗ dọc theo hai bên mạn thuyền và anh Quận vừa đàn vừa hát một điệu nhạc cò. Hình như điệu đàn và giọng hát thê-thiết đó anh chỉ dành riêng cho đứa em cùng khổ. Mười sáu tuổi. Nguyễn bắt đầu phải nhờ vả hai khúc gỗ khô nhắc đê vươn mình tiến tới. Giong sông này mẹ Nguyễn đã ra đi và Nguyễn chỉ gởi lại đó chiếc chân. Ấc thay, chiếc chân bị hao hụt chính là sức sống, là tuổi thanh xuân đang căng nhựa trong người Nguyễn. Nhưng tháng ngày tiếp theo sau cơn tàn-phá hung hãn, Nguyễn bỗng mang nỗi đam-mê kỳ lạ : trở lại khoảng sông ngầu đỏ, rung đôi nạng hai bên mạn thuyền, lắng nghe điệu đàn giọng hát của anh. Khuôn mặt trầm-tư mang nỗi thiết-tha tìm về một niềm kín cửa. Ngày đó, đôi khi vô tình, tôi bắt gặp anh Quận nhìn trộm vết sẹo của em, vết sẹo sâu, to, nó hình thù chiếc kèn đồng của tên lính gầy còm, da đen mốc vằn hay ngựa cồ thối vào mỗi buổi sáng. Nhưng một hôm, từ cánh đồng cháy nắng trở về, anh Quận bỗng bàng hoàng tê điếng khi thấy thân xác đứa em nằm lạnh cứng bên đôi nạng gỗ còn un chút khói. Thân Nguyễn được bó trong một chiếc chiếu, vùi sau nhà. Ụ đất lấp vùi qua một cơn nắng dữ nứt ra và một vài con dế mèn kéo đến trú-ngụ, cắn nhau toí bời. Anh Quận, lâu lâu, phải dùng hai que nhang dài gắp ra những chiếc đầu khô queo. Tôi mất Nguyễn từ đó, mất thằng bạn đã âm-thầm chọn lựa cho mình một chỗ nằm trong căn nhà của tổ phụ để che dấu vết sẹo bắt đầu mưng mủ.

Anh Quận, bây giờ tôi đang trở về. Và anh, anh vẫn nướng náu trong căn nhà ọp-ẹp, lắng nghe nỗi cô-đơn tràn xuống êm-ái, bụi ngùi ?

— Có ai ở nhà không, xin cho tôi hỏi thăm ?

Tôi gõ vào tấm vách gỗ dùng làm khuôn cửa che hồ ngôi nhà trống. Người đàn ông xa lạ ném mầu thuốc rê trên nền đất.

— Ông muốn hỏi thăm ai ?

— Thưa ông, ông Quận không còn ở đây sao ?

— Ông không được tin gì sao ? ông Quận mất từ năm ngoái. Xác chôn ngoài kia.

Người đàn ông đưa tay chỉ một khoảng đất nằm sâu trong lau lách. Hỏi nội, hỏi anh Quận, Nguyễn tất cả rồi sẽ lăng đăng phương nào ?

N. A. KHƯƠNG

Mùa thu em áo lụa qua cầu

Thơ THỦY-TRIỀU

— anh từ đó cũng xa vời thơ ấu
niềm vui xưa vụt mất tự bao giờ
thân du-tử lặn qua đời mệt mỏi
từng đêm dài nghe lạnh lẽo hồn thơ



— năm tháng cũ đã đi vào quá khứ
thành phố xưa còn kỷ niệm giăng đầy
trời tháng tám mây sa cùng bốn hướng
mùa thu em về áo lụa trắng bay



— mùa thu em về nghiêng nghiêng nón lá
con nước buồn thiu lặng chảy qua cầu
con nước dâng đầy như hàng lệ ứa
em có nghe hồn còn thương nhớ nhau



— rồi em qua cầu bỏ tình xưa lại
tháng tám chiều buông quạnh vắng sân trường
anh lang-thang về đi tìm thơ-ấu
đời cũng hoang rồi thơ ấu mù sương



— mùa thu em về con đường bên nớ
có lá me rơi mưa đổ thật buồn
anh ở bên này nhìn sang vời-vợi
giòng sông ngậm ngùi cách biệt đôi phương



— anh từ đó lòng cũng hoài mây trắng
buổi chiến-chinh đời gió cát dạn dày
phương nớ phương này em còn thương nhớ
mùa thu anh về nhìn lá mưa bay.

huế • bên ni sông

gởi tình qua thành nội

Thơ HOÀNG-GÔ-QUÝ

anh đứng bên ni giòng sông nhớ
bên tê thành nội áo ai bay
cầu xưa gãy nhịp chia tình cũ
nước dưới sông buồn lay ngọn cây

cầu đã đưa người thân mến nhau
lòng hai miền gió thoảng hương cau
tình sông nước cũng thơm lời hát
ơ huế đêm trăm lửa chớp sao

cầu đã đưa em vào tuổi hạ
với khuya trăng gió điệu nam bình
ngày hai buổi đông đưa tà áo
gót mỏng chân hồng dáng nữ sinh

cầu đã đưa anh bước lên đường
chân vàng khua động bóng quê hương
hồn trai như gió nồm quê mạ
hơi thở thơm tình huế mến thương

ơ sáu vài ơ mười hai nhịp
mới hôm mô thân thiết đôi bờ
bóng ai thấp thoáng bên tê đó
có phải em thành nội muốn qua

ơ sáu vài ơ mười hai nhịp
ai mô nữ phá gãy cho đành
nhớ răng là nhớ người chi lạ
bên nớ sông buồn nước có xanh

anh đứng bên ni giòng sông nhớ
bên tê hiu hắt dáng ai gãy
ơ người thành nội cho mình hỏi
cầu gãy đôi tình ấy có phai

Sương đọng trên cành

truyện TRÙNG-DƯƠNG

Bỗng nhiên một cơn giận chụp lấy Quyên, như một chiếc khăn có tầm thuốc mê, và Quyên thiếp đi dần, thiếp đi dần. Có một vẻ gì như êm đềm lẫn chua xót trong cơn giận đó.

Quyên về đến nhà, dựng xe, khóa lại. Mẹ nàng hỏi, sao về trễ vậy. Bà đang lúi húi rửa chén bát sau bữa cơm trưa, ở trước nhà. Quyên bước vào nhà, thoáng nhìn thấy phần cơm dành cho mình úp lồng bàn để trên bàn. Nàng vừa đi thẳng vào trong, vừa trả lời mẹ, tại con bận ít công việc, con đi ngủ, lát nữa con ăn cơm.

Quyên lên lầu, thay đồ rồi lăn ra giường. Quyên còn nhớ là cơn giận còn đấy, vẫn pha lẫn sự êm đềm và chua xót. Và nàng thiếp đi với cái nhìn vừa lạ lùng vừa ân hận — hay đó chỉ là đều nàng nghĩ ? của Tường và Xuân đứng hai bên đầu xe khi nàng nói, về nhé.

oOo

— Cái tính cô thì chê không nổi. Có khi người ta chửi bới hay làm cái gì phật ý cô ghê lắm, cô cũng bỏ qua, không đếm xỉa. Nhưng có khi chỉ quệt sơ cô có một chút thôi, cũng đủ cho cô đề tâm giận dai giận dằng. Xin lỗi cũng không được. Ai biết điều thì để cho cơn giận đó tự nó lắng xuống rồi tan đi mới mong làm hòa với cô nhưng đừng đại nhắc lại chuyện cũ mà lại bị cô giận nữa...

Lời nói có vẻ như một quyết đoán. Căn gác xép nhỏ vừa bằng cái hộp giấy. Người đàn bà mặc quần đen, áo bà ba màu nhò nhò loay hoay soi định mệnh cho Quyên qua những con bài tây bày thành hàng trước mặt, trên chiếc thùng gỗ dài được đánh vẹt-ni — hay những giọt mồ hôi đã đổ xuống hoặc toát ra từ đôi bàn tay kia đã tạo thành một chất vẹt-ni ? nhẵn thín. Người chị dâu mách Quyên : cô ta nói hay lắm. Quyên không tin ở bói toán, không tin ở tướng số. Quyên cho rằng chẳng ai đoán nổi định mệnh nàng, khi mà nàng muốn tự quyết định một phần lớn cuộc đời mình. Một lần, Quyên theo người bạn đến thăm một ông thầy có tiếng là lấy tử vi hay. Nàng định bụng lấy cho con một lá. Gã thầy tướng nhìn nàng trên cặp mắt kính trắng bị kéo xế xuống gần chóp mũi, bảo : lấy lá số thì phải tin ở trời, ở sự an bài của trời, chứ tin ở mình là hỏng cả. Quyên ra về ngay sau đó, thoái thác là bận, để bữa khác trở lại. Nhưng hôm nay, Quyên lại theo bà chị dâu đến đây xem bói bài tây. Và Quyên cũng gật gù khi nghe nói về tính nết bất thường của mình, mặc dù trong thâm tâm, Quyên vẫn nghĩ cứ theo cái điệu đoán tương lai của mỗi người thì rồi

đây ai cũng khá cả, ai cũng sẽ có tiền cả, ai cũng hạnh phúc cả, kẻ trước, người sau... và Quyên chợt có một so sánh vui vui: thầy bói cũng giống như một người làm nghệ thuật chân chính, dù không nói ra những nhóm người này đang cố gắng tạo một thứ thế giới toàn mỹ, toàn hảo — dù kết bằng ảo tưởng.

Dù vậy, Quyên vẫn không thể không hỏi tiếp.

— Cô mới nói đến tính tình của tôi. Thế còn tương lai ?

Người đàn bà nhìn vào những con bài đỏ đen trước mắt :

— Bây giờ thì làng nhàn đủ ăn thôi. Phải đến năm ba mươi hai mới có tiền nhiều mới phát được.

Quyên nhằm tính còn những gần mười năm nữa lận.

— Số cô cao lắm đấy...

— Tôi có chồng con rồi.

— Nhưng người chồng nếu không chết thì đã bỏ cô đi lấy người khác vì cái số của ông ta nó thế. Nếu ở với cô thì ắt chết. Bỏ cô lấy người khác thì còn sống, cô sẽ khổ nhưng chỉ một thời gian. Người ta chung thủy với cô, sống với cô, chết thì cô cũng khổ. Chẳng thà người ta đi lấy vợ khác, cô khổ nhưng rồi sẽ qua đi...

— Bà nhằm tôi có lấy chồng nữa không ? Chùng nào sẽ lấy ?

Quyên hỏi không tránh được giọng đùa cợt.

Hai chị em ra đến đường. Quyên vẫn còn cười nghiêng ngửa, không để bà chị nghĩ mình tin ở lời bói toán. Chị Thuận hỏi :

— Cô vẫn chưa nghĩ ra hai người định hỏi cô à ?

— Ai mà biết được ? Với lại, bà thầy bảo nên đợi hai năm nữa hẵng tái giá, sẽ vớ được thằng có tiền nhiều, kia mà. Hay là em phải cố nghĩ xem hai kẻ đang định hỏi em kia là hai kẻ nào để thúc đẩy nó làm tiền cho nhiều ? Trong hai năm...

— Cái cô này lúc nào cô cũng đùa được ! Chuyện đời mình mà cứ coi như trò chơi !

Trò chơi ? Quyên nhắc lại trong đầu.

Bà chị dâu về trước. Quyên đi chậm qua dãy phố chợ đông người nghĩ đến hai chữ trò chơi. Khi nghe tin An lấy vợ tự nhiên Quyên thấy bình tĩnh và thánh thoát lạ thường. Tại sao ? Chính Quyên cũng tự hỏi. Và nàng nghĩ : thế cũng xong, Quyên không còn do dự, so đo có nên trở lại hay không ? Có nhiều điều đã không được nói ra, và sẽ không bao giờ được nói ra nữa, một cách dứt khoát. Từ đây Quyên sẽ đi chơi, họp mặt với các bạn, kể các bạn trai thân, với không một mặc cảm, dù nhỏ, trong lòng. Chỉ tiếc lúc An lấy vợ nàng đang bận công tác

ở nước ngoài, để có thể, biết đâu đấy, nhận được một cái thiệp hồng và gửi trở lại một lời chúc tụng. Không, có lẽ Quyên đã làm việc đó từ lâu rồi. *Mình không hiểu nhau, thật đáng tiếc. Và tôi cũng xin chúc cho An sẽ gặp người đàn bà hiểu An và chiều chuộng được An hơn tôi. Vĩnh biệt.* Quyên viết cho An như vậy rồi đem con về nhà bố mẹ. (Họ chưa kịp làm hôn thú để phải đối diện nhau thêm vài lần nữa trước một đôi người thứ ba để hoàn tất thủ tục giấy tờ.) Như người đàn bà nhân vật của Alberto Moravia ra đi trước một người chồng quá so đo, kỹ lưỡng, tỉ mỉ, gạn lọc, trong truyện ngắn "Đừng đào sâu"! Một đôi lần An muốn đến xem đứa con mình bao lớn, nhưng anh ngại đụng mặt gia đình Quyên. Phải, đừng đào sâu anh ạ. Hãy để một sự khó hiểu ở giữa chúng ta. Như vậy tốt hơn. Tôi muốn sống hồn nhiên, làm những gì tôi thích, suy nghĩ những gì tôi muốn, yêu thương những người đã yêu thương tôi và san sẻ, nếu cần tôi đã được để lớn như vậy. Như một con chim tự tìm lấy mồi ăn, tôi muốn hưởng lấy khoảng trời rộng thay vì co gối trong một không gian chật hẹp, dù cho đó có là một lồng vàng. Trong không muốn tin ở sự an bài của định mệnh, càng không muốn chôn chân trong những định kiến của xã hội... Dù cho đôi khi, nhiều khi, tôi bị những lời đường mật hoa gấm của bọn thầy bói, những xét nét của xã hội mà tôi vẫn phải chung đụng làm vướng bận. Và đấy là căn nguyên của tính nết bất thường của tôi.

Bây giờ Quyên cảm thấy muốn đi dưới hàng cây me. Trời hôm nay có dáng thu, mùa thu của những đám cuối năm nào thuở nhỏ đứng bên đường nhìn. Mưa lất phất và trời có màu chì — âm hưởng của một cơn bão rớt từ miền xa. Quyên cố nghĩ tên một người bạn có thể đến thăm giờ này gặp ở nhà. Quyên không nhớ ra được tên nào. Những người bạn thân khó có mặt ở nhà trong một tiết trời có-vẻ-thu như thế này. Quyên đành kéo dài cuộc lang thang không định hướng với cảm giác thanh thản.

Rồi Tường và Xuân ập tới. Nhưng Quyên không cảm thấy có một sự đột ngột nào trong đó.

oOo

Những người bạn thân thuở mới lớn, những người bạn chứng nhân của thời kỳ xao động hỗn mang quờ quạng đi tìm cho mình một định nghĩa xác định cho mình cho hướng đi dù là cái hướng đi cái định nghĩa về một con voi của những tên mù (vì có ai nắm chắc là mình đã trông thấy con voi — cuộc sống phức tạp và cuồng bạo như con thác lớn — và cuộc sống còn dài hơi còn nhiều khám phá), những người bạn đó dần tản mát. Chia rẽ, bất đồng vì một vài quyền lợi nào đó, vì một vụ khám phá không trùng hợp nào đó. Phan tiếp tục cuộc sống lơ đãng buông trôi trong những liên hệ tình cảm và nhục dục. Quang tách rời ra vì chợt nhận thấy không còn, thích

hợp được nữa với nhóm người cũ và vì nhu cầu công việc. Vinh hiện nguyên hình một kẻ tìm công danh sự nghiệp và đợi ngày lấy vợ. Hải lên đường nhập ngũ tạo một nếp sống mạnh đôi khi về phép nhìn thấy bạn bè cặm cụi học hành Sinh ân hận và mang mặc cảm thua sút nên khi trở về đơn vị càng đánh nhau khỏe không phải vì lý tưởng mà vì muốn trút nỗi uất hận. Xuân vẫn lơ mơ với tâm trạng hoài cổ và một tay thuộc nằm lòng nhiều câu ca dao nhất với một mơ hoài niệm sống động và buồn về niềm đất đã bỏ đi cách đây trên chục năm. Tường lăn lộn phá phách và giải quyết cuộc đời bằng cách lấy một cô vợ biết yêu lần đầu hoàn toàn ngây thơ trong trắng.

Quyên không rõ lắm những nguyên nhân làm cho lũ bạn trai thân tách rời nhau. Nàng cũng bận rộn với những xục xạo của chính mình. Như một con chó đói bới kiếm trong một ^đống thùng rác của cuộc đời, Quyên tự so sánh. Thỉnh thoảng gặp lại một đôi tên bạn cũ, bạn trai, bạn gái đủ. Những câu hỏi không đợi được trả lời : Sao lớp này có gì lạ ?

— Sao lớp này có gì lạ ?

Cả ba người cùng chột hỏi một lúc và cùng không nghĩ rằng mình vừa hỏi. Một lát sau, Quyên đáp hờ hững :

— Có một cái lạ : hôm nay trời có vẻ thu nhờ một cơn bão rớt ở miền xa.

Một sự im lặng phủ xuống họ. Dường như để nghe ngóng bước chân đi của một thứ tiết thu giả tạo. Xuân mơ màng một vẻ buồn bã của kẻ chẳng bao giờ tán nổi ai chỉ vì tính quá thẳng và nghèo tiền, với một mơ hoài niệm những cô gái cùng tuổi không cảm nổi. Tường chột bắt gặp một niềm hứng khởi. Anh hăm hở phóng xe đi trước mấy lần Xuân và Quyên ngồi chung một chiếc suýt hụt bắt kịp. Quyên ghét sự vội vã đó. Quyên ghét cả ý tưởng Tường đang mang trong đầu. Họ đang trên đường đi về phía Phố Tàu. Quyên thích ngồi trong một tiệm cà phê lúc này để ngắm trời hơn. Bọn con trai có những lúc hứng kỳ cục. Quyên vừa ghét vừa thương.

Quyên im lặng ngồi dựa vào tường. Tường đã mặc quần áo và nằm hút thuốc bên cạnh. Xuân ngồi trong nhà tắm trầm ngâm thật lâu. Có tiếng giấy vò. Tiếng giựt nước. Và Xuân trở ra, nằm giường bên cạnh. Họ im lặng và riêng Quyên hơi cảm thấy khó chịu. Phải đợi hai năm nữa để chấm dứt những cuộc phiêu lưu vặt và nhờ vả bạn bè theo kiểu này. Nhưng đến lúc đó, liệu Quyên còn có họ ? Quyên không muốn mất một Xuân luôn-luôn-như-đi-trong-di-vãng, một Tường làm-li-quyết-liệt-và-hồn-nhiên-trong-sáng, một Quang học-nghề-xây-nhà-nhưng-mơ-làm-đạo-diễn-điện-ảnh... Những lúc gặp lại họ dù chỉ trong chốc lát, trao đổi làm Quyên thấy thương họ hơn và ngược lại. Hay là đến một lúc nào đó, cũng như tươi trẻ người ta không thể giữ, tất cả những cái đó sẽ vượt mất ?

Xuân bảo :

— Nhiều lúc cũng muốn hỏi cưới Quyên nhưng sự nghiệp chưa có nên lại không dám ngỏ.

Quyên cười nhẹ, nghĩ đến những câu cao dao chất phác hồn nhiên chan chứa tình mà Xuân thuộc lâu lâu.

— Còn tôi — Tường nói — lỗi thời rồi. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lấy vợ nữa...

Quyên la lên :

— Thôi đi, mấy bạn! Tôi đứng được mà!

oOo

Quyên sẽ không lên cơn giận bất ngờ nếu Tường đứng dậy đi vào nhà tắm làm cái công việc Xuân vừa làm và nếu Xuân đứng đến năm chỗ Tường. Quyên cười thầm tôi biết các bạn không định làm vậy. Tôi hiểu nhưng tôi vẫn giận. Cơn giận như một thứ thuốc mê ngẫu dẫn vào cơ thể. Quyên nghĩ đến một người chồng, đến một bài hát kỳ cục mà mẹ dạy cho độ nhỏ mà Quyên chỉ còn nhớ có một câu : “ ... muốn làm kẻ cả muốn về kiếm con ”. Dường như câu hát được đặt ra để chế nhạo một nhân vật muốn đi tu, rồi lại muốn về lập gia đình để kiếm con cái. Quyên không nhớ nổi. Nhưng Quyên thấy mình cũng giống vậy. Những lúc nhìn con xoắn xuýt bên những đứa nhỏ mới được mấy tháng, Quyên thấy thêm làm mẹ thêm. Đồng thời Quyên lại thấy thú vị vì tình trạng một mẹ một con của mẹ con nàng. Quyên muốn giữ những người bạn trai thân mà Quyên vẫn yêu quý và được họ quý yêu. Đồng thời Quyên cảm thấy sự cần thiết của một người chồng. Hai năm nữa. Quyên tự cho mình cái thời hạn hai năm nữa để quyết định.

Quyên còn nhớ hai khuôn mặt buồn buồn hơi thoáng có chút bỏ ngỡ ngỡ của Tường và Xuân khi Quyên đạp máy cho xe nổ và về một mình. Quyên phóng như bay qua các con phố. Quyên thú vị một cách không tự kèm chế. Quyên cũng vẫn giận một cách không tự kèm chế. Quyên không nghĩ gì trên đường về. Không nghĩ gì khi thay đồ xong leo lên giường ngủ. Quyên chỉ hơi ái ngại khi nghĩ đến lúc bắt tay Xuân ra và đứng lên sửa soạn đi về. Mặt Xuân bất động và buồn, như những lúc anh đâm ra nghĩ về dĩ vãng về tuổi thơ, về cái thành phố miền biển nơi đó Xuân đã từng vui đùa với mấy người anh người chị của Quyên, dạo ấy Quyên còn nhỏ xíu, Chưa được phép nhập với bọn Xuân.

oOo

Quyên ngủ một giấc trưa ngon lành, không hề bị khuấy động. Khi nàng thức dậy, cơn giận còn đó. Và niềm tin tưởng ở tình bạn còn nguyên. Như cơn giận. Như tiết trời thu giả tạo ảnh hưởng bởi một cơn bão rớt miền xa. Như giọt sương đọng trên cành chờ ánh nắng mặt trời đến hút đi. Đừng khuấy động. Đừng xin lỗi. Đừng làm gì cả. Giọt sương sẽ tan trong hơi ấm mặt trời. Và Quyên sẽ rời nơi trú ẩn, với những niềm tin, sẽ ra phố, sẽ đến những chỗ có thể gặp mặt những người bạn thân từ thuở hồng hoang. Với câu hát đứt khúc kỳ quặc “ ... muốn làm kẻ cả muốn về kiếm con ” Nghe Xuân? Nghe Tường? Nghe Quang?... Và để hai năm sau...

TRUNG DƯƠNG

Khẩu nghiệp

● LĂNG NHÂN

L.T.S : Chuyện mang nhan đề trên đây rút ra từ một tác phẩm của nhà văn Lăng-Nhân Phùng-Tất-Đắc, do Cơ sở Phạm-Quang-Khai xuất bản, sắp ra mắt bạn đọc. Tác giả « Chơi chữ » và « Giai thoại Làng nhỏ » đã dùng thể-văn đàm thoại để trình bày được nhiều khía cạnh về ngót ba chục chuyện nội-dung khác biệt, câu chuyện lan man từ đề tài này sang đề tài khác nên mang tên chung là : « **Chuyện cà kê** »

— Năm ấy, 1930, chúng tôi tối nào cũng thường nằm bên khay đèn của Võ. Võ mỗi khi đã ngà ngà say, lại nghĩ ra những kế-sách để hoán-cải thế-giới. Cũng may mà kế-sách ấy sáng hôm sau anh quên đi hết, chứ nếu anh nhớ lại và lại thực hiện được thì đất nước này đã có đến ngàn lần cách-mạng nổi lên rồi, chứ chẳng chơi ! Một hôm, Võ đương mơ-màng về sự sáng-chế ra một thứ tia điện mà anh gọi theo chữ đầu tên mình là tia V, có khả-năng chiếu xa 10 cây số, chiếu vào đâu là đấy cháy tan ra tro hết. Anh lim-dim mắt tả những ảnh-hưởng khủng-khiếp của tia V, thì phía ngoài có tiếng giầy lộp-cộp đi vào. (Hồi ấy ít ai đi giầy đế « kếp » êm ru như sau này các ông bộ của Ngô tổng thống). Nhìn ra, là anh Đình, một công-tử từng du-học bên Pháp đỗ được bằng lái xe hơi, đương ẩn-cư ở Hà-Đông chờ có trốn đề phóng nước đại. Thấy Đình mặc cái sơ-mi sờn cổ và tay, Võ hỏi :

— Dạo này đã có việc gì làm cho vui chưa ?

— Chẳng có khi gì nên mới tìm đến các anh đây. Tớ có giấy phép ra một tờ báo

lấy tên vợ-văn là Duy-Tân, có nghĩ cách xuất-bản được thì làm giúp, chứ tớ, chẳng nói các anh cũng biết, tớ thạo võ hơn văn.

Võ hỏi ngay :

— Có tiền không đã.

— Nếu có, đã chẳng phải nhờ các bố !

— Không cần nhiều, cứ nói ra có ngàn nào, mới tính toán được chứ.

— Tớ hiện chỉ có mười đồng, mà có đi hỏi dặt quanh chắc cũng chẳng được thêm bao nhiêu, vì bấy lâu vay mượn khắp nơi đã nhiều.

— Mười đồng cũng được rồi, để anh em dặt con toán xem thế nào. Ngàn ấy tiền thì không ra được báo hàng ngày, cái đó đã hẳn. Phải ra tuần-báo, lấy cỡ 21x27, một tờ báo gập làm tám thành 16 trang. Chí, tính phỏng xem nghìn đầu hết bao nhiêu tiền in ?

Chí lấy bút ra nghĩ-ngoáy một lúc, ngẩng lên nói :

— Hai mươi bảy đồng.

— Vốn có mười hãy đưa trước, còn thiếu mười bảy, để tao nói với cụ Bộ

cho máy trả nốt sau. Bây giờ hãy in thử số đầu một ngàn tờ, giá năm xu, vị chi là năm mươi đồng, hoa-hồng trẻ bán báo mười đồng còn bốn chục, trừ hăm bảy đồng in, lãi mười ba đồng rồi con ơi, so với mười đồng vốn thì gấp gần mười rồi, làm được chứ nhỉ? Ấy là chưa kể những ngàn sau giá in rẻ hơn, còn lợi hơn nhiều nữa.

— Ngộ ế thì sao?

— Mình tìm cách không cho ế chứ. Không đề ế lấy một tờ! Mà muốn thế, tất phải nêu ra một phương-châm làm báo mới-mẻ. Vậy anh em nghĩ cách nào cho thật hữu-hiệu. Tao thì tao đặt cái nguyên-tắc như thế này: Điều thứ nhất: chỉ có chữ, chữ thì ai cũng thích nghe; điều thứ hai: gọi những người *tai mắt* toàn bằng tên trống không, không có ông có cụ nào hết. Cho nó lạ tai!

« Hai nguyên-tắc chấp-thuận xong, tôi được chỉ-dịnh viết những bài ngắn ngắn, góp thành 10 trang, còn 6 trang thì trang đầu làm lời phi lộ, năm trang sau thơ và truyện ngắn sẽ do Tuấn phụ-trách.

« Tôi miễn-cưỡng lãnh trách-nhiệm, rồi quay sang hỏi Tuấn:

— Chữ ai bây giờ mới được chứ? Mình chẳng thù-hằn với ai, biết chữ ai và chữ về cái gì?

— Thì hãy cứ lấy những nhân-vật thường bị thiên-hạ chữ mà chữ túa thêm lên, dù không mới-mẻ gì nhưng cũng vẫn có người ưa xem. Rồi ta chờ có ai lên tiếng trả lời, bây giờ sẽ có đầu-đề đối-thoại, tha hồ mà ra chuyện.

« Thế là bao nhiêu nhân-vật tai-tiếng của Hà-thành được đem ra trưng-bày.

Khi đến nhà in sửa bài, cụ bảng Bì đưa tập bản vở giờ ngang tay ra, nói bằng quơ:

— Nay các ông xem, bây giờ người ta viết lách như thế này đây!

« Thì ra trong tập bài có vài giòng nói về lối văn *từ thời bát tiết* của cụ, và cụ bực nhất là đã bị gọi trống không là Bì, không có tiếng tôn-xưng *cụ bảng* như thường-lệ. Sau cụ bảng, đến cụ Vinh. Cụ Vinh là chủ nhà in này, nên khi thấy có bài nhạo rằng *văn của Vinh viết cứ lê-thê ba-mươi dòng mới «oong poong»* thợ không dám xếp chữ, cụ Bô phải mời cụ Vinh lại xem có cho in hay không. Cụ Vinh đọc qua, phì cười, bảo:

— Có sao đâu mà không cho in. Cứ in cho người ta!

« Lúc tôi lên kiểm-duyet (tôi phải đích thân lên Kiểm-duyet vì cụ bảng Mộng trên đó là thầy học cũ, để nói hơn người khác), cụ Bảng lật lật xem qua, hất-hàm hỏi:

— Bài xã-luận đâu?

— Thưa thầy, chúng con xin đưa sau, vì viết không kịp. hãy xin trình thầy chỗ này.

« Cụ Bảng duyệt ngay, đình-ninh rằng còn có những bài đứng-đắn khác đưa sau. Ai ngờ, lúc báo phát-hành chỉ vắn-vắn có bấy nhiêu, thật khác hẳn với các báo đương thời, báo nào cũng có xã-luận làm cốt. Ty kiểm-duyet thường chỉ chú-ý riêng về bài này).

oOo

« Ngày báo ra là cả một sự sôi-nổi trong các giới Hà-thành. Một ngàn số bán veo trong buổi sáng. Được tròn số 2 in hai ngàn, số 3, ba ngàn, đến số 6, sáu ngàn, bấy giờ mới đứng ở mức này, là mức cao nhất trong làng báo hồi ấy.

« Sở dĩ có đề-tài viết tiếp trong những số sau, chính là vì, như đã tiên-đoán, các báo không ai muốn rây với Duy-Tân, biết rằng sẽ như rây với hủi, riêng trên báo Đông-phương, ông Đồ Tố say máu trả lời, khiến cho có cuộc bút-chiến kéo dài tới 14 số liền, phần nhiều là Duy-Tân cãi cối và nói xược, đề trêu tức nhà nho. Tới số 12. tôi bận việc phải rời Hà thành, Khái-Huyết ở nhà quê lên viết thay, và cũng từ đây, báo thiên về đả-kích sự dâm-bôn và thủ-đoạn lừa-bịp hay bỉ-ôi của nhiều nhân-vật, gây ra trong đám nạn-nhân một sự phản-ứng dữ-dội. Một chủ ngựa-thi đem dăm chú dô-kê đến định hành-hung Đình, nhưng lúc ấy Đình không có ở tòa báo; nhiều người khác cũng viết thư dọa-dẫm, khiến anh ta phải trang-trí văn-phòng bằng gươm dao treo lơ-nhổ trên tường. Đình vốn có tiếng là « du-côn », nên những lời đe-dọa tuy bay đến tới tấp nhưng rốt cuộc không ai đem thực-hiện cả, báo vẫn thản-nhiên tiếp-tục đường lối đã hoạch-định. Nhưng bị bới-móc mãi, a₁ mà chịu nổi: người ta không trả lời₁ bằng cách này, ắt cũng sẽ trả lời₁ bằng cách khác. Thì quả-nhiên sau đó ít lâu, ngày ngày hàng chục lá thư bảo-đảm gửi đến cho thân-phụ Đình, một vị hưu-quan, mắng ông này là không biết dạy con. Ông cụ bực mình, lên phủ Thống-sứ yêu-cầu rút giấy phép báo. Tính ra trước sau Duy-Tân ra được 22 số.

« Lý-do báo chạy gấp đôi báo khác, không hẳn là ở điểm nhiều độc-giả hơn, phần lớn là tại cha mua báo không dám cho con xem, em mua báo không dám cho anh biết, một nhà có khi mua đến ba bốn tờ, trong khi báo khác chỉ cần một tờ là đủ.

« Ngày báo bị đóng cửa, Đình làm một đám có xe đò đi đưa, có phường kèn thổi bài Marche Funèbre, do ông Louis Chửc đài-thọ. Đám đi diễu vài phố lớn rồi quay về đổ ngay cửa nhà hàng Đông-hưng-viên, các anh em đưa đám, dắt tay nhau lên lầu ăn bữa tiệc mừng, cười nói oang-oang.

oOo

« Trong những ngày đấu-tranh bằng văn-tự, ai cũng cảm thấy cái khoái đặc-thắng của một việc làm ngang-tàng độc-đáo, không ai kịp nghĩ đến hậu-quả của nó. Là tuy đã bày ra được những xấu-xa có thực của một đôi người, để cho họ tu-tĩnh lại và để nêu gương cho kẻ khác, song có biết đâu rằng, sau khi báo Duy-Tân chết ba-mươi năm, có người gặp tôi ở miền Nam, hãy còn trách-móc là đã làm đau lòng cho cả một gia-đình suốt bao nhiêu lâu. Tôi tìm trong trí nhớ mới hiểu căn-nguyên là do bài thơ của ông huyện Móm tả một sự-kiện trớ-trêu « tham vàng bỏ nghĩa, già chẳng chót đời », xảy ra ở miền trung-du Bắc-Việt vào khoảng năm 1915, mà về sau Tuấn đã đem kể lại bằng một thiên truyện ngắn, tất-nhiên là có gia thêm nhiều mắm muối cho tươi đậm.

« Cái khẩu-nghiệp do ông huyện Móm gây ra, đến Tuấn đem diễn-tả lại, sau này cả họ nạn-nhân lại, quy oán vào tôi, tôi áy-náy mãi, không phải vì mình bị ngờ oan, (tôi sẵn-sàng chịu lỗi chung của đồng đội), mà vì nhận thấy rằng một lời nói xấu, không phải chỉ xấu cho một người mà còn xấu lây cho cả thân quyến của họ, là những người chỉ có cái lỗi đứng trong gia-tộc kẻ

trót làm nên tội, ngấm ra sự đả-kích đã đi xa quá mục tiêu, đến cái mức bất-công ».

oOo

Sinh kè đến đây, dạng buồn-buồn hỏi Hòa :

— Bác hay nói đến chữ khâu-nghiệp, chắc có lẽ vì chữ ấy mà bác thường dè-dặt trong lời nói. Tôi cũng muốn bắt chước bác lắm, nhưng thú thật rằng tránh được khâu-nghiệp không phải là chuyện dễ.

Hòa đáp :

— Nhà nho có câu rằng : *duyên nhân chi ác, hà hoạn vô từ* (nêu cái xấu của người thì sợ gì không tìm ra lời). Cho nên tôi vẫn sợ cái sự ngồi buồn kể ruốc nhau ra. Và lại bới xấu người ta, rồi thế nào cũng bị trả đũa lại còn nặng hơn. *Hòn bấc ném đi hòn chì ném lại*, mà. Bác không nhớ chuyện Lý-Nguyên-Bá ư ? Lý-Nguyên-Bá ra khảo võ ở Giang-đô, không ai địch nổi, được mệnh danh là đệ-nhất anh-hùng, anh ta khoái trượng quá, tung đôi chùy lên định đánh cả trời, không ngờ chùy rơi ngay xuống đầu, quật cho nát xác. Cái bệnh chê trách mọi người, phần lớn do tính tự kiêu chung của chúng ta lúc còn thiếu niên. Rồi ra, *hơn một ngày, hay một chước*, dần dà đến khi năm tháng chất lên nặng chiu trên vai, ta mới thấy rằng trong đám người chật vật về đời sống đã mấy ai không có lúc *tấm lòng trinh-bạch... xin chừa !*

Nhưng dù sao, lúc còn ở tuổi thiếu niên, vẫn phải có cái hăng-hái của thiếu-niên, điều đó không đáng trách mà còn đáng khuyến khích nữa... Còn gì tẻ cho bằng khi già rồi mà không còn nhớ lại

được một kỷ niệm « ba-gai » nào của lúc thiếu thời !

eOo

Ngừng một lát. Hòa tiếp :

— Cái khâu nghiệp chúng ta vừa đề-cập đến là do lúc cao-hứng viết báo viết sách mà ra. Cái trò viết lách, coi vậy, là một sự ngu dại, vì bút tích để lại không bao giờ xóa được. Cho nên cô-nhân có câu « *khôn văn tế, dại văn bia* ». Chả là văn tế đọc xong thì đốt đi liền, hay dở không ai nhớ nữa mà khen chê, chứ văn bia thì ngàn năm sau hầy còn sờ sờ trên đá, không tránh được búa rìu của công luận. Tốt hơn hết là có làm văn thì cứ làm văn-tế, như làm báo hằng ngày, người ta xem xong vứt đi, chớ dại viết văn bia, văn bia được khắc cũng như văn in thành sách. Nói vậy mà thôi, chứ *trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng hầy còn tro - tro*, lời nói còn nguy hại hơn bút-tích nhiều, khâu-nghiệp do miệng lưỡi gây ra ghê-gớm hơn cái vạ do ngọn bút gắp mấy.

— Vâng, về phương-diện này, nhà tâm-lý đã chia ra ba loại khâu-nghiệp : loại ngoáo-ộp, loại gieo chia-rẽ, loại gieo ảo-vọng. Loại ngoáo-ộp, dùng lối bây giờ ta gọi là *chup mũ*. Ghét ai thì cứ bày đặt rằng người ấy tuy làm ra ngây-thơ thật-thà mà chính là thuộc thành-phần tối nguy hiểm cho xã-hội. Loại gieo chia rẽ thì tuyên-truyền những điều làm cho mất lòng tin-tưởng, mất sự trung-thành. Loại gieo ảo-vọng là mơ-ước điều gì thì kháo ra như điều ấy đã có thật. Mục-dịch của cả ba loại là đem lại sự yên-tâm cho chính người phao tin : « người này xấu, người kia nguy-hiểm », để tạo cho mình một an-ủi là « tuy vậy, mình cũng chưa đến nỗi xấu hay nguy-hiểm như ai ». Có khi là thỏa-mãn lòng tự-ái, « mình biết được

nhiều chuyện bí-mật, là mình thành-thạo hơn người». Dem loan truyền những tin giạt gân, có hai cái thú : được người ta chú ý và đồng thời hại danh-dự một người ở nấc thang trên mình trong xã-hội. Hạ thấp người khác, đĩnh ninh trong dạ rằng đó là cách nâng cao được mình ; nó hay đâu : ngậm máu phun người, miệng mình bần trước ! Nhiều người không dám nhìn-nhận lỗi mình, thường hay tìm lấy một lối thoát thuận-tiện. Nhắm mắt trước những cái hẹp-hòi của mình, những thất-vọng về tình cảm, những thành-kiến, những sự ích-kỷ, rồi đem những thói xấu của chính mình chiếu sang người khác, trông người khác qua cặp kính mà mình đã nhuộm sẵn màu đen.

Thật ra *lưỡi không xương nhiều đường lắt-léo*. Không cắt được lưỡi để trừ tiết hậu-hoạn, ít ra mỗi khi nghe nói về người nào việc nào, ta hãy hỏi bằng có cái đã. Không có bằng có thì *một mình mình biết một mình mình hay*, đừng tuyên truyền ra ngoài e rằng vô tình gánh lấy tội đồng-lõa. Thứ nữa, xét xem người đem tin có lợi gì hoặc có thành-kiến gì không trong việc loan truyền. Chúng ta rất nên hoài-nghi đối với những tin-tức phao đi vì một sự kiện hay một nhân vật đang làm sôi-nổi dư-luận. Tại sao không có can-đảm nhìn thẳng vào những tật xấu của chính mình trước đã ? *Tiên trách kỷ hậu trách nhân...*

— Phải đấy, bác-sĩ Allport đã nhận-xét : khi ta có đủ can-đảm nhìn bản-thân mình, ta sẽ vui lòng chấp nhận rằng mình có nhiều tật xấu cần phải sửa. lo là còn phải đi tìm người khác để đổ thừa cho người ta. Trong các cách gieo những tin «vịt», có một phương-pháp gây tai hại nhiều nhất là *ri*

tai. Phương-pháp *ri tai* (susurratio) đã được nâng cao lên hàng một môn học trong khoa thần-học. Người ta *ri tai* rằng ông kia đã bị thải hồi khi ông giữ kế-toán trong hãng nọ ; vì lý-do nào, có mà trời biết ! Ông này đi mấy chuyến Hương-cảng về giàu-sụ ; làm cách nào mà đi được dễ thế, có mà trời biết ! Ông nọ có cô thư-ký đẹp bỗng-nhiên xin thôi, vì sao, có mà trời biết ! Người con gái kia trông có vẻ lai lai, không giống bố mẹ chút nào ; tại sao ? Có mà trời biết ! Ông đó lương có mười mấy ngàn, mà vừa tối hôm qua thua bạc hàng chục vạn ; tiền đâu ra ? Có mà trời biết...

— Những lối *ri tai* như thế có khi chỉ là chuyện không căn-cứ, nhưng rất có thể làm hại cả một thanh-danh, ác-độc nhất là nạn-nhân nhiều khi không biết đề mà đề-phòng, Vả lại dù biết nữa cũng khó đề-phòng được. Bởi vì, thói thường những điều xấu-xa dơ-dáy gieo ra người ta dễ tin hơn là điều hay ho tốt đẹp. Sở dĩ thế là tại người ta sẵn-sàng chấp-nhận cái xấu, để làm một mốc so-sánh với chính bản thân họ : kẻ tự-kiêu không muốn ai hơn mình bao giờ.

— Vua Midas ngày xưa bị trời phạt phải mang hai cái tai dài như tai lừa. Ông ta giấu diếm chỗ tướng quái dị ấy không cho ai biết. Nhưng giấu sao được anh thợ ngói của mình. Anh này sửa râu tóc cho vua, nhìn thấy dị-tướng mà không dám nói ra ngoài sợ tội vào mình sẽ không cãi được, vì chỉ một mình mình biết cơ-sự lạ-lùng ấy thôi. Nhưng im làm sao được, vì *mép thợ ngói* mà ! Anh ta ra chỗ vắng đảo hố dưới đất, ghé miệng nói nhỏ : Vua Midas có tai lừa ! Rồi vun đất lấp đi.

Tưởng là thỏa mãn được tính bép-xếp của mình mà không ai biết. Hay đâu chỗ đất ấy sau này mọc lên một bụi lau, cứ gió thổi tới là phát ra tiếng « *Vua Midas tai lừa, vua Midas tai lừa!* » Lẽ tự nhiên là chẳng bao lâu khắp nước đều biết câu chuyện bí-ẩn giấu kín trong cung.

— Sự thật không giấu ai được. Chiêu-linh thái-hậu đời Lý sai hoạn-quan đem lễ đến lo-lót với Tô Hiến Thành để cho con mình tức-vị, tranh ngôi của thái-tử. Tô Hiến Thành từ khước. Hoạn-quan nói : « đêm hôm khuya-khoắt, việc tôi đến thăm ngài có ai biết đâu mà ngài sợ ? » Tô trả lời : « Sao lại không ai biết ? Trời biết, đất biết, quỷ-thần hai vai biết ». Câu đáp của Tô ta có thể cho là vu-khoát, nhưng lấy sự tích « Midas tai lừa » mà suy, có lẽ sự nhận xét của Tô không ngoa. Ấy đấy, chuyện thật mà giấu đến đâu cũng còn có người biết nữa là ! Còn những chuyện không mà nói có, lại đem rỉ tai hết kể này đến người khác, tất cũng được tin như có thật, nhất là những chuyện kể xấu cho người. Bà mẹ thầy Tăng Sâm ngồi dệt cửi. Có người đến bảo : Con bà giết người. Bà không tin. Người ta đến mách lần nữa, bà cũng vẫn không tin. Nhưng đến lần thứ ba, bà đành xếp khung cửi lại mà bỏ trốn, vì bà bắt-buộc phải tin là có thật, sau

mới hay kẻ sát nhân chính là Tăng Sâm, nhưng là người trùng tên họ với con bà.

— Vì thế tây-nho có người đã nói một lời khám-phá : Vu-cáo đi, cứ vu-cáo đi, thế nào rồi cũng còn một chút chi đó người ta tin là có thật ». Khác nào lời phong-dao của ta : « *Thế gian chẳng ít thì nhiều, không dung ai dễ đặt điều cho ai!* » dựa theo cái lý vững-chắc là không có lửa, sao có khói ! Không dễ ý rằng lời nói không theo luật vật-lý : nhiều khi có khói mà chẳng có chút lửa nào !

— Lịch-sử quả là một sự tái-diễn không ngừng. Ngay từ đời nhà Chu, nơi miếu Hậu-Tắc, đã có tượng người vàng, miệng gắn khóa lại, ở cổ khắc mấy lời thật đáng ghi nhớ : « *vạ ở miệng mà ra* ». Vậy mà nhớ thì có nhớ, nhưng tiếc rằng miệng đâu có tìm được chám đường gắn lại mà hòng « *bưng kín miệng bình* » ! Cho nên vạ miệng ta rất dễ tự gieo cho mình, lúc vô tình cũng như khi hữu-ý ; nghĩ thế, ta lại càng dè-dặt lời nói, nhất là những lúc trà dư tửu hậu, muốn nói đùa cho vui, muốn buông một lời rí-ròm, cũng nên phòng hờn bác ném đi, hờn chỉ có khi ném lại, làm cho ta hờu đầu !

PHÙNG TẮT ĐẮC

CHIA BUỒN

Được tin trẻ nhạc mẫu của bạn TRẦN-VĂN-DŨNG, Ty trưởng Thuế vụ Bình-Dương, vừa tạ thế ở Huế.

Đau đớn chia buồn cùng bạn Dũng.

Trần Hữu Thực — Nguyễn Duy Lộc — Lê Hữu Dinh — Văn khả Chiếu — Phan A.

TÌNH CA

Thơ CHU-VƯƠNG-MIÊN

— ta tìm thấy trong ta 4000 năm ruột thịt
hồng hà ơi giòng máu đổ về tim
sao đứng khóc bên thành cầu giới tuyến
anh em ta 30 triệu vẫn còn

— này một con sông đôi bờ tưởng niệm
ai xuôi nam ngược bắc về trung
bao khuôn mặt bạn bè bên này bên đó
còn nhớ nhau không máu chảy trong lòng

— Khi viên đạn không mọc thành cây lúa
đến bao giờ ngừng súng đứng nhìn nhau
giải núi quê hương nhuộm đầy máu đổ
đêm hỏa châu cháy rực sáng trên đầu

— ta tìm thấy trong ta 4000 năm kỷ niệm
hà-nội ơi một hà-nội uy hùng
dăm con nước vẫn xuôi về lưu vực
anh em ta tình xưa cũ còn không

— ta nhìn dân ta khắp miền châu thổ
sàigòn ngày dân tộc trưởng thành
sông cửu long phân ra làm chín ngã
chảy vào đồng bằng cho lúa menh mông

— ta tìm thấy trong ta 4000 tình tự
tổ tiên xưa theo chim lạc về nam
sông núi của ta 1000 năm vời vợi
sóng vỗ từng đêm sao vẫn cầm hồn

— ta tìm thấy trong ta 4000 năm vinh hiển
chim bay cao cùng ánh sáng mặt trời
nếu còn nhớ rằng bắc nam vốn cùng ruột thịt
thì về với nhau góp một nụ cười

Tâm sự một sinh viên du học

Thu thân mến,

Không biết lá thư này sẽ tới tay Thu trong góc rừng chân núi nào. Ý nghĩ : tôi được hạnh phúc an thân du học, trong lúc Thu và các bạn đồng trạc chúng ta đang phải ăn sương nằm đất để làm phận sự đối với Đất nước, ý nghĩ đó nhiều khi làm tôi không an tâm.

Bởi thế cho nên tôi mới dám thổ lộ những niềm tâm sự sau đây.

Chiều nay cũng như đầu mỗi năm học khác, ông Đại sứ đến thăm sinh viên Việt kiều ở đây. Đây là dịp độc nhất trong năm chúng tôi được nói chuyện với ông. Ông đã cho chúng tôi những lời khích lệ và nhắn nhủ rất tốt. Tiếc thay, mỗi liên lạc giữa ông và chúng tôi thường chỉ giới hạn vào một vài thông cáo hay chỉ thị về phía ông, và ít nhiều đơn từ về phía chúng tôi, như đơn xin gia hạn thông hành chẳng hạn. Thế thôi. Lắm khi tôi cảm thấy cần có sự hiện diện của một người đàn anh, vừa thân mật cởi mở, vừa có uy tín và kinh nghiệm. Không phải là trong giới sinh viên chúng tôi không có người đứng đắn, có thể gây ảnh hưởng tốt trong anh em sinh viên. Nhưng dù sao thì họ cũng chỉ là sinh viên như ai. Cho nên các yếu tố xấu dễ làm hư bầu không khí giữa chúng tôi và làm lung lạc nhiều phần tử chân ướt chân ráo mới qua.

Nói đúng ra, trước khi tới đây, nhiều phần tử đã « hư hỏng » rồi. Tình trạng đó, ở thời nào cũng có. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng trong mấy năm gần đây, nhiều người tới ngoại quốc với một tinh thần và tâm lý mang nặng những dấu vết tiêu cực của chiến tranh. Có lẽ vì bị lạc hướng, vì không tìm thấy lý tưởng nào ngoài lý tưởng hưởng thụ giây phút hiện tại, nên khi tới đây họ dễ sinh ra chơi bời, lêu lổng. Hơn nữa, ở bên này người sinh viên lại sống xa sự kèm tỏa của gia đình, xã hội và được tự do tiêu xài theo ý muốn. Nếu không biết toan tính và suy nghĩ, thì dễ « ném tiền qua cửa sổ » như chơi ! Ở đây, có vài ba người, mới ghi tên học năm thứ nhất mà đã mua xe hơi đi chơi chỗ này chỗ nọ và tán tỉnh các cô, đến nỗi không còn đồng xu trả tiền nhà cho chủ, bị người ta kêu tới cảnh sát...

Một số sinh viên Việt-Nam cho tôi cảm tưởng rằng họ muốn phản kháng một cái gì. Ở Âu-châu, loại thanh niên phản kháng không thiếu. Nhưng phản kháng một xã hội sung túc, tự mạn, là một điều dễ hiểu và có phần đáng khen,

bởi vị với mái tóc dài lơ lửng, với tác phong xác xược khiêu khích..., người thanh niên Âu-châu (nói chung) muốn tìm một chỗ đứng trong xã hội, một chỗ đứng không chỉ lấy sự thành công vật chất làm tiêu chuẩn. Nhưng một thanh niên Việt Nam du học, còn biết bao nhiêu nỗi lo âu, còn biết bao nhiêu sứ mệnh ngày mai phải đảm đương, (lại được tiếng là hiền lành, tế nhị), thế mà cũng để tóc dài, cũng cộc cằn, sống sượng như ai, thì thật là đáng buồn! Văn minh vật chất của Âu-Mỹ hiện nay rất dễ gây ảnh hưởng tai hại, nếu người sinh viên đến đây không có một căn bản tinh thần và dân tộc khá vững chãi. Không phải nền văn minh ấy chỉ có những giá trị vật chất, nhưng những giá trị này vẫn hiền nhiên và dễ lôi cuốn hơn những giá trị tinh thần. Muốn khám phá tinh thần, phải bền chí lắm và cần được hướng dẫn.

Nói ra thêm buồn, nhưng đây là sự thật: ở đây, sinh viên ngoại quốc (kể cả sinh viên ngoại quốc các nước Á châu) không những đã mất thiện cảm với chúng tôi, mà đôi khi còn tỏ thái độ khinh dể nữa là khác! Con sâu làm rầu nồi canh, Thu còn lạ gì. Nhưng trong trường hợp này, nồi canh có hơn một con sâu! Đến như Ban Thư-ký của Đại-học cũng làm khó dễ với chúng tôi, không ưu đãi như trước. «Chậm tiến về mọi mặt»: đó là lời bình phẩm nghe đã nhảm tai.

Tôi nghĩ: chúng tôi cần một ý-thức-hệ để sống. Theo Karl Marx ý-thức-hệ là một lâu tư tưởng vốn xây dựng trên nền móng kinh tế, nhưng đã quên mất thực tế, đã trở thành một thực tại tự lập, với mục đích bênh vực quyền lợi giai cấp thống trị. Tôn giáo, lý thuyết chính trị... theo Marx, đều là những ý-thức-hệ. Tôi hiểu ý-thức-hệ theo một nghĩa khác. Tôi muốn nói: chúng tôi cần một quan niệm rõ rệt về con người, về xã hội, về cuộc đời có sức chỉ-đạo hành động của mình. Làm sao dẫn thân được khi mọi giá trị đều bị lung lay? Một ý-thức-hệ tiêu cực (chỉ nhằm chống lại, hay đả phá một cái gì) không đủ để chi phối hành động xây dựng. Ở học đường, người ta dạy chúng tôi biết hy sinh vì công ích, biết tôn trọng sự thật, tôn trọng con người...: nhưng hãy cho chúng tôi biết những lời khuyên đó đặt trên nền móng nào! Trước kia, tư tưởng Khổng-Mạnh đóng vai chỉ-đạo trên phương diện xã-hội chính-trị. Nhưng ngày nay...? Dưới ảnh hưởng gián tiếp hay trực tiếp của Ki-tô-giáo các ý-thức-hệ ở Âu-châu thường lấy Con Người làm nền tảng tuyệt đối. Có lẽ, sở dĩ đôi khi những điều chúng tôi học được bên này không hấp dẫn và hữu hiệu, một phần là tại chúng tôi thiếu một sự xác tín về giá trị con người.

Có thể tạm phân loại các khuynh hướng «tinh thần» của giới sinh viên (mà tôi quen biết) ra như sau.

Hạng thứ nhất chỉ chăm lo học hành thi đậu, không bận tâm về ý-thức-hệ (theo nghĩa tôi nói trên). Cốt yếu là học thành tài để bảo đảm nghề nghiệp, địa vị mai sau. (Có người học xong, nhưng còn chờ thời. Phải chăng đó là một triệu chứng không tốt?) Hạng thứ hai là hạng vô tư, nếu không phải là chơi

bời lêu lổng như tôi kể trên. Và cuối cùng có một số người đã chọn một hướng đi rõ rệt, hoặc đang tìm kiếm.

Năm nay ở đại-học này, tỷ-số sinh-viên Việt-nam thi đậu rất ít. Lỗi không phải tại sinh viên mà thôi. Tôi tạm kể vài nguyên nhân « khách quan »: kém ngoại ngữ, thiếu phương pháp làm việc ở cấp bậc đại học, thay đổi nếp sống một cách quá đột ngột; theo học một ngành chuyên môn một cách ép uổng, (Nghe đâu, theo một ký-giả ngoại-quốc, năm 1964 có 90 phần trăm sinh-viên Việt-Nam theo học một ngành chuyên môn, vì lý do kinh tế hay lý do thể lệ tuyển chọn của Chính-phủ, mặc dù mình không thích môn ấy). Thu thấy không, chỉ trên địa hạt học hành thuần túy, mà còn nhiều khó khăn như thế, nói gì tới chuyện « ý-thức-hệ » hay chuyện mở rộng kiến-thức ngoài phạm vi đại-học? Nhưng vấn đề là người ta đã tìm một cách giải đáp khó khăn một cách thỏa mãn chưa? Nói đến chuyện khó khăn, hình như các cô thành công dễ hơn các cậu trong việc học hành, nhưng lại gặp nhiều khó khăn hơn về các mặt khác. Thiếu nữ Việt-Nam hầu hết đều hấp thụ một nền giáo-dục gia-đình khép kín. Khi qua đây, ngoại trừ một số rất ít sống tự do như chim sỏ lổng, còn đa số đều thiếu cởi mở, ít tiếp xúc và sợ dư-luận. Đời sống tình cảm, vì thế, dễ bị mất quân bình.

Trước khi ngừng bút, tôi xin Thu một chút kiên nhẫn nữa. Không rõ ở các đại-học khác thì sao, chứ ở đây đại đa số sinh viên đều xuất thân từ giới trung lưu và xuất ngoại với những phương tiện tài chánh riêng của gia đình. Có phải là tại chúng tôi thông minh hơn các bạn đồng trạc trong giới nông dân và thợ thuyền không? Chắc chắn là không. Chúng tôi được xuất ngoại, thường thường chỉ vì chúng tôi may mắn hơn các bạn đó thôi. May mắn sinh ra trong một gia đình khá giả; may mắn được theo học điều hòa từ nhỏ đến lớn, nên cũng may mắn thi đậu và thi đậu khi còn nhỏ tuổi; may mắn được biết rõ hơn về cách thức đơn từ xuất ngoại... Nhưng xét cho cùng, những may mắn ấy không đáng làm cho chúng tôi hãnh diện. Bởi tôi nghĩ rằng: một xã hội công bình là xã hội tạo đủ điều kiện cho bất cứ ai cũng được hưởng đồng đều những may mắn như ai. Tôi sợ rằng nay mai « thành tài », tôi sẽ không thoát khỏi chước cám dỗ sống xa nhân dân, và chỉ nhằm bảo vệ quyền ưu tiên của giai cấp mình mà thôi, để cho con vua thì lại làm vua v.v. !

Cách đây ít lâu, chúng tôi mời một ký giả đã sống ở Việt Nam đến nói chuyện về giới trí thức bên nhà. Theo ông, ở Âu châu, từ chân thang đến đỉnh thang xã hội có một đà diễn tiến đều đặn, không có chỗ trống. Còn ở xã hội Việt Nam, giữ gia cấp lãnh đạo và quần chúng, có một hố sâu quá lớn. Ông cho rằng tình trạng đó một phần phát xuất từ quan niệm của người mình về nghề nghiệp và học thức. Diễn giả kết luận: « Vấn đề hệ trọng là đào tạo một lớp người lãnh đạo, không học cao lắm, nhưng có tinh thần phục vụ cao. Muốn thế, chắc phải đào tạo ngay từ cấp tiểu và trung học. »

Thu thân mến, Lá thư của tôi lần này cố ý phiến diện, thiên lệch. Phiến diện vì chỉ nhìn khía cạnh của thực tại. Phiến diện vì chỉ nhận định tình trạng sinh viên du học từ một khung cảnh nhất định nào đó. Bởi thế, xin Thu đừng vội tưởng trường hợp nói đây là tiêu biểu. Nhưng nếu Thu biết ở chân trời Âu châu nào đó có một sự thể như thế và phỏng đoán tại sao tôi đã cố ý thiên lệch, thì tôi đã đạt được điều tôi mong muốn.

Mến chào Thu
PHẠM THÁI

Thời-sự thế-giới

● TỪ-TRÌ

Trong những tuần vừa qua tình-hình thế giới tiến triển một cách trầm lặng hơn. Sau những tin giạt gân như quyết định ngưng oanh-tạc Bắc-Việt hay là những sự rắc rối ngoại giao giữa Nam-Việt-Nam và Hoa-kỳ. cuộc khủng hoảng tiền tệ, người ta thấy các sự kiện mới xảy ra chỉ là hậu quả hay là sự nối dài của những biến-chuyển có từ trước.

Sau một tháng trời thương-thuyết, hai chính phủ Saigon và Hoa-Thịnh-Đốn đã đi tới thỏa-thuận một công-thức hòa-đàm nào đó để VNCH có thể tham dự hòa-hội Ba-lê. Tại Âu-châu sau một thời gian cực kỳ căng thẳng do cuộc khủng hoảng tiền tệ gây ra người ta thấy cán cân lực lượng hầu như thay đã đổi. Với cuộc khủng hoảng này, một Quốc gia Đức hùng mạnh đột ngột xuất hiện.

Tại Phi-châu làn sóng đảo-chính quân sự lại tràn tới Mali lật đổ Tổng-thống khuyh tả Modibo Keita.

Á-châu : Những khó khăn của hòa bình ở Việt-Nam.

Sau 2 tuyên cáo của V.N.C.H và Hoa-kỳ được công bố cuối tháng 11-68 thì hơn một tuần sau V.N.C.H. đã gửi một phái đoàn sang Ba-lê dưới quyền hướng dẫn của Phó Tổng thống Nguyễn-cao-Kỳ. một nhân vật mà dư-luận Tây phương vẫn cho là « điều hâu ». Nhưng luận điệu ôn hòa và trầm tĩnh của ông Kỳ, khi đặt chân tới đất Pháp đã làm dư luận quốc tế đặc biệt chú ý. Tuy nhiên tới lúc này

người ta vẫn chưa hiểu bao giờ hòa hội mới chính thức nhóm họp. Người ta chưa tìm ra được một phương-thức nào khả dĩ có thể được mọi phe liên-hệ tới cuộc chiến Việt Nam thuận vào bản Hội-nghị. Nam-Việt đòi ngồi bàn chữ nhật một bên cho đồng minh Việt-Mỹ và một bên cho Bắc-Việt và MTGPMN. Trái lại phe cộng-sản đòi ngồi bàn vuông để tỏ ra có 4 phái-đoàn. Người ta đang nghĩ tới một biện-pháp dung hòa là bàn bồ dục khiến mỗi phe đều có quyền hiểu một cách riêng là hội-nghị có 2 hay 4 phái đoàn tùy ý mỗi người. Như vậy tương-lai hòa-bình của Việt-Nam còn đang tùy thuộc nhiều ở hình dáng chiếc bàn hội-nghị.

Một điều khiến các quan-sát-viên tự hỏi là khi Nam-Việt bằng lòng cử phái đoàn rầm rộ tới Ba-lê tức là Nam-Việt đã phải được Hoa-kỳ và Bắc-Việt thỏa mãn nhiều hay ít những nguyện vọng của mình. Như vậy tại sao công-thức người họp, bàn giải, bàn vuông lại phải đợi đến giờ này mới được bàn tới để khiến bao nhà ngoại-giao phải ăn chực nằm chờ tại Balê ? Có lẽ giữa Saigon và Hoa-thịnh-đốn người ta đã đi tới nhiều thỏa thuận hơn là giữa các ông Harri-mann và Phạm-đăng-Lâm. Như vậy phải chăng những cuộc hội-đàm thương-thuyết mật ở các thủ-đô Paris, Saigon, Hoa - thịnh - đốn đã thiếu sự phối-hợp chặt chẽ ?

Nhưng dù sao đi nữa từ nay tới khi ông Johnson rời Tòa Bạch Cung ra đi,

người ta cũng tin rằng hội-nghị sẽ được chính thức nhóm họp và có thể người ta còn đi xa hơn nữa, là tới một thỏa-hiệp ngưng-chiến. Và hội-nghị sẽ tiếp tục với ông Nixon về vấn-đề chính trị. Sở dĩ người ta nghĩ như vậy vì tin rằng trước khi ra đi ông Johnson sẽ cố tung ra một « chương » ngoại giao mới lạ đề cuộc ra đi của ông bớt vẻ ngậm ngùi là chưa hoàn tất công trình như đã mong muốn. Vì vậy mà ông Johnson đang tính chuyện gặp các nhà lãnh đạo Nga xô tại một hội nghị thượng-đỉnh để bàn về hòa-bình thế-giới. Đối với một vị Tổng-thống mãn nhiệm, mà theo tiếng lóng chính trị Mỹ người ta gọi là « con vịt què » (Lame Duck), thì những sáng-kiến của ông Johnson hoàn toàn có tính cách bất thường. Tuy bất thường nhưng những sáng-kiến này tỏ cho mọi người biết rằng ông Johnson vẫn kiên quyết thực hiện cho kỳ được một bước dài trên con đường đi tới hòa bình.

Âu châu : một Quốc-gia Đức hưng-thịnh tái xuất hiện

Cuộc khủng-hoảng tiền-tệ Pháp vừa qua đã làm nổi bật sự mong manh của hệ-thống tiền-tệ các quốc-gia tư-bản. Trong khi chờ đợi cải-tổ hệ-thống hiện hữu của Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế, Tướng De Gaulle đã đưa ra một chương-trình khắc khổ nhằm tái lập quân bình cho cán cân chi phó. Chương trình của ông gồm có những biện-pháp rút bớt chi tiêu, hạn chế nhập cảng, tăng gia xuất cảng. Đường lối của Tướng De Gaulle được coi là hợp - lý cả về phương-diện lý - thuyết kinh - tế lẫn phương diện chính trị. Tuy nhiên về phương-diện xã hội ông đang gặp nhiều khó khăn. Hơn 200.000 công nhân

hãng chế-tạo xe hơi quốc doanh Renault đình công phản đối chính phủ vì họ cho rằng chính phủ đã nuốt lời hứa đối với họ vào tháng 6 vừa qua. Tướng De Gaulle liệu có vượt nổi khó khăn này không ? Nếu nhượng bộ thợ thuyền thì chính sách khắc khổ của ông sẽ không thể thực hiện được. Nếu không nhượng bộ họ, một cuộc khủng hoảng xã hội trầm trọng như hồi tháng 5, 6 vừa qua sẽ có cơ bùng nổ.

Về phương-diện quốc-tế, cuộc khủng hoảng tiền tệ Âu-châu đã khiến người ta chú ý tới thái độ của Tây-Đức. Từ năm 1945, khi bị thất trận, Tây Đức yên phận chịu cảnh ngọ của kẻ chiến bại dưới quyền kiểm soát của các quốc-gia đồng minh Anh, Pháp, Mỹ. Trong khi đó, Tây-Đức dồn mọi khả năng vào công cuộc tái thiết kinh-tế, do đó nước này càng ngày càng trù phú khiến cho cán cân chi phó luôn luôn thặng dư.

Khi cuộc khủng hoảng đồng Phậtlăng bùng nổ, các nhà tài-chánh muốn rằng Đức tăng giá đồng Mark để góp phần vào công cuộc tái-lập quân bình thế-giới. Đức đã mạnh bạo từ chối. Bác bỏ lời đề nghị của kẻ chiến thắng là tỏ cho người ta rõ Đức đã bắt đầu tin ở sức mạnh của mình. Tổng-trưởng Kinh tế Đức còn ngang nhiên đả kích bá-quyền kinh-tế Mỹ bằng cách tuyên bố với ông Fowler, Bộ-trưởng Tài-chánh Mỹ, rằng chính đồng Mỹ-kim mới cần phải phá giá.

Thái độ độc-lập của Tây-Đức đã biểu lộ sự thay đổi của cán cân lực lượng Âu-châu. Sau khi Anh bị suy yếu với sự phá giá của đồng Anh-kim, sau khi Pháp bị suy yếu

vì những khó khăn tiền-tệ hiện-tại, một quốc-gia Đức vững mạnh đã xuất hiện trên trường quốc-tế.

Giờ đây người ta không còn có thể coi Đức như một đàn em như trước nữa. Nhưng dù sao Đức cũng không dám đi quá xa trên con đường độc lập vì tuy có một lực lượng kinh-tế hùng-hậu, Đức vẫn chưa có một lực-lượng quân sự tương đương. Ngược lại với Anh, Pháp và Mỹ, Đức không có và không có quyền có vũ-khí nguyên-tử. Vì vậy việc bảo-đảm an-ninh của Đức còn phải tùy thuộc vào ba quốc gia Anh Pháp, Mỹ.

Hơn nữa từ khi Nga xâm lăng Tiệp-khắc, Tây-Đức cảm thấy lãnh-thò mình bị đe dọa trầm trọng hơn bao giờ hết. Gần đây tại một hội-nghị các quốc-gia hội-viên Minh-ước Varsovie nhóm họp tại Bucarest, thủ-đô Lỗ-ma-ni, Nga đã yêu cầu nhà đương cuộc Lỗ cho phép các quốc-gia của Minh-ước được quyền đem quân tới thao diễn trên lãnh-thò Lỗ. Nga có ý định xâm lăng Lỗ để thanh toán chính-sách độc-lập của Lỗ hay không, người ta chưa được rõ. Tuy nhiên các nhà hữu trách Tây-Đức cho rằng đây là một mối đe dọa thêm cho họ. Vì vậy dù có mạnh về kinh-tế, Đức cũng chưa dám có một thái độ cứng rắn hẳn với Mỹ. Tờ báo Đức Die Zeit cho rằng hiện thời « chính-phủ Đức hãy còn yếu hơn đồng Mark ».

Phi châu : Đảo chính quân sự vẫn tiếp diễn

Các quốc gia Hắc-Phi vừa vẫn hồi

được nền độc lập quốc gia từ năm 1960 trở đi đang trải qua những cuộc khủng hoảng trưởng-thành (crise de croissance). Thật vậy, ngoài những tranh chấp nội bộ giữa các bộ-lạc, các sắc-tộc, họ còn đang bị làm mồi cho những cuộc đảo-chính quân sự giãy chuyễn.

Trong 6 năm trời người ta đã đếm được tới 17 cuộc đảo-chính quân sự. Cuộc đảo-chính mới nhất đã xảy ra tại Mali. Tổng-thống Mali là ông Modibo Keita đã bị quân đội lật đổ và bắt giữ.

Cuộc đảo-chính tại Mali đã khiến cho các nhà quan sát sửng sốt vì Mali là một quốc gia vững chắc nhất của Phi-châu. Ông Keita từ trước tới nay đã có một đường lối thân cộng. Ông đã được giải-thưởng Hoà-bình Lénine. Ông đã mở rộng cửa đón nhận các chuyên-viên Trung-cộng và đề mặc họ trưng những biểu-ngữ như « Toàn dân trên thế-giới nồng nhiệt yêu Mao chủ-tịch »... Ông còn dùng phương pháp cộng-sản để phát-triển kinh-tế. Nhưng vì thất bại kinh-tế ông Keita đã bị nhiều người oán thán. Quân đội do Trung-úy Moussa Traore, 32 tuổi, hướng dẫn đã cướp chính quyền. Với Trung-úy Traore trong chức vụ Chủ-tịch Ủy-ban Quân-nhân Giải-phóng, tương đương với chức vụ Quốc trưởng, Quốc-gia Mali đã có một đường lối thân Tây-phương hơn. Và lại thêm một quốc-gia Phi-châu nữa loại bỏ ảnh-hưởng của Trung-cộng.

SINH-HOẠT

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Lên Trăng

Chỉ còn nửa tháng nữa ba phi hành gia, ba con người đầu tiên trong lịch sử nhân loại sẽ bay quanh mặt trăng nhiều lần để kỷ niệm ngày Chúa giáng sinh trên mặt đất. Nhân dịp này chúng ta hãy ôn lại các chặng đường của cuộc hành trình vào không gian. Khi những trái bom bay V-1, V-2 đầu tiên của Đức quốc-xã xé bầu trời đem chết chóc đến cho hàng triệu người ở Luân đôn, nhân loại không ai ngờ một kỷ-nguyên mới lại được mở đầu trong kinh-hoàng như thế.

Những hỏa tiễn khổng lồ, khổng lồ về mặt kích thước cũng như về mặt sức mạnh, những hỏa-tiến đã từng đem vinh quang đến cho quốc gia sử dụng nó, những hỏa tiễn ấy cũng chỉ là con cháu của ông tổ V-2 trước kia.

Cuộc chiến bại của Đức quốc-xã năm 1945 đẩy V-1, V-2 vào bóng tối. Nhân loại thôi không nhắc đến nó nữa. Có lẽ nó chỉ còn trong tâm khảm người dân thành Luân-đôn mà thôi.

Cho mãi đến mười hai năm sau, tức năm 1957, khi người Nga phóng thành công vệ-tinh Sputnik, vệ tinh đầu tiên của nhân loại vào quỹ đạo, đám con cháu của V-2 ngày trước mới có dịp làm ngạc nhiên mọi người. Ngày lịch sử đó là ngày 4 tháng 10, dân tộc Nga đã chọn được một món quà vô giá để kỷ niệm cuộc Cách-mạng tháng Mười :

Sự thành công của người Nga làm cho thế giới khâm phục và cũng là động lực chính thúc đẩy Hoa-kỳ bước chân vào cuộc thách thức mới mẻ này.

Những ngày đầu tiên của cuộc đua là những ngày vinh quang của Nga : sau Sputnik 1, chó Laika, sinh vật đầu tiên trên quỹ đạo, đến Yuri Gagarin, con người đầu tiên bước chân vào không gian vào năm 1961, rồi lại đến Valentina Tereshkova, người đàn bà đầu tiên lên không gian vào năm 1963. Trong lúc đó Mỹ cố gắng không ngừng : từ chuyến thành công với hai chú khỉ Able và Baker, cho đến chuyến bay đầu tiên có người lái do John Glenn điều khiển năm 1962, Mỹ dần dà đuổi kịp Nga. Sau dự án Mercury đến dự án Gemini, cho tới dự án Apollo, Mỹ tiến những bước thật vững chắc : Đến nay họ dẫn đầu về số giờ bay và số phi-thuyền đã phóng lên quỹ đạo. Họ cũng tạo được hai kỷ-lục mới : Cuộc ráp nối đầu tiên trong không gian giữa Gemini 6, Gemini 7 và sự đáp xuống mặt trăng nhẹ nhàng của

Surveyor, giúp chuyển về trái đất những hình ảnh xác thực nhất về bề mặt nguyệt cầu. Chính Surveyor đã trước tiên khuấy động mặt nguyệt cầu bằng cách bới đất lên để phân tích và chuyển các dữ-kiện về trái đất.

Và bây giờ là chặng đường cuối cùng giữa Apollo và Zond. Với Zond 5, Nga đã tạo thành tích ngoạn mục khi cho phi thuyền bay vòng quanh mặt trăng rồi trở về trái đất. Tuy nhiên, có một khuyết điểm ở chuyến bay này là phi thuyền đã về bầu khí quyển của trái đất dưới một góc gần như thẳng đứng. Nếu chuyến bay có chở theo phi-hành-gia, chắc chắn họ đã bị chết cháy vì sức nóng do sự ma-xát của phi thuyền với không khí và do sự thay đổi tốc độ phi thuyền quá đột ngột. Trong chương trình Apollo, Mỹ không dự trù một chuyến bay như vậy. Từ Apollo 7, Mỹ sẽ bước thẳng qua Apollo 8, phi thuyền có người lái chở một lượt 3 phi-hành-gia bay quanh mặt trăng nhiều vòng trước khi trở về trái đất. Như thế Apollo 8 hiển nhiên là một chuyến bay đầy mạo hiểm.

Chuyến bay mạo hiểm ấy được dự trù bắt đầu vào ngày 21 tháng 12 năm nay để làm món quà mừng lễ Giáng-sinh cho toàn dân Mỹ. Ba phi-hành-gia được chỉ định là Frank Borman, William Anders và James Lovell mỗi ngày phải mất 16 tiếng đồng hồ vào các công cuộc tập dượt. Mọi phản ứng của họ gần như trở thành tự động. Những chuẩn bị chu đáo như thế đem đến cho kẻ có trách nhiệm một sự tin tưởng lớn lao. Giám đốc cơ-quan NASA là Thomas Paine cho rằng « sự rủi ro của chuyến bay nhiều lắm cũng chỉ như những rủi ro xảy đến cho phi công trong các chuyến bay trắc-nghiệm thông thường ».

Apollo 8 sẽ ở trong không gian một thời gian là 6 ngày 3 giờ 52 phút. Từ giàn phóng số 39 A hỏa tiễn Saturn 5 mạnh nhất thế giới sẽ đưa phi thuyền lên quỹ đạo. Ba tầng đầu tiên của hỏa tiễn sẽ được dùng vào công việc này, sau đó nó sẽ tự động tách rời khỏi phần còn lại của phi thuyền. Trong suốt hai vòng trong quỹ đạo trái đất, 3 phi-hành-gia sẽ thử lại mọi máy móc trên phi thuyền. Nếu mọi việc đều trôi chảy thì trong vòng bay thứ hai, phần còn lại của tầng thứ 3, tức S-4B sẽ được tái khai hỏa, tăng tốc-độ của phi-thuyền giúp nó thoát khỏi quỹ-đạo địa-cầu và đưa nó thẳng tới nguyệt cầu.

Trong cuộc hành trình này, phi-hành-gia phải cho phi thuyền tách rời khỏi tầng hỏa-tiến S-4B và ráp phi thuyền với bộ phận đồ bộ (LM: Lunar Module) được gắn liền ở đầu tầng hỏa tiễn. Kỹ thuật này rất quan-trọng cho chuyến đồ bộ thật sự của LM trong chuyến bay Apollo 10. Lúc đó, LM do hai phi-hành-gia điều khiển sẽ tách rời khỏi phi-thuyền mẹ đang bay trên quỹ-đạo nguyệt-cầu để đáp xuống mặt trăng, rồi sau đó phải bay lên ráp lại với phi-thuyền mẹ để cùng trở về địa cầu. Sau khi tách rời khỏi Apollo 8, tầng S-4B sẽ dùng lần chót chút nguyên liệu cuối cùng để

tự đẩy mình vào quỹ đạo mặt trời. Apollo 8 chở 3 con người trong chuyến du hành thăm thăm tới nguyệt cầu !

Khi phi thuyền chỉ còn cách mặt trăng chừng 30.000 dặm thì tốc độ của nó rất chậm. Và cũng chính vào lúc đó, trọng-lực của nguyệt-cầu bắt đầu tác dụng vào phi thuyền kéo nó về phía mình với một tốc độ tăng dần. Sức hút của nguyệt cầu và chuyển động riêng của phi-thuyền sẽ làm cho Apollo 8 bay quanh mặt trăng và phóng trả nó trở về địa-cầu như trường hợp của Zond 5 đã xảy ra trước đó. Apollo 8 sẽ vượt hơn Zond 5 khi nó khai hoả hệ-thống S.P.S. (Service Propulsion System) để hãm bớt tốc-độ phi-thuyền đưa nó vào quỹ-đạo hình bầu dục 70-196 dặm của nguyệt-cầu. Sau hai vòng bay, Apollo 8 sẽ tự điều chỉnh một lần nữa để vào quỹ đạo tròn 70 dặm cách mặt nguyệt-cầu. Và cứ hai giờ một lần, Apollo 8 bay quanh mặt trăng để các phi-hành-gia có đủ dịp thu hình và hoàn tất các thí-nghiệm mới mẻ cần thiết cho các chuyến bay sau. Trong mỗi vòng bay đó, phi-thuyền sẽ mất liên lạc hoàn toàn trong 45 phút với trái đất khi nó bay qua phía sau mặt trăng. Đó có lẽ là những giây phút vắng lặng và căng thẳng nhất cho phi-hành-gia.

Ngay trong vòng quỹ đạo đầu tiên, nếu hệ thống S.P.S khai hoả trong một thời gian ngắn hơn dự liệu (sai biệt từ 136 tới 166 giây đồng hồ) thì Apollo 8 sẽ rơi vào một quỹ đạo không bền vững và chẳng chóng thì chầy cũng bị trọng lực nguyệt cầu hút rơi xuống. Ngoài ra, nếu trong vòng bay cuối cùng, vòng thứ mười, hệ-thống S.P.S bị hư thì phi-thuyền sẽ mãi mãi bay trong quỹ-đạo nguyệt-cầu. Sự khó khăn theo đuổi mãi cho tới tận lúc trở về trái đất. Phi thuyền phải vào bầu khí quyển dưới một góc vừa phải, giới hạn giữa $5^{\circ}4$ và $7^{\circ}4$. Nếu góc quá nhỏ, phi thuyền sẽ bị bốc cháy vì ma-xát. Trái lại, nếu góc quá lớn phi thuyền sẽ trượt ra ngoài như miếng sành trượt trên mặt nước.

Sự thắng thế của Mỹ trong những chuyến bay về sau này một phần nhờ vào loại hoả tiễn Saturn Loại hoả tiễn này mạnh gấp hai lần rưỡi loại hoả tiễn Proton của Nga và cũng do chính tay W. Von Braun, cha đẻ của V-2 ngày nào, phác họa nên. Theo dự đoán của các nhà bác học Mỹ thì nếu Nga vẫn cứ dùng loại Proton làm hoả-tiên thôi tống, thì Nga không hy vọng gì có thể qua mặt được họ.

Cuộc chạy đua này tất nhiên đã làm cho cả Nga và Mỹ tốn rất nhiều tiền bạc và ngay cả đến nhân mạng nữa. Trong khi ấy, về phương-diện xã hội, chưa chắc nó thực sự đem lại lợi ích cho loài người. Một tháng trước ngày khởi hành của Apollo 8, Bernard Lovell, một nhà thiên-văn nổi tiếng của Anh quốc bình phẩm : « Xét theo tiêu-chuẩn khoa-học, dự-án này quả là phí phạm và ngu xuẩn. Chúng ta đã đạt tới mục tiêu với những cuộc đồ bộ tự động và chẳng cần phải hy sinh thêm nhân mạng để thu thập các dữ-kiện về mặt trăng ».

Dù sao, đó chỉ là lời nói của người ngoại cuộc.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Xã hội phân tâm học

Tại sao thế-hệ thanh niên ngày nay nổi lên chống đối xã hội, nổi loạn? Không phải H. Marcuse, không phải Cohn-Bendit v.v... đã đem lại một giải đáp thỏa mãn. Nói rằng tại xã hội kỹ nghệ ư? — Thế thì ở Nam Mỹ, ở Phi châu, không có kỹ nghệ, tại sao cũng nổi loạn? Nói rằng tại chế độ chính trị, tại tổ chức học đường không thích hợp ư? Thế thì tất cả mọi chế độ, mọi tổ chức ở bên này cũng như bên kia bức màn sắt đều không thích hợp cả sao?

Theo Jean François Revel, lời giải đáp thích hợp nhất là của một ông đốc-tờ: bác sĩ Gérard Mendel. Giải đáp theo học thuyết Freud. Trong một tác phẩm dày 440 trang cuốn *La révolte contre le père*, ông đốc-tờ này đặt ra một khoa xã-hội phân-tâm-học (sociopsychanalyse) để xét căn bệnh xã hội.

Đó là một tác phẩm quan trọng trong năm.

Đôi chim liền cánh

Có cô gái, trước đây hai năm, trao đến nhà xuất bản một bản thảo, nội dung là ca tụng bàn tay. Đó là bàn tay đàn ông, đã có công phát minh ra da thịt, thân xác của tác giả. Ca tụng hết sức nồng nàn, đến nỗi nhà xuất bản yêu cầu tác giả kéo dài thêm, mở rộng thêm phạm vi đề-tài chút nữa. Tác giả bèn mở rộng và thành ra một tác-phẩm ca tụng ái tình nhan đề là: *L'amant*. Sau khi trao lại bản thảo cho nhà xuất-bản thì tác giả, cô Mireille Sorgue, mới 22 tuổi, lại thọ nạn qua đời một cách bất ngờ.

Người tình của cô ta (kẻ có bàn tay

được ca tụng?) bèn giận lão trời già, phóng tay viết một tác phẩm khác: *L'amante*. *L'amante* của François Solesmes cũng được xuất bản cùng một lượt với cuốn trên. Chưa bao giờ trên văn-đàn có những tác phẩm đẹp đôi như thế.

Người lớn viết cho trẻ con

Les chefs d'oeuvres de notre enfance do nhà Planète xuất bản, là một cuốn sách gom góp các truyện trẻ con, do những cây bút như: Tolstoi, Kipling, Cocteau, Prévert, Schopenhauer, Gorki, Prévert, Supervielle.v.v..

Lấy thí dụ một câu chuyện của Schopenhauer:

Một hôm trời lạnh, bọn nhím đứng xúm xít lại cho ấm. Nhưng hễ đứng sát quá thì lông con này lại đâm vào con kia, đau chịu không nổi. Đứng xa ra thì lại lạnh. Lũ nhím cứ xê ra xích vào một hồi lâu, rốt cuộc tạm bằng lòng với một khoảng cách nào đó. Khoảng cách thích hợp ấy bèn được đặt tên là: lịch sự.

Giới văn nghệ Nam-Tur

Có lẽ không có ở quốc-gia nào giới văn nghệ nhất loạt phản ứng chống Nga bênh Tiệp nồng nhiệt như ở Nam-Tur. Toàn thể Hiệp-hội các nhà văn Nam-tur đã lên tiếng cùng các nhà văn Tiệp lập tức ngay sau cuộc chiếm đóng. Rồi lần lượt từng người, các văn sĩ thi sĩ nổi tiếng ở Nam-tur đều có thái độ riêng. Tiểu thuyết gia D. Cosic viết: "Các dân tộc và con người không thể nào chịu nhận để được làm cho « sung sướng » hơn bằng cách đánh đổi tự do của mình, các dân

tộc và con người không thể nào chịu nhận đề kẻ khác nhân danh « tương lai » mà đến « cứu » mình thoát khỏi... chính mình!»

A.Vuco, một trong các lãnh tụ phái siêu thực ở Nam Tư bảo rằng : « Thái độ nhất loạt đồng tình của chúng tôi vừa là một biểu dương của sự đau đớn vừa là biểu dương của sự chống đối, bởi vì một hành động xâm lăng như thế mà có thể nhân danh cuộc Cách mạng tháng Mười ».

Người ta, gần đây, có nói đến bức thư chống đối của Evtouchenko gửi lên nhà cầm quyền Nga-xô. Cử chỉ trách móc ấy có lẽ cũng muộn màng, bởi vì tờ *Knjizevne Novine* (Tin Văn) đã từng đăng một bài thơ gửi Evtouchenko. Lời thơ vừa thống trách vừa dục giã :

« Bạn vẫn từng luôn luôn lên tiếng, có sao bây giờ lại im lặng ?

Những câu thơ phản đối của bạn từng được dịch ra tiếng Tiệp-khắc...

Sự bất công càng ở xa xôi, tiếng nói của bạn càng tỏ rõ,

Người ta áp bức các thi sĩ ngay trong nước bạn, mà bạn đi phản đối những cuộc bắt bớ ở Bolivie... »

Phải chăng Evtouchenko không nhắm mắt ngủ được là vì những câu thơ như thế, của các đồng chí ?

Albert Cohen

Hàn lâm viện Pháp quốc tặng giải Tiểu-thuyết cho cuốn *Belle du Seigneur* của Albert Cohen.

Tác giả là một nhà văn người Thụy sĩ, năm nay đã 74 tuổi. Đây là một người viết rất ít, nhưng viết ra cuốn nào là thành công cuốn ấy. Cuốn đầu tiên, xuất bản cách đây 38 năm, *Solal*

được giới phê bình hồi ấy nhắc đến tác phẩm của Balzac. Cuốn thứ hai, được Félicien Marceau cho là kiệt phẩm về văn chương hài hước. Cuốn thứ ba được Marcel Pagnol kêu là tuyệt phẩm nữa. Rồi đến cuốn thứ tư này thì cả Hàn-lâm-viện Pháp quốc đều kêu là tuyệt phẩm.

Cứ cái đà viết lách lai rai như thế, e đó là cuốn chót của Albert Cohen.

J. J. S. S. thừa thắng

Ai nấy còn nhớ sự thành công của cuốn *Le défi américain* của Jean-Jacques Servan-Schreiber.

Một thắng lợi lớn lao như thế nhất định không thể bỏ qua, không khា thác kỹ lưỡng. Nhất là khi người ta có trong tay một tạp - chí lớn, có những phương tiện dồi dào.

Quả nhiên, J.J.Servan - Schreiber dựng ngay một cơ sở xuất bản, cho ra loại sách « Thách đố » (*Defi*). Đây là sự hợp tác giữa J.J.S.S. và Olivier Chevrillon, tức là giữa nhóm *L'Express* với nhóm xuất bản Denoël.

Cuốn đầu tiên của loại sách này là cuốn *Cent ans de retard* của Pierre de Laanurien, nói về trình trạng của các xí-nghiệp bậc nhỏ và bậc trung tại Pháp.

Các giải thưởng Renaudot và Goncourt.

Giải Goncourt năm nay phát cho cuốn *Les fruits de l'hiver* của một nhà văn lão thành : Bernard Clavel.

Giải Renaudot cấp cho cuốn *Le devoir de violence* của một thanh niên Phi-châu tên Yambo Ouologuem.

Cuốn truyện của B.Clavel kể chuyện một nhân vật sinh ra năm 1923 (y như tác giả), tại Lonsle-Saunier (y như tác giả). Các sự việc cũng xảy ra vào lúc nhân vật già nua (y như hoàn cảnh tác giả hiện nay).

Cuốn truyện của Ouologuem kể chuyện một thanh niên trí thức Phi châu (y như tác giả) trở về sống giữa xã hội châu Phi, bên cạnh lớp địa chủ phong kiến (y như thân sinh tác giả) v.v...

Cả hai tác phẩm được chọn năm nay đều gần như tự truyện, đều có đầu có đuôi, có nhân vật, đều kết cấu sáng sủa. Tóm lại là thứ tiểu thuyết truyền thống chính hiệu. (Etienne Lalou phê bình tác phẩm của B. Clavel: « C'est de l'excellente copie [d'ancier] ».

Tiểu-thuyết mới tại Pháp tắt hơi từ năm nay chăng ?

Lại giải thưởng Văn chương.

Giải Interallié cũng thuộc về một cuốn tiểu thuyết nội dung khiến người ta nghĩ đến đời riêng của tác giả.

Thực vậy, *Le petit matin* là câu chuyện của những nhân vật ở miền Bordeaux, quê hương của Christine de Rivoyre. Trong ấy cũng có những con ngựa vốn là một đam mê của tác giả, trong ấy

cũng có những mối tình thiếu thời của tác giả v.v...

Như vậy, ba giải văn chương — Renaudot, Goncourt Interallié, cho người ta cái cảm tưởng rằng tự truyện sắp làm bá chủ.

Trong khi ấy thì hội đồng giải Femina và giải Médicis lại chọn tiểu thuyết lịch sử. *L'oeuvre au noir* của Marguerite Yourcenar (Femina) nói về những thuật sĩ luyện kim thời trung cổ, còn *Le mendiant de Jérusalem* của Elie Wiesel (Médicis) nói về lịch sử Do thái.

Cả ba tác giả đều là những tên tuổi đã có địa vị trong văn giới từ lâu. Christine de Rivoyre xuất bản cuốn truyện đầu tay cách đây đã 12 năm, và hiện thời tác phẩm của bà có thể bán trên mười vạn cuốn. Eli Wiesel, năm nay tuổi vừa tứ tuần, đã thành công ngay từ cuối tiểu thuyết đầu tay (cuốn *La nuit*) được François Mauriac cho là một biến cố.

Còn Marguerite Yourcenar thì tuổi đã 65, tài đã chín mùi. Năm nay bà cụ đã đạt được thành tích không tiền khoáng hậu : cả hội đồng Femina đồng thanh nhất loạt bầu cho bà cụ, ngay ở vòng đầu !

TRĂNG THIÊN

II-68

Hội Điện ảnh Việt-Mỹ

Từ nay những người yêu thích hoạt động về ngành điện-ảnh ở VN có thể có những nơi đề học hỏi, trau dồi kỹ thuật, hội họp với những người đồng sở thích, mới tập sự hoặc đã thành nghề. Hội mang tên là « Hội Điện ảnh Việt Mỹ » và cũng nằm trong phạm vi của hội Việt-Mỹ.

Hội chính thức ra mắt thân-hữu vào 19 giờ 30 ngày 7-12-1968 tại thính đường của hội. Căn phòng qui tụ khá đầy đủ những người trong nghề. Hội

trưởng là một công-kỹ-nghệ gia có tên và cũng có tuổi ở Saigon, ông Huỳnh Công Ngữ. Ông Ngữ được giới thiệu là một nhà thể thao đã từng du lịch thể giới, thực hiện hai phim (có tính cách tài-liệu) về những đặc điểm của Đông, Tây. Ông có nhiều thanh niên tính.

Trong phần diễn-văn, giới thiệu, đôi lúc ông hội-trưởng buột miệng gọi một vài hội viên là « các cậu ». Lối xưng hô thân mật đó bỗng dưng gây được không khí vui vẻ trong phòng họp. Có lúc ông cảm động, cảm động thực tình đến nỗi lời nói như nghẹn lại. Sự cảm động hơi bất ngờ và vì ông kềm đạo diễn cuốn phim « Lá rụng về cội » nên có khán giả đã nghi đây là một phim tình cảm ướt át.

Nhưng cuốn phim thành tích đầu tiên của hội được chiếu ngay sau đó hoàn toàn mang một nội dung xây dựng. Ông Ngữ cáo lỗi vì phim « chưa biết nói » chẳng phải vì hội muốn khởi hành từ thời đại phim câm, nhưng vì trở ngại kỹ thuật. Phim cũng thiếu mất khoảng 2/5. Hội sẽ xin chiếu bổ túc vào một dịp khác có đủ cả đầu đuôi lẫn thanh sắc. Nhờ được nghe kể truyện trước và cốt truyện phim giản dị, khán giả theo dõi một cách dễ dàng. Đó là sự « phản tỉnh » rất nhanh chóng của một thanh niên mới du học về. Anh bị ép duyên với một cô gái rất Á đông. Chê vợ « quê một cục » chàng sinh ra chơi bời hư hỏng. Gặp tai nạn, được vợ săn sóc tận tình, chàng quay về với một cục quê mùa đáng yêu đó. Truyện không xuất sắc, phương tiện eo hẹp, nếu phim hay là nhờ phép lạ, chưa hay thì vẫn đáng khuyến khích vì là công trình của những người mới tập nghề. Các tài tử thì chưa thể tỏ hết tài năng, nếu có, trong 1 phim nhỏ bé như thế. Khán giả trông chờ ở những cây bút viết truyện phim tài ba hơn của hội.

Phim « Hoạt động của Hội Việt Mỹ », cũng là tác phẩm của các hội viên, xuất sắc và vững chãi hơn, nhất là kỹ thuật thâm hình.

Điều quan trọng vẫn là những hoạt động trong tương lai mà hội đang dự định, ước mơ thực hiện. Mở những lớp học về điện ảnh với thành phần học viên rộng rãi hơn. Tổ chức những cuộc du lịch, thuyết trình hoặc thực tập về điện ảnh. Lập giải thưởng cho các phim do những chuyên viên không phải nhà nghề thực hiện.

Một hội viên cho biết hiện giờ hội cần nhiều « thiện chí » của hội viên. Trước những khó khăn, tốn kém của kỹ thuật, « thiện chí » thường phải có một điểm tựa mới vượt qua được. Điểm tựa đó là sự thiết tha với ngành điện ảnh của những người có phương tiện. Hội viên này không có ý bi quan. Ngay trong phần mở đầu của bài diễn văn, ông hội trưởng đã cho biết : Hội điện ảnh V.N. đắp chung chẵn với hội Việt-Mỹ nên được ấm lây.

L.T.Đ.

Chúc

NGỌC HOÁN — QUỲNH GIAO

suốt đời hạnh phúc

Tuấn và các bạn

● *Miền Nam không có quá khứ văn học ?*

— Đó là một luận điệu sẽ tan biến kể từ tháng 12-1968, nghĩa là từ khi phát hành cuốn :

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI

của NGUYỄN-VĂN-XUÂN

— Một số lập luận của NGUYỄN-VĂN-XUÂN rồi có thể mai một theo thời gian. Nhưng phần lớn sẽ làm nền tảng cho sự duyệt xét lần tận căn bản những nhận định về nền văn học Miền Nam. Sau này, không ai có thể đề cập nghiêm chỉnh đến văn học Miền Nam, mà không nghiên cứu đến tác phẩm của NGUYỄN-VĂN-XUÂN.

— Sách do THỜI MỚI xuất bản.

Bạn đang điên đầu vì chiến tranh, hòa bình, điều đình, hội nghị, muốn tiêu sấu hãy đọc :

THƠ XÁM TÚ KẾU

☆ Không thể không đọc Thơ Xám vì chỉ có Thơ Xám mới là nguồn an ủi cuối cùng của bạn trước khi tận thế.

★ Ở Saigon hỏi Nhà sách Khai-Trí,

★ Tiếng nói xuất bản. Bla Nguyễn-Trung. Giá 80 tỳ. Rẻ mạt.

ĐỌC : ĐỂ THIÊN ĐỂ THÍCH

của Nguyễn-Hiến-Lê, cho Thời Mới xuất bản, giá 50đ.

Không những được thấy mô tả cảnh Để thiên Để thích, lại còn biết công trình ấy xây dựng từ bao giờ ? Có những đặc điểm gì ? Trong một hoàn cảnh lịch sử như thế nào của Cao miên ? Lại còn được giải đáp một thắc mắc : Vì sao Miên có di tích vĩ đại như thế, mà Trung hoa với Việt Nam không có ?

Đón đọc :

CHIẾN TRANH và HÒA BÌNH

của Léon Tolstoi

Nguyễn-Hiến-Lê dịch Lá Bối xuất bản sách dày 2500 tranh

★ Các bạn thích bản đẹp xin viết thư dặn trước nơi nhà xuất bản số 120 Nguyễn Lâm — Cholon Thư đề : Võ-Thắng-Tiết.

Tìm đọc :

Truyện dài của Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ

Một tác phẩm can đảm mà ai đã đọc một lần rồi, chắc chắn sẽ phải đọc lại lần thứ hai và nhiều lần nữa.

NGỌN PHÁO BÔNG

Hiện Đại xuất bản. Giá : 100đ